

CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM



BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CỦA:

DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VẮN PHÒNG PHẨM

Địa điểm: Lô J13B, J14 Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng, xã An Hưng,
huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.



TỔNG GIÁM ĐỐC
IHARA YUJI



PHÓ GIÁM ĐỐC
Lê Thùy Dung

Hải Phòng, năm 2024

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT	4
CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	5
1.1 Thông tin chủ dự án đầu tư	6
1.2 Thông tin dự án đầu tư	6
1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án	6
1.3.1 Công suất, sản phẩm	6
1.3.2 Công nghệ sản xuất	7
1.3.3 Máy móc thiết bị sản xuất	26
1.4 Nguyên, nhiên liệu, hóa chất, điện năng, nước	41
1.4.1 Nguyên liệu	41
1.4.2 Hóa chất	42
1.4.3 Lao động	43
1.4.4 Điện năng	43
1.4.5 Nước sạch	43
1.5 Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	45
1.5.1 Vị trí thực hiện dự án	45
1.5.2 Hạ tầng kỹ thuật của dự án	48
1.5.3 Hoạt động chấp hành công tác BVMT của Công ty sau khi được cấp Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM	51
1.5.3.1 Tiến độ thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM	51
1.5.3.2 Hiện trạng về chương trình quản lý môi trường	51
1.5.3.3 Hiện trạng về chương trình giám sát môi trường	52
1.5.3.4 Hiện trạng công tác thanh kiểm tra tại Nhà máy năm 2022	52
1.5.3.5 Công tác quản lý môi trường và báo cáo	52
CHƯƠNG 2: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	53
2.1 Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường	53
2.2 Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường:	53
CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN	54
3.1 Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	54
3.1.1 Hệ thống thu gom và thoát nước mưa	54
3.1.2 Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt	55
3.2 Công trình, biện pháp lý bụi, khí thải	56
3.2.1 Hệ thống xử lý khí thải từ máy thổi túi, máy tái chế nhựa	56
3.2.2 Hệ thống lọc bụi từ máy băm nhựa	56

3.2.3 Hệ thống xử lý khí thải (hơi keo) tại khu vực dán nhãn, tem mã vạch	58
3.3 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	59
3.3.1 Chất thải sinh hoạt	59
3.3.2 Chất thải công nghiệp	60
3.4 Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại	60
3.5 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, nhiệt dư	60
3.6 Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường	60
3.6.1 Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ.....	60
3.6.2 Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống thu thoát nước mưa, nước thải....	62
3.6.3 Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải	62
3.6.4 Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải nguy hại	62
3.6.5 Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất	62
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	65
4.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải.....	65
4.2 Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải.....	65
4.2.1 Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải	65
4.2.1.1 Nguồn phát sinh khí thải	65
4.2.1.2 Dòng khí thải, vị trí xả khí thải.....	65
4.2.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải.....	65
4.2.2.1 Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)	65
4.2.2.2 Kế hoạch vận hành thử nghiệm	66
4.2.3 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường	66
4.3 Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường.....	67
4.3.1 Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung	67
4.3.1.1 Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	67
4.3.1.2 Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.....	Error! Bookmark not defined.
4.3.1.3 Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung.....	67
4.3.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung.....	67
4.3.2.1 Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	67
4.3.2.2 Các yêu cầu về bảo vệ môi trường.....	68
4.4 Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố.....	68
4.4.1 Quản lý chất thải.....	68
4.4.1.1 Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh	68

4.4.1.2 Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại	69
4.4.2 Yêu cầu phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.....	70
4.5 Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường	70
CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG	72
CHƯƠNG 6: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	73
PHỤ LỤC
...74	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Ký hiệu viết tắt	Minh giải
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CTRSX	Chất thải rắn sản xuất
CTNH	Chất thải nguy hại
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia
QCCP	Quy chuẩn cho phép
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TCCP	Tiêu chuẩn cho phép
UBND	Ủy ban nhân dân
ĐTM	Đánh giá tác động môi trường
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
COD	Nhu cầu oxy hóa học
TSS	Chất rắn lơ lửng
DO	Dầu diesel

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất bì nhựa, phụ kiện nhựa từ hạt nhựa PP.....	7
Hình 1.2. Hình ảnh minh họa máy trộn hạt nhựa.....	8
Hình 1.3. Hình ảnh minh họa máy chế bản bì nhựa.....	8
Hình 1.4. Hình ảnh minh họa máy dập định hình.....	9
Hình 1.5. Sơ đồ quy trình sản xuất cuộn túi nilon từ hạt nhựa PP.....	9
Hình 1.6. Hình ảnh minh họa máy chế tạo túi.....	11
Hình 1.7. Sơ đồ quy trình tái chế hạt nhựa.....	12
Hình 1.8. Hình ảnh minh họa máy tái chế nhựa.....	12
Hình 1.9. Quy trình công nghệ sản xuất file đựng tài liệu từ bì nhựa và túi nilon	13
Hình 1.10. Quy trình công nghệ sản xuất file kẹp tài liệu.....	15
Hình 1.11. Quy trình công nghệ sản xuất sổ, vở ghi chép.....	17
Hình 1.12. Qui trình công nghệ sản xuất cặp đựng tài liệu:.....	18
Hình 1.13. Quy trình công nghệ sản xuất file đựng tài liệu từ bì nhựa.....	20
Hình 1.14. Quy trình hoạt động của kho F12a.....	21
Hình 1.15 Sơ đồ công nghệ sản xuất bán thành phẩm khóa.....	22
Hình 1.16 Qui trình công nghệ sản xuất túi kéo khóa đựng tài liệu.....	24
Hình 1.17. Qui trình sản xuất Tấm nhựa chắn bảo vệ mặt.....	26
Hình 3.1. Hệ thống thu thoát nước mưa của Nhà máy.....	54

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất hiện tại và sau khi phát triển sản xuất của nhà máy.....	6
Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị của Công ty.....	26
Bảng 1.3. Nguyên liệu sản xuất của dự án.....	41
Bảng 1.4. Hóa chất sử dụng của dự án.....	42

CHƯƠNG 1. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1 Thông tin chủ dự án đầu tư

CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô J13B, J14 Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:
 - + Họ tên: Ông IHARA YUJI
 - + Chức vụ: Tổng giám đốc
- Giấy đăng ký kinh doanh mã số doanh nghiệp 0200607088 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 19/12/2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 06/06/2023;
- Giấy chứng nhận đầu tư mã số dự án 5472874926 do Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp đăng ký lần đầu ngày 08/12/2004 và chứng nhận thay đổi lần thứ 8 ngày 23/3/2023.

1.2 Thông tin dự án đầu tư

DỰ ÁN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VĂN PHÒNG PHẨM

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô J13B, J14 Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Ban Quản lý khu kinh tế Hải Phòng.
- Cơ quan cấp giấy phép có liên quan đến môi trường:
Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường số 618/QĐ-BQL/QĐ-BQL ngày 27/02/2020.
- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án nhóm B.
- Dự án có tiêu chí môi trường thuộc dự án đầu tư nhóm II (theo mục số 2, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

1.3 Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án

1.3.1 Công suất, sản phẩm

Bảng 1.1. Công suất hiện tại và sau khi phát triển sản xuất của nhà máy

TT	Tên sản phẩm	Công suất	
		Chiếc/năm	Tấn/năm
I	Theo ĐTM đã được phê duyệt		
1	Kẹp tài liệu	44.000.000	1.325

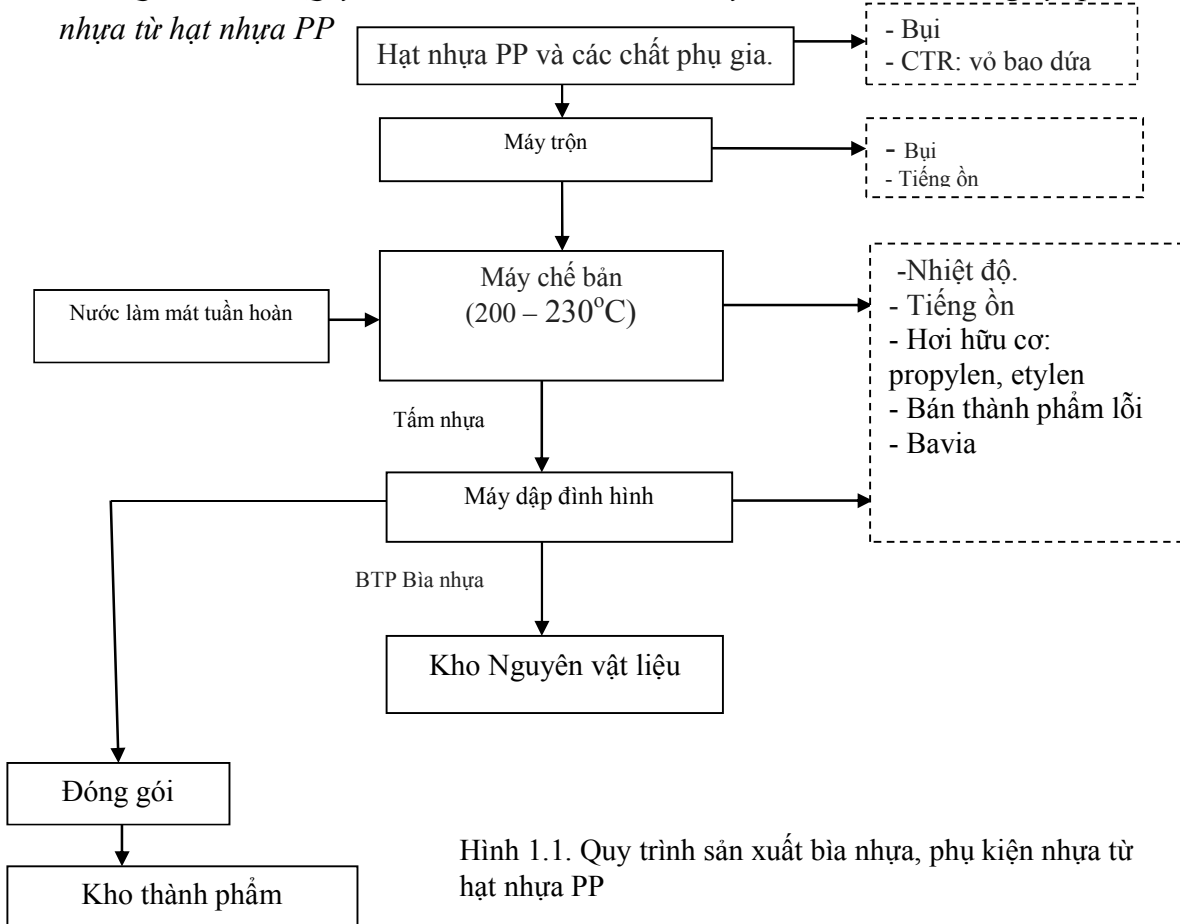
2	Bìa đựng tài liệu	40.000.000	280
3	Vở (sổ ghi chép)	4.000.000	80
4	Cặp sách (cặp đựng tài liệu)	3.500.000	175
5	Hộp nhựa văn phòng (hộp bút, hộp đựng thẻ, khay nhựa để bàn)	7.000.000	210
6	Túi kéo khóa (khóa nhựa) đựng tài liệu	3.500.000	140
7	Các sản phẩm làm từ hạt nhựa các loại (file đựng tài liệu, file đựng tài liệu từ bìa nhựa, lấy nhựa, thanh nhựa phụ kiện văn phòng phẩm)	15.000.000	2.800
II	Bổ sung so với ĐTM đã được phê duyệt		
1	Tấm nhựa chắn bảo vệ mặt	1.000.000	50

1.3.2 Công nghệ sản xuất

a. Các quy trình sản xuất không thay đổi so với ĐTM

Không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt

Quy trình 1: Quy trình sản xuất bìa nhựa, lấy nhựa, thanh chắn giấy, phụ kiện nhựa từ hạt nhựa PP



Hình 1.1. Quy trình sản xuất bìa nhựa, phụ kiện nhựa từ hạt nhựa PP

Công đoạn trộn nguyên liệu:

Nguyên liệu là hạt nhựa PP, chất làm mềm nhựa, chất chống tĩnh điện nhựa, các chất phụ gia khác (được nhập khẩu từ nước ngoài và trong nước)...với tỉ lệ khác nhau tùy theo mã hàng sẽ được đưa vào máy trộn để trộn đều trong khoảng thời gian 30 phút với 70°C - 90°C



Hình 1.2. Hình ảnh minh họa máy trộn hạt nhựa

Công đoạn tạo tấm bìa nhựa bằng máy chế bản:

Nguyên liệu được hút lên phễu tiếp nhận nguyên liệu của máy chế bản. Sau khi nguyên liệu đổ đầy. Nguyên liệu dần dần được chuyển đến hệ thống gia nhiệt, quá trình gia nhiệt được thực hiện ở nhiệt độ khoảng $200 - 250^{\circ}\text{C}$. Tại nhiệt độ này, hạt nhựa sẽ chuyển từ trạng thái rắn sang trạng thái dẻo, sau đó sẽ được ép và định hình sản phẩm thành các tấm bìa nhựa bằng cách đùn qua một khe thẳng. Sản phẩm được làm lạnh gián tiếp bằng trục rỗng có nước đi phía trong. Nước sau làm mát gián tiếp có nhiệt độ cao (34°C - 36°C) được đưa đến chiller làm mát bằng gas lạnh R407C để giảm nhiệt độ xuống còn khoảng 20°C , sau đó được sử dụng tuần hoàn, định kỳ bổ sung lượng nước thất thoát. Bìa nhựa được cắt theo kích cỡ qui định bởi bộ phận cắt định hình của máy chế bản. Sản phẩm của máy chế bản là những tấm bìa nhựa có độ dày và kích thước khác nhau. Sản phẩm phẩm lỗi và bavìa nhựa phát sinh từ bộ phận cắt, được lưu chứa tạm thời trong thùng chứa, sau đó được đưa đến bộ phận nghiền và tái chế hạt nhựa.



Hình 1.3. Hình ảnh minh họa máy chế bản bìa nhựa

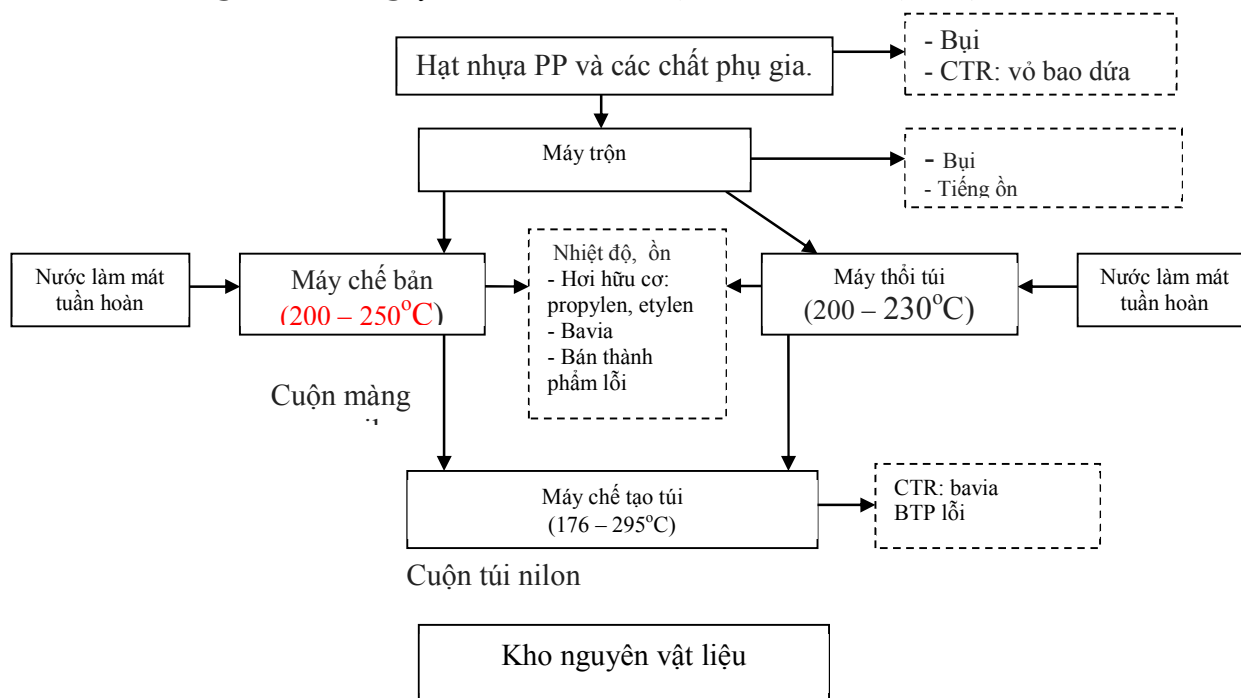
Công đoạn dập định hình:

Tấm nhựa được đưa đến máy dập định hình để định hình theo khuôn có sẵn. Tùy thuộc loại sản phẩm mà sử dụng các khuôn khác nhau. Thiết bị này sử dụng lực cơ học cắt định hình các tấm nhựa thành các bìa nhựa theo kích thước khác nhau tùy theo từng mã hàng. Bavia nhựa phát sinh tại công đoạn này được lưu trữ tạm trong thùng chứa trước khi chuyển đến bộ phận máy băm nhựa và máy tái chế hạt nhựa. Bavia ngoài những loại có nhu cầu tái sử dụng thì được chuyển ra máy tái chế còn lại sẽ được chuyển ra bán rác. Bán thành phẩm bìa nhựa được tạo thành sẽ được vận chuyển và lưu trữ tại kho nguyên vật liệu của nhà máy sau đó đưa đến dây chuyền lắp ráp. Một số chủng loại chuyển về nhập tại kho thành phẩm, Sản phẩm lấy nhựa, thanh chắn giấy, phụ kiện nhựa... được tạo thành sẽ được đóng gói, lưu kho thành phẩm.



Hình 1.4. Hình ảnh minh họa máy dập định hình

Quy trình 2: Quy trình sản xuất cuộn túi nilon từ hạt nhựa PP



Hình 1.5. Sơ đồ quy trình sản xuất cuộn túi nilon từ hạt nhựa PP

Công đoạn trộn nguyên liệu:

Nguyên liệu là hạt nhựa PP, chất làm mềm nhựa, chất chống tĩnh điện nhựa, các chất phụ gia khác (được mua từ trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài) ...với tỉ lệ khác nhau tùy theo mã hàng sẽ được đưa vào máy trộn để trộn đều trong khoảng thời gian 30 phút.

Công đoạn tạo cuộn màng nilon bằng máy chế bản:

Nguyên liệu được hút lên phễu tiếp nhận nguyên liệu của máy chế bản. Sau khi nguyên liệu đổ đầy. Nguyên liệu dần dần được chuyển đến hệ thống gia nhiệt, quá trình gia nhiệt được thực hiện ở nhiệt độ khoảng 200 – 250⁰C. Tại nhiệt độ này, hạt nhựa sẽ chuyển từ trạng thái rắn sang trạng thái dẻo, sau đó sẽ được ép và định hình sản phẩm thành màng nilon bằng cách đùn qua một khe thẳng. Sản phẩm được làm lạnh gián tiếp bằng trục rỗng có nước đi phía trong. Nước sau làm mát gián tiếp có nhiệt độ cao (34-36⁰C) được đưa đến chiller làm mát bằng gas lạnh R407C để giảm nhiệt độ xuống còn khoảng 20⁰C, sau đó được sử dụng tuần hoàn, định kỳ bổ sung lượng nước thất thoát. Sản phẩm là cuộn màng nilon. Sản phẩm lỗi và bavia nhựa phát sinh sẽ được lưu chứa tạm thời trong thùng chứa, sau đó được đưa đến bộ phận nghiền và tái chế hạt nhựa.

Công đoạn tạo cuộn màng nilon bằng máy thổi túi:

Hạt nhựa PP sau khi trộn với các chất phụ gia, chất làm mờ (tùy loại túi mà nguyên liệu được trộn với chất làm mờ hoặc không) chứa trong thùng chứa, được hút lên phễu của máy thổi túi. Phễu nằm phía sau của trục vít truyền dẫn. Sau khi khởi động máy trục vít quay với tốc độ 120 vòng phút chuyển tiếp hạt nhựa từ phễu đến trục vít truyền dẫn, tại đây hạt nhựa được đun nóng với nhiệt độ tăng dần theo chiều dài của trục vít. Quá trình gia nhiệt ở nhiệt độ từ 200⁰ C đến 230⁰ C, bắt đầu từ điểm roi của hạt nhựa trên phễu xuống cho đến điểm được ép ra phôi, nhờ đó mà hạt nhựa chỉ nóng chảy dần. Lượng khí tồn tại trong hạt nhựa được ép ra ngoài 100% cho đến khi hạt nhựa được nóng chảy hoàn toàn.

Khi hạt nhựa được nóng chảy và đã loại sạch không khí thì được ép đến khuôn. Khuôn máy thổi túi có hình vành khăn. Khi nhựa nóng chảy được đẩy qua khuôn vành khăn này theo phương thẳng đứng để tạo thành một cái ống màng, đồng thời ở giữa khuôn có một lỗ hồng, thông qua lỗ hồng này không khí được đưa vào bên trong để thổi phồng ống. Ống màng được kéo từ độ cao khoảng 3000 mm xuống và được làm mát trực tiếp bằng nước để có đủ thời gian làm nguội sau đó đi qua một con lăn để làm dẹp màng lại và trở thành màng đôi. Màng đôi được cuộn thành các cuộn túi. Đồng thời màng được làm mát gián tiếp bằng quả lô (trục rỗng) có nước đi phía trong. Nước sau khi được sử dụng làm mát trực tiếp và gián tiếp có nhiệt độ cao (34-36⁰C) được đưa đến tháp làm mát giải nhiệt bằng gió hạ nhiệt xuống còn 30⁰C tiếp tục được đưa

vào máy chiller làm mát bằng gas lạnh R407C (được bố trí ở phía ngoài nhà xưởng số 1) để giảm nhiệt độ xuống còn khoảng 20°C và sử dụng tuần hoàn, định kỳ bổ sung lượng nước thất thoát. Màng đôi được cuộn thành các cuộn túi, tiếp tục chuyển đến máy chế tạo túi.

Công đoạn chế tạo túi:

Cuộn túi từ máy chế bản túi và máy thổi túi được đưa đến máy chế tạo túi:

+Bộ phận cắt định hình sẽ cắt thành các cỡ túi khác nhau.

+Bộ phận hàn siêu âm và hàn nhiệt: hàn đáy túi ở nhiệt độ từ 176 – 295°C tùy thuộc độ dày, mỏng của mã hàng.

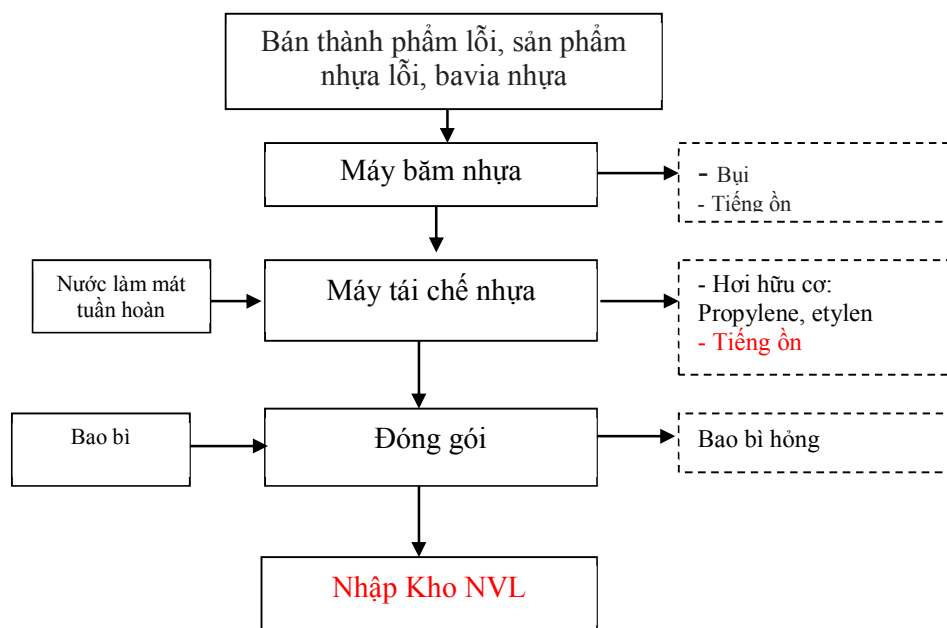
+Bộ phận dập lỗ túi nilon: sử dụng lực cơ học để tạo thành bìa lỗ.

Bavia nhựa phát sinh tại các bộ phận dập lỗ, cắt định hình được lưu trữ tạm trong thùng chứa trước khi chuyển đến được chuyển đến khu vực tái chế hoặc bán rác tùy thuộc vào nhu cầu sử dụng. Túi nhựa được vận chuyển và lưu trữ tại kho nguyên vật liệu của nhà máy, sau đó được đưa đến dây chuyền chờ lắp ráp



Hình 1.6. Hình ảnh minh họa máy chế tạo túi

Quy trình 3: Quy trình tái chế hạt nhựa từ bavia nhựa và bán thành phẩm nhựa lõi



Hình 1.7. Sơ đồ quy trình tái chế hạt nhựa

Công đoạn băm nhựa: Bavia nhựa, bán thành phẩm lõi, sản phẩm lõi được thu gom, vận chuyển đến bộ phận máy băm nhựa thành kích cỡ nhỏ để tái chế.

Công đoạn tái chế nhựa bằng máy tái chế nhựa:

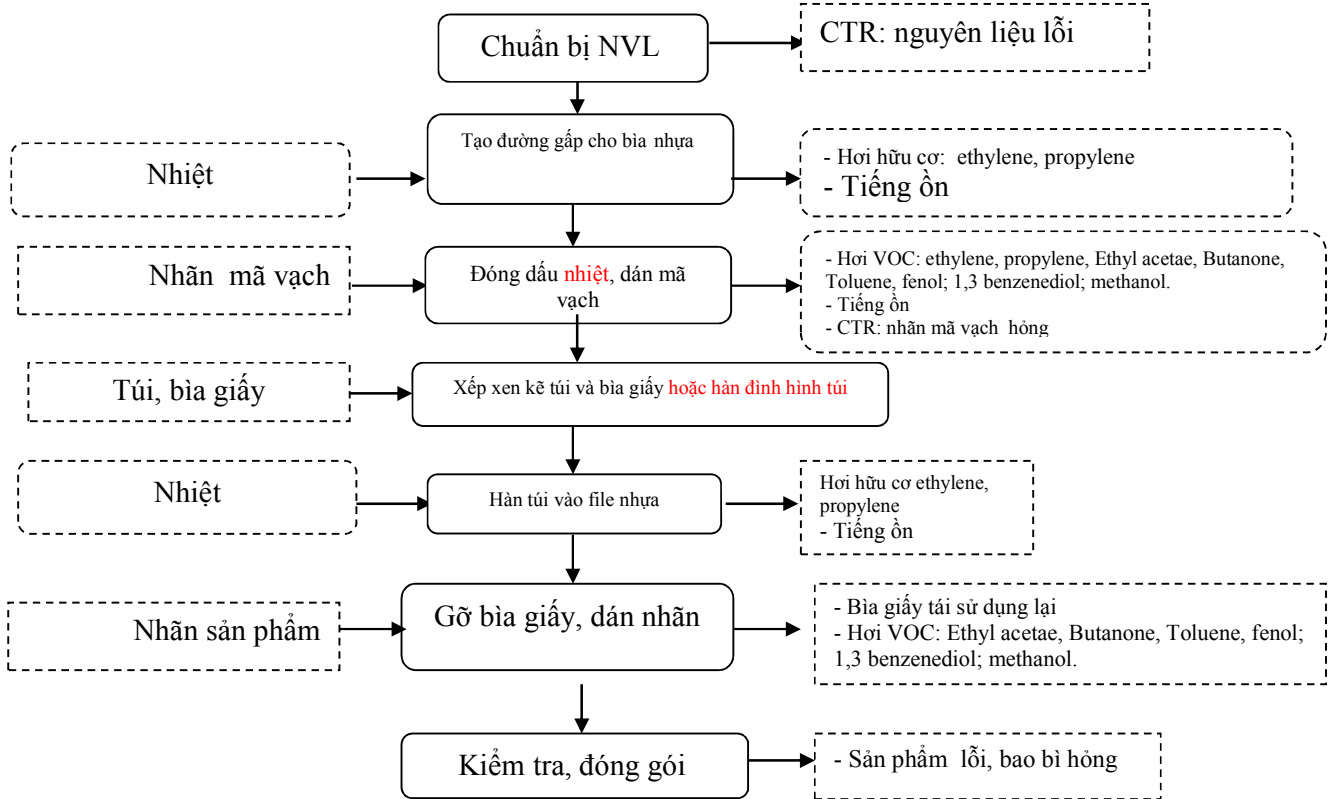
Nhựa phế liệu sau khi băm thành kích thước nhỏ sẽ được chuyển vào bộ phận ép đùn của máy tái chế nhựa thông qua phễu nạp nguyên liệu. Tại đây, nhờ được gia nhiệt độ 240°C sẽ làm nhựa nóng chảy dưới dạng dẻo và áp suất đùn tạo bán thành phẩm là các sợi nhựa. Quá trình này có sử dụng nước để làm mát sợi nhựa và làm mát khuôn ép. Sợi nhựa được chạy qua một bể nước nhằm làm mát trực tiếp sợi nhựa. Nước sau làm mát có nhiệt độ cao (34⁰C-36⁰C) được đưa đến tháp làm mát giải nhiệt bằng gió (được bố trí ở phía ngoài nhà xưởng số 1) để giảm nhiệt độ xuống còn khoảng 30°C và sử dụng tuần hoàn, định kỳ bổ sung lượng nước thất thoát. Bộ phận cắt của máy tái chế nhựa sẽ cắt sợi nhựa thành các hạt nhựa. Hạt nhựa tạo thành được đưa vào kho nguyên liệu phục vụ cho sản xuất.



Hình 1.8. Hình ảnh minh họa máy tái chế nhựa

Quy trình 4: Quy trình sản xuất file đựng tài liệu từ bì nhựa và túi nilon

N-5000,5001,5061,5062,5063,5065, G3101,3102... chuyên Elgrand, Clearbook



Hình 1.9. Quy trình công nghệ sản xuất file đựng tài liệu từ bì nhựa và túi nilon

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu gồm (bì nhựa cắt theo kích cỡ, bộ túi nilon, tấm ngăn bằng nhựa) được sản xuất tại nhà máy hoặc nhập khẩu từ nước ngoài và nhãn sản phẩm (nhập khẩu), tem mã vạch (in tại nhà máy), thùng carton (nhập khẩu), ... được đưa vào sản xuất qua các bước:

Tạo 2 đường gấp cho bì nhựa:

Bì nhựa có hình dạng và kích thước theo mẫu được đưa vào máy tạo đường gấp bằng nhiệt để tạo 2 đường gấp ở chính giữa gáy, công đoạn này được thực hiện trên cơ sở lập trình sẵn (đường gấp đạt yêu cầu không quá sâu gây rách, không quá nông gây khó gấp)

Đóng dấu tên sản phẩm trên file, dán nhãn mã vạch

Bì nhựa đã được tạo 2 đường gấp được đưa vào máy đóng dấu sử dụng nhiệt độ để in tên sản phẩm lên trên gáy của file, vị trí giữa 2 đường gấp và vị trí mặt trước

của file theo kích thước yêu cầu. Dùng máy dán nhãn mã vạch vào mặt sau của file (góc bên phải của đầu)

Xếp xen kẽ túi và bì giấy hoặc hàn định hình túi

Công nhân tiến hành xếp xen kẽ tấm ngăn bằng nhựa, túi và bì giấy với nhau, rồi kẹp vào giữa bì nhựa. Tác dụng của việc xếp xen kẽ này là để tạo độ cứng cho túi khi đưa vào máy hàn. Đối với cỡ mã hàng có túi không xếp xen kẽ giấy, thì công nhân sẽ tiến hành định hình cố định các túi với nhau bằng máy siêu âm.

Hàn túi vào file nhựa:

Công nhân cho file nhựa, bộ túi nilon đựng tài liệu đã xếp xen kẽ với bì giấy hoặc bộ túi đã được định hình vào máy hàn túi. Công đoạn này đòi hỏi nhiệt độ cao, hoặc sóng siêu âm cao tần để hàn túi vào file (yêu cầu mỗi hàn phải chắc, túi không bị bong ra)

Gỡ bì giấy ra khỏi file, dán nhãn sản phẩm

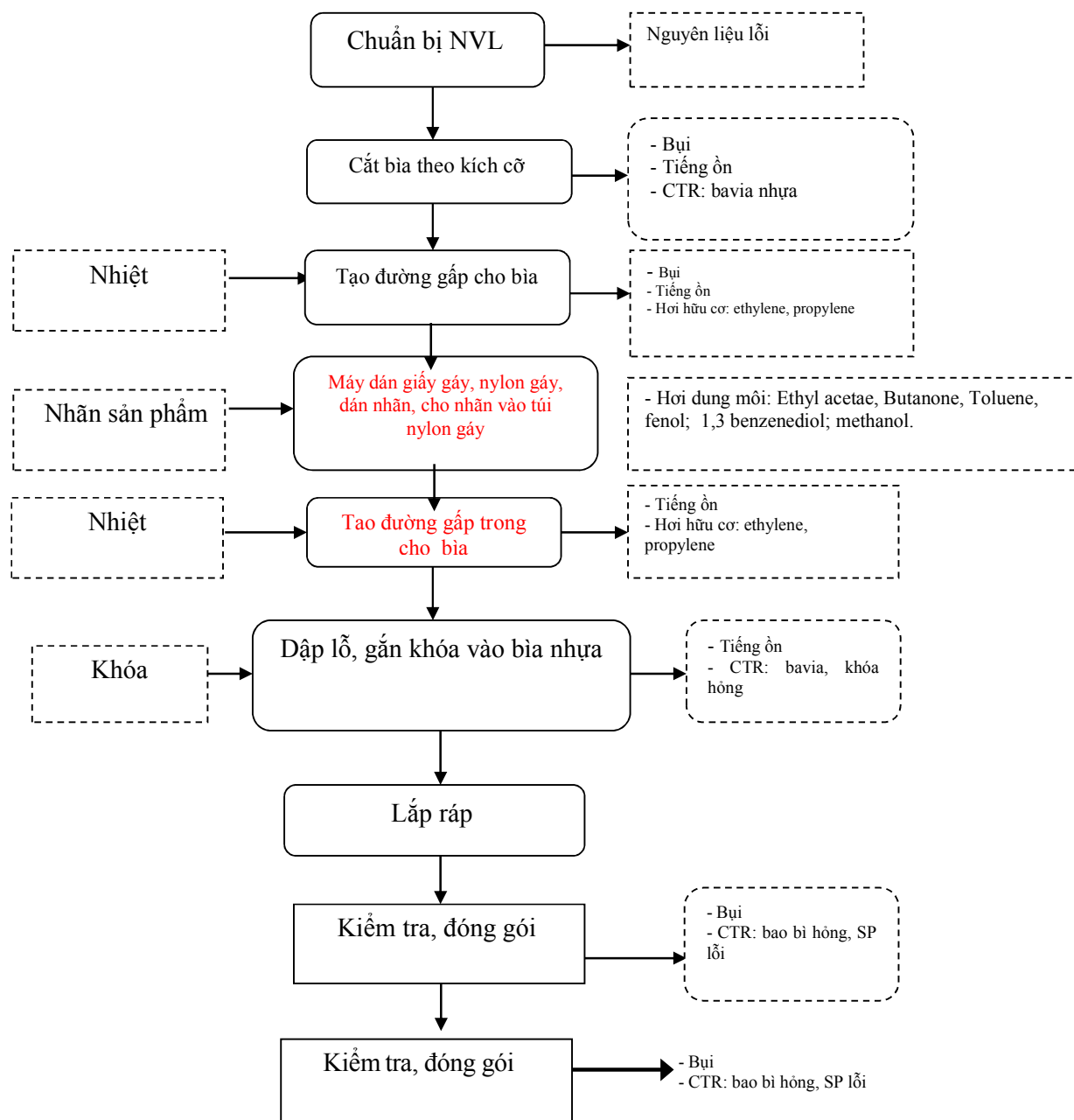
Sau khi hàn túi vào file, công nhân gỡ bì giấy ra khỏi file đối với hàng có xếp giấy xen kẽ đồng thời dán nhãn sản phẩm vào gáy file và hoàn thành sản phẩm

Kiểm tra và đóng gói:

Sản phẩm đã hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra và chuyển sang bộ phận đóng gói chờ xuất khẩu. Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,7\%$

Quy trình 5: Quy trình sản xuất file kẹp tài liệu

G2235, G2228, AKTM1, AKTM2, F-870U, F871U...chuyên Dgata, Kadolock



Hình 1.10. Quy trình công nghệ sản xuất file kẹp tài liệu

Thuyết minh quy trình:

Sau khi chuẩn bị nguyên liệu (gồm bìa nhựa, khóa kẹp bằng sắt, tấm ngăn bằng nhựa, chốt kim loại, miếng bìa giấy) được sản xuất tại nhà máy hoặc được nhập khẩu từ nước ngoài và nhãn sản phẩm (nhập khẩu), tem mã vạch (in tại nhà máy) được đưa vào gia công theo các bước sau:

Cắt bìa theo kích thước yêu cầu, sửa bavia

Bìa nhựa được tạo bởi máy chế bản hoặc được bìa nhập về theo khổ lớn đưa vào máy cắt để cắt theo kích thước của từng mã hàng. Sau đó đem cắt sửa bavia cho đến khi đạt yêu cầu (bìa nhựa đạt yêu cầu là phải tạo được độ trơn, không gây xước cho tay khi cầm)

Tạo hai đường gấp ngoài cho bìa nhựa, dán nhãn mã vạch

Bìa nhựa sau khi được sửa bavia được đưa vào máy tạo đường gấp bằng nhiệt để tạo hai đường viền gấp ở chính giữa, công đoạn này được thực hiện trên cơ sở lập trình sẵn (đường gấp đạt yêu cầu không quá sâu gây rách, không quá nông gây khó gấp). Sau đó công nhân dán nhãn mã vạch vào mặt sau của file.

(Đối với hàng có đường gấp trong thì công đoạn dán nhãn mã vạch được thực hiện sau khi dán giấy gáy.)

Dán giấy gáy (nhãn sản phẩm)

Đối với mã hàng dán giấy gáy: Công nhân cho 1 nhãn sản phẩm chạy qua con lăn của máy dán keo để quét một lớp keo lên mặt sau của nhãn. Sau đó, dán nhãn sản phẩm vào vị trí giữa hai đường gấp.

Đối với mã hàng có gắn nhãn sản phẩm vào tấm nylon gáy: Công nhân cho bìa nhựa đã tạo đường gấp vào máy hàn nylon gáy để gắn một miếng nylon nhỏ lên hai đường gấp (vị trí và kích thước tùy theo mã hàng) để tạo thành túi đựng. Sau đó cho một nhãn sản phẩm vào trong túi nylon đó.

Tạo đường gấp trong cho bìa nhựa

File nhựa được đưa vào máy tạo đường gấp bằng nhiệt độ để tạo hai đường gấp trong (đường gấp phải đạt yêu cầu là phải tạo được đường vuông góc giữa gáy của file và hai đường gấp trong, ngoài) (Một số mã hàng sẽ không có công đoạn này)

Dập lỗ, gắn khóa vào bìa nhựa

Công nhân đưa file nhựa vào máy dập lỗ để tạo hai lỗ cho file theo kích thước yêu cầu (đối với các mã hàng chưa được tạo lỗ từ công đoạn tạo hình), sau đó chuyển qua máy dập khóa để gắn cố định 01 khóa nẹp bằng sắt và bộ nhãn sản phẩm (nhựa và giấy) vào file bằng các chốt kim loại (2 hoặc 3 chốt).

Lắp ráp

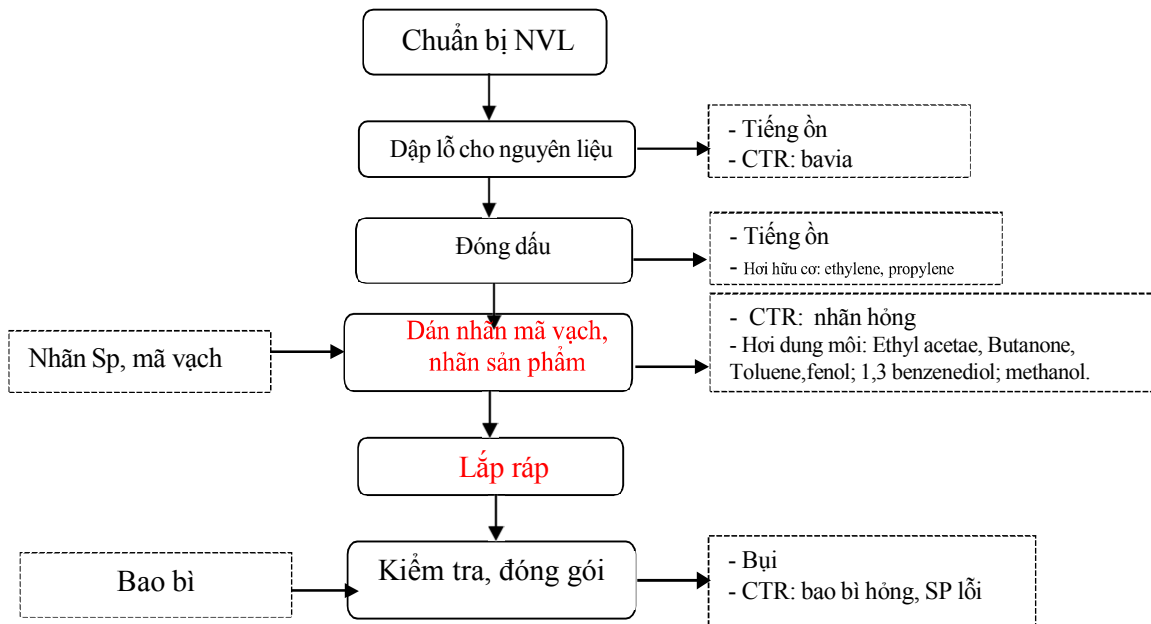
Công nhân tiến hành cài 2 tấm ngăn bằng nhựa, một miếng bìa giấy (nhằm chống xước cho khóa), 1 thanh chặn nhựa vào khóa, đồng thời dán 01 nhãn sản phẩm vào gáy hoặc mặt trong của file (tùy theo mã hàng cụ thể mà số lượng phụ kiện sẽ khác nhau). Đến công đoạn này, sản phẩm được hoàn chỉnh.

Kiểm tra và đóng gói

Sản phẩm đã được hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra và chuyển sang bộ phận đóng gói chờ ngày xuất xưởng. Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,9\%$

Quy trình 6: Quy trình sản xuất số, vở ghi chép

N-1608, N-1658, N-1908, N-1958, N-1661, N-1664, N-1665... chuyển Vở



Hình 1.11. Quy trình công nghệ sản xuất số, vở ghi chép

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu gồm bì nhựa được tạo bởi máy chế bản, (giấy viết, khóa nẹp bằng nhựa, nhãn sản phẩm,...) được nhập khẩu từ nước ngoài hoặc nội địa và tem mã vạch (được sản xuất tại nhà máy) được đưa vào sản xuất theo các bước sau:

Dập lỗ cho nguyên liệu:

Nguyên liệu (trừ khóa nhựa và nhãn mã vạch, nhãn sản phẩm) được đưa vào máy dập lỗ để tạo ra số lượng lỗ theo khuôn định sẵn cho mỗi mã hàng (số lượng cho mỗi lần dập lỗ tùy thuộc vào độ dày của từng loại nguyên liệu).

Đóng dấu:

Bìa nhựa sau khi dập lỗ sẽ được chuyển sang công đoạn đóng dấu. Công nhân tiến hành cho 1 pcs bìa vào máy đóng dấu film carbon để gắn 1 hoặc 2 dấu (logo hoặc thông tin sản phẩm) lên trên bìa nhựa tại các vị trí yêu cầu theo mẫu.

Dán nhãn mã vạch, nhãn sản phẩm:

Công nhân tiến hành dán 1 mã vạch vào mặt sau của bìa thứ 2 (bìa sau) ở vị trí quy định và 1 hoặc 2 nhãn sản phẩm vào bìa nhựa thứ nhất (bìa trước) đã được đóng dấu tại các vị trí yêu cầu tương ứng với mỗi mã hàng. Công đoạn này được thực hiện

bằng máy dán nhãn trên cơ sở lập trình sẵn. Bìa cần dán được thả trên băng chuyền đi qua con lăn máy sẽ tự động gắn 1 nhãn dán vào bìa. (Một số mã hàng công đoạn này được thực hiện dán thủ công bằng tay).

Lắp ráp:

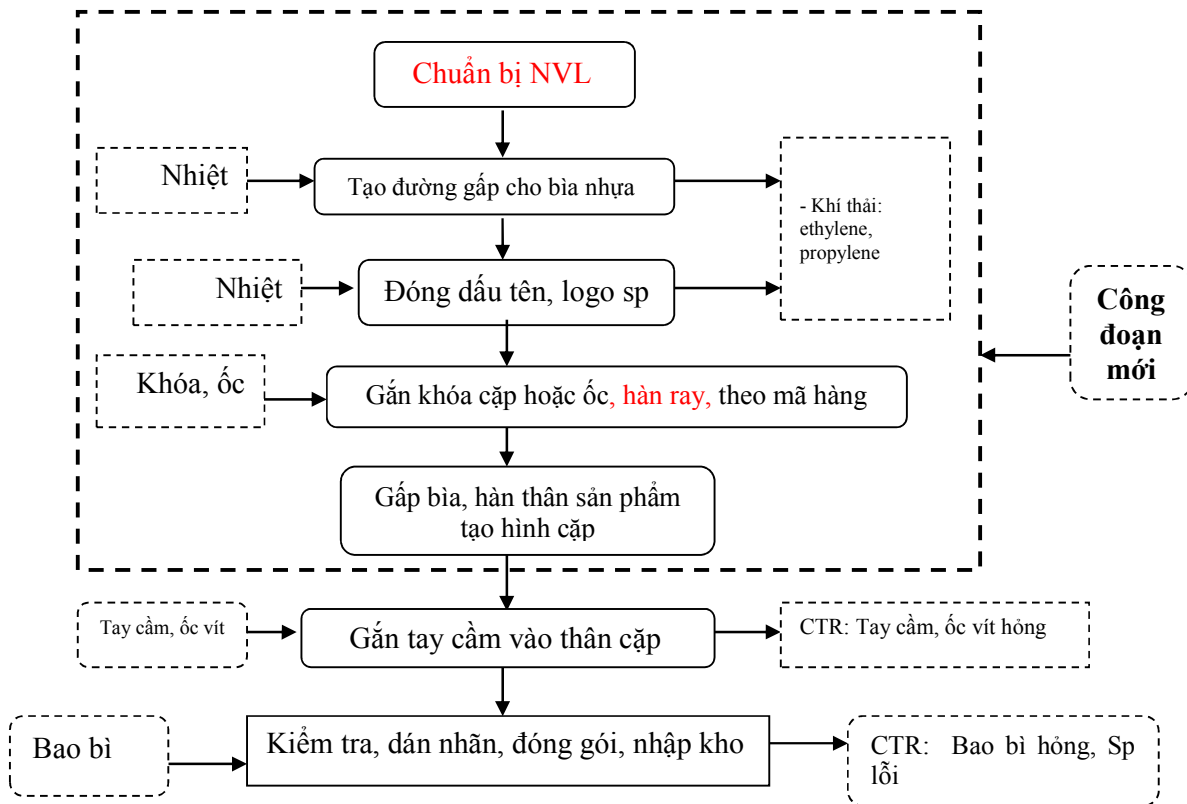
Công nhân tiến hành lắp ráp để tạo thành sản phẩm bằng cách lần lượt cho các nguyên liệu đã được dập lỗ vào khóa nhựa theo thứ tự mẫu để hoàn thành sản phẩm

Kiểm tra và đóng gói:

Sản phẩm đã hoàn chỉnh được kiểm tra và chuyển sang bộ phận đóng gói chờ xuất hàng. Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,5\%$

Quy trình 7: Quy trình công nghệ sản xuất cấp đựng tài liệu:

A-5005, A-5007, A-660, A-662, A-7611...chuyên Bag



Hình 1.12. Quy trình công nghệ sản xuất cấp đựng tài liệu:

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu gồm bìa nhựa được tạo bởi máy chế bản, (ốc các loại, ray nhựa, khóa cặp, quai cặp, chặn dưới quai cặp, ốc vít kim loại, túi nylon bọc, nhãn sản phẩm,...) được nhập khẩu từ nước ngoài hoặc nội địa và tem mã vạch (được in tại nhà máy) được đưa vào sản xuất theo các bước sau:

Tạo 2 đường gấp cho bì nhựa:

Bì nhựa có hình dạng và kích thước định sẵn theo mẫu được đưa vào máy tạo đường gấp bằng nhiệt để tạo các đường gấp trên sản phẩm. Công đoạn này được thực hiện trên cơ sở lập trình sẵn. Đường gấp đạt yêu cầu không quá sâu gây rách, không quá nông khó gấp.

Đóng dấu tên, logo sản phẩm trên bì:

Bì nhựa sau khi tạo các đường gấp sẽ được chuyển sang công đoạn đóng dấu. Công nhân tiến hành cho 1 pcs bì vào máy đóng dấu film cacbon để gắn 1 hoặc 2 dấu (logo hoặc thông tin sản phẩm) lên trên bì nhựa tại các vị trí yêu cầu theo mẫu.

Gắn khóa cặp hoặc ốc, hàn ray theo mã hàng:

Sản phẩm đã được đóng dấu cho vào máy gắn khóa hoặc gắn các ốc các loại, ray nhựa theo mẫu sản phẩm.

Gấp bì, hàn thân sản phẩm tạo hình cặp.

Bì nhựa được gấp theo đúng chiều và theo các đường có sẵn tạo thành hình cặp (1 số mã có gắn ốc các loại) để cố định thân cặp, sau đó được đưa vào máy hàn (máy hàn siêu âm) 2 bên thân cặp để tạo thành hình cặp theo mẫu.

Gắn tay cầm vào thân cặp:

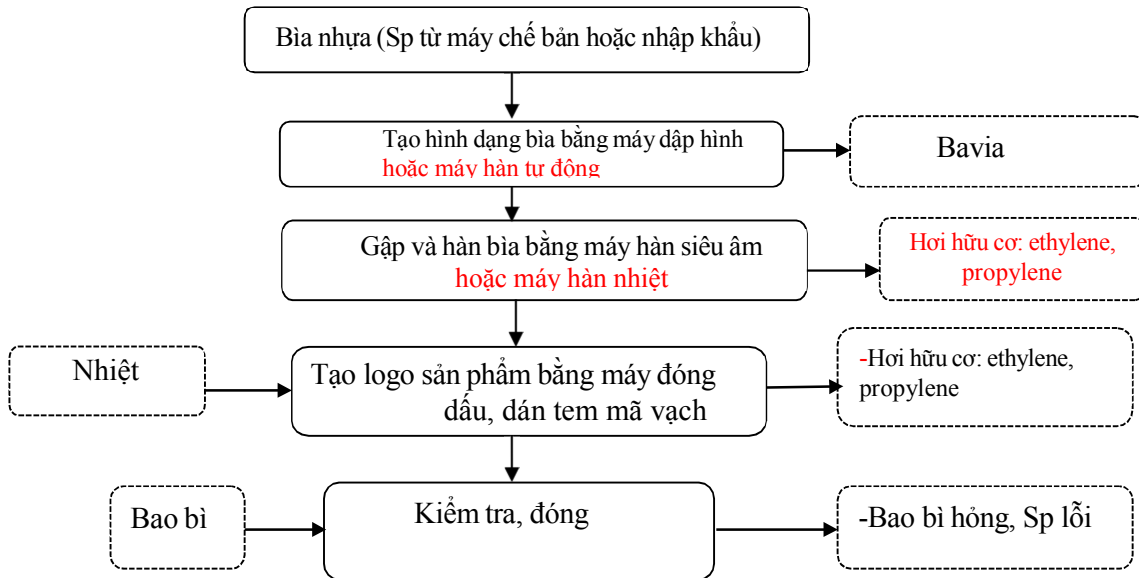
Công nhân dùng 2 ốc vít bằng kim loại để cố định tay cầm (Gồm quai cặp và chặn dưới quai cặp) vào thân cặp. Công việc này được tiến hành bằng máy vít ốc.

Kiểm tra, đóng gói sản phẩm.

Sản phẩm hoàn thiện được chuyển qua công đoạn kiểm tra sau đó được đóng gói vào túi nylon (trên túi đã dán sẵn nhãn mã vạch sản phẩm) và đóng thùng chờ xuất khẩu. Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,7\%$

Quy trình 8: Quy trình sản xuất file đựng tài liệu từ bì nhựa

F-101,106,108,119,78,78B; G6010,6031,6032,6033... chuyên Clear



Hình 1.13. Quy trình công nghệ sản xuất file đựng tài liệu từ bì nhựa

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu gồm (bì nhựa cắt theo kích cỡ, được sản xuất tại nhà máy hoặc nhập khẩu từ nước ngoài) và tem mã vạch (in tại nhà máy), thuyết minh, túi bọc, thùng carton,... (nhập khẩu) được đưa vào sản xuất qua các bước:

Tạo hình dạng cho bì bằng máy dập hình hoặc máy hàn tự động

Bì nhựa (được nhập khẩu hoặc sản xuất từ máy chế bản được) đưa đến máy dập định hình hoặc máy hàn tự động để dập theo hình dạng và kích thước yêu cầu. Sau đó tiến hành gỡ bỏ phần nhựa thừa ra khỏi phần bì nhựa (đối với máy dập hình).

Gập và hàn bì bằng máy hàn siêu âm hoặc máy hàn nhiệt:

Bì nhựa được gập theo đúng chiều và theo các đường có sẵn, sau đó được đưa vào máy hàn siêu âm hoặc máy hàn nhiệt để hàn các tấm bì với nhau yêu cầu mỗi hàn phải chắc theo đúng tiêu chuẩn.

Tạo logo sản phẩm, dán tem mã vạch:

File nhựa được đưa vào máy đóng dấu, sử dụng các tác động nhiệt độ để tạo logo sản phẩm tại góc bên trái của file. Dùng máy dán nhãn mã vạch vào mặt sau của file (góc bên phải của dấu). Đến đây sản phẩm đã hoàn chỉnh.

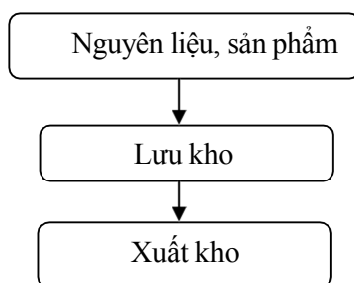
Kiểm tra và đóng gói:

Sản phẩm đã được hoàn chỉnh sẽ được kiểm tra và chuyển sang bộ phận đóng gói chờ ngày xuất xưởng. Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,9\%$

Quy trình 9: Quy trình In tem mã vạch

Để in tem mã vạch, nhà máy sử dụng 3 máy in barcode, sử dụng giấy than in mã vạch. Giấy than in mã vạch có dạng cuộn, 2 mặt, một mặt chứa mực và một mặt không chứa mực. Bộ phận in tem mã vạch được đặt tại tầng 1 nhà xưởng 2 (phòng kho thành phẩm 1 máy, chuyên tự động 2 máy). Máy in làm việc dựa vào sự đốt nóng của điểm nóng trên đầu in lên các bề mặt tem nhãn. Máy in mã vạch in theo dạng một chiều nằm ngang. Khi tem chạy ngang qua đầu in, đầu in sẽ định vị các điểm đốt nóng và làm chảy mực in, mực in sẽ bám vào tem nhãn và khô ngay lập tức.

Quy trình 10: Quy trình hoạt động của kho F12a

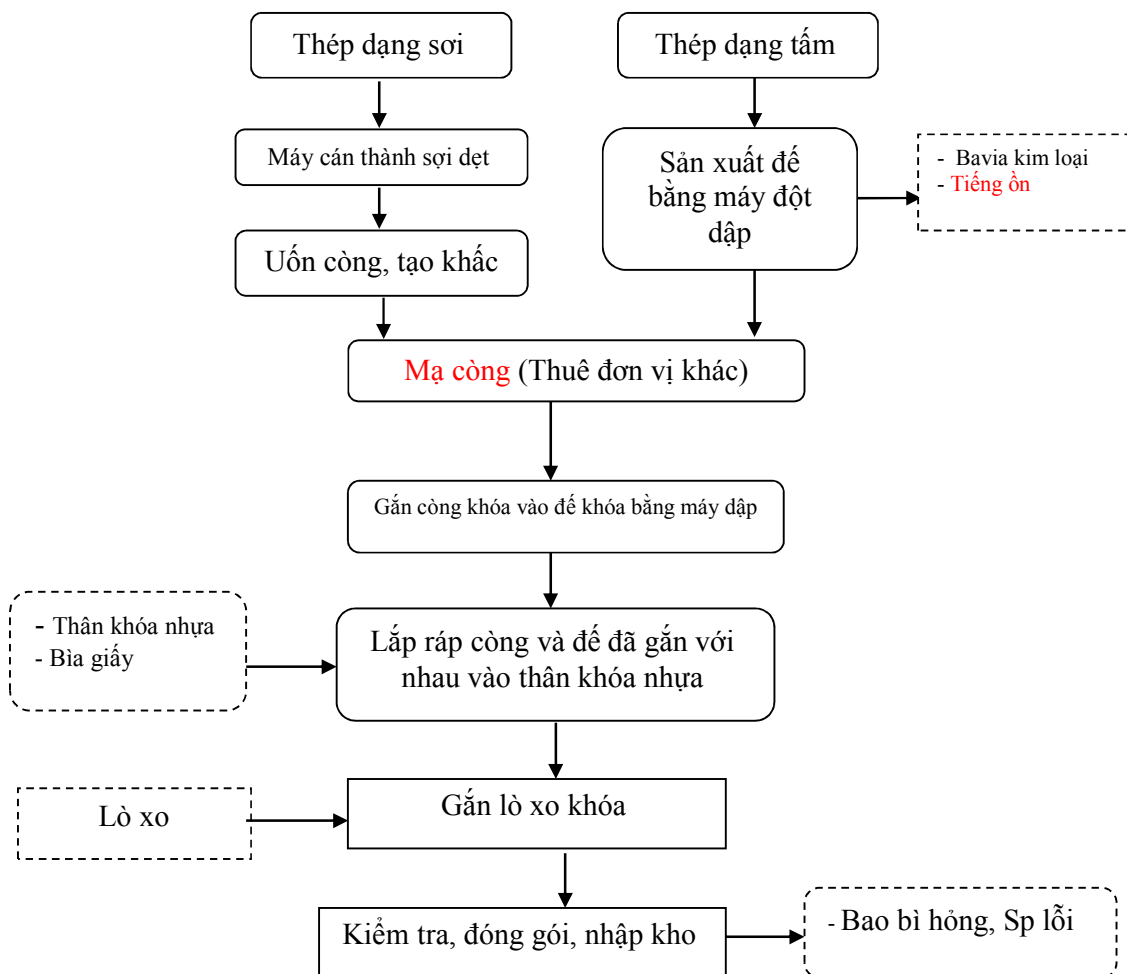


Hình 1.14. Quy trình hoạt động của kho F12a

Nguyên vật liệu nhập, sản phẩm đã hoàn chỉnh từ nhà máy tại lô J14, J13B, KCN Nhật Bản - Hải Phòng được đưa về lưu trữ trong kho và chứa trên các giá đựng. Khi có yêu cầu về sản xuất hoặc có đơn đặt hàng, nguyên liệu và sản phẩm được xuất kho. Quá trình vận chuyển sản phẩm và nguyên liệu được thực hiện bằng xe nâng hàng.

Quy trình 11: Quy trình công nghệ sản xuất bán thành phẩm khóa sắt (Phục vụ cho sản xuất sản phẩm file kẹp tài liệu)

AKJM1 chuyển Dgata



Hình 1.15 Sơ đồ công nghệ sản xuất bán thành phẩm khóa

Thuyết minh quy trình

Nguyên liệu ban đầu (Thép dạng sợi Ø3.2mm, thép dạng tấm 1.0 x 93mm., thân khóa nhựa, lò xo... được nhập về và đưa vào sản xuất theo các bước như sau:

Cán thành sợi dẹt và uốn công, tạo khắc:

Thép dạng sợi Ø3.2mm được đưa vào máy cán thành sợi dẹt có kích thước 4 x 2.2mm. Sau đó được đưa vào máy uốn công, tạo khắc để tạo thành công khóa có hình dạng và kích thước theo khuôn mẫu đã định sẵn.

Sản xuất đế khóa:

Thép dạng tấm 1.0 x 93mm được đưa vào máy đột dập vào tạo hình để tạo thành đế khóa theo khuôn mẫu định sẵn.

Mạ công:

Công khóa sau khi sản xuất xong sẽ được chuyển đi, thuê đơn vị chuyên gia công mạ kim loại để mạ.

Gắn công khóa vào đế khóa:

Công khóa và đế khóa được đưa vào máy dập chuyên dụng để gắn 2 công với 1 đế khóa lại với nhau thành 1 vế (1 nửa) của 1 chiếc khóa. Công đoạn này đòi hỏi lực dập mạnh nhất định để tạo độ gắn kết giữa công và đế. Lặp lại quy trình như trên để tạo vế thứ 2 của khóa.

Lắp ráp công và đế đã gắn vào thân khóa nhựa:

Công nhân dùng tay và tuavit để lắp 2 vế khóa thân khóa nhựa.

Gắn lò xo khóa:

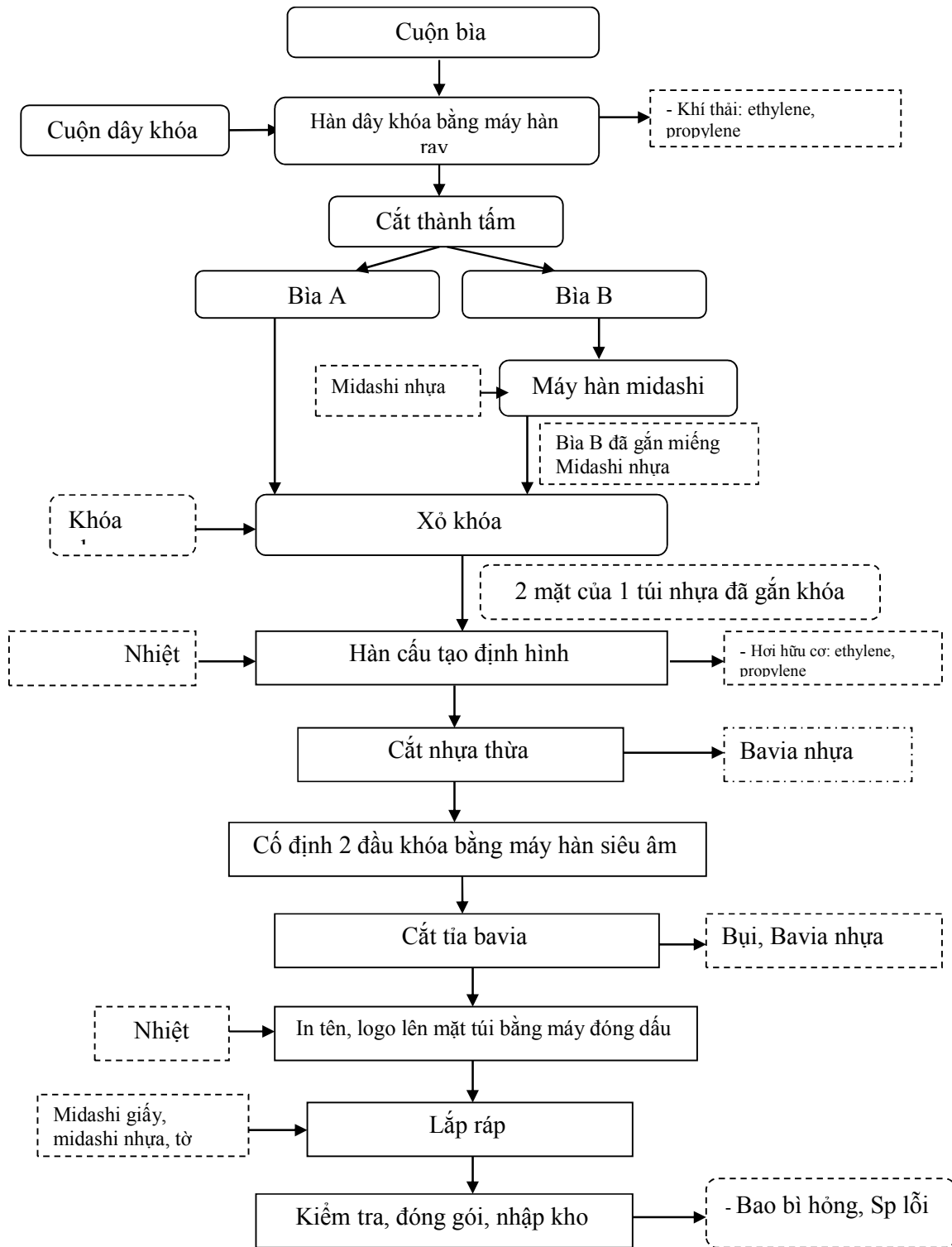
Công nhân dùng tuavit cài lò xo lên chốt trên 2 đế của bộ công và đế theo mẫu. Thao tác này nhằm mục đích tạo lực kéo và độ đóng mở cho khóa.

Kiểm tra, đóng gói và nhập kho:

Khóa sau khi lắp ráp lò xo sẽ được chuyển sang bộ phận kiểm tra, đóng gói và nhập kho để chuyển cho chuyên sản xuất lắp ráp các sản phẩm liên quan. Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,9\%$

Quy trình 12: Quy trình công nghệ sản xuất túi kéo khóa đựng tài liệu

F-150,151,155,159,72S,73S; AKCC1,2,7 chuyên Clearbook



Hình 1.16 Quy trình công nghệ sản xuất túi kéo khóa đựng tài liệu

Thuyết minh quy trình:

Chủ dự án: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam

Nguyên vật liệu gồm bì nhựa (được sản xuất tại nhà máy hoặc nhập khẩu), dây khóa dạng cuộn, móc kéo khóa bằng nhựa, midashi nhựa, midashi giấy, thuyết minh, túi bọc, thùng carton..(nhập khẩu) được đưa vào sản xuất theo các bước quy trình như sau:

Hàn dây khóa:

Bì nhựa và cuộn dây khóa được đưa vào máy hàn tự động hàn bằng sóng siêu âm cao tần để hàn cố định bì nhựa và dây khóa với nhau.

Cắt: cắt thành từng tấm có hình dạng và kích thước định sẵn theo yêu cầu của từng mã hàng. Mỗi lần cắt sẽ cho ra 2 tấm được gọi là bì A và bì B.

Hàn Midashi:

Công nhân thao tác sẽ lấy bì B và Midashi nhựa cho vào máy hàn Midashi để gắn miếng midashi nhựa vào bì B.

Xỏ khóa:

Công nhân thao tác lấy 1 khóa nhựa để xỏ vào bì A và bì B đã gắn Midashi nhựa để nối 2 bì với nhau tạo thành 2 mặt của 1 túi nhựa.

Hàn cầu tạo định hình:

Túi nhựa được tạo thành ở bước 3 sẽ được đưa vào máy hàn cao tần để hàn tạo hình sản phẩm.

Cắt nhựa thừa và cố định 2 đầu khóa:

Sản phẩm sau khi hàn tạo hình sẽ có một phần nhựa thừa ở xung quanh. Công nhân thao tác sẽ dùng kéo cắt phần nhựa thừa đó ra sau đó chuyển sang máy hàn siêu âm để cố định hai góc (ở hai đầu khóa) nhằm mục đích cố định khóa để khi kéo khóa để không bị tuột ra khỏi túi.

Cắt tia và đóng dấu sản phẩm:

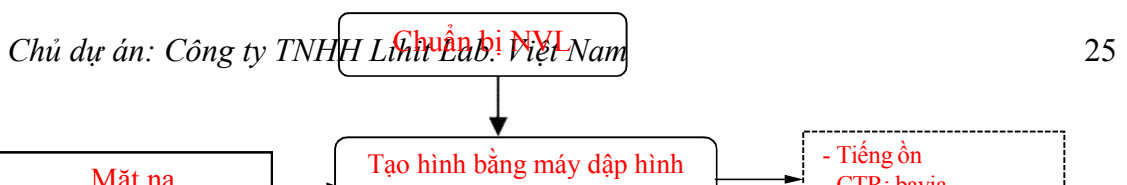
Sau khi được hàn cố định 2 đầu khóa sẽ sinh ra một phần nhựa thừa. Công nhân thao tác sẽ tiến hành cắt phần nhựa thừa bằng kéo hoặc máy cắt sau đó chuyển sang máy đóng dấu bằng nhiệt để in tên, logo lên trên mặt túi theo yêu cầu của sản phẩm.

Lắp ráp, kiểm tra, đóng gói:

Người thao tác sẽ tiến hành cho 1 midashi giấy vào túi đựng midashi và cho 1 thuyết minh vào túi đựng sản phẩm rồi chuyển qua công đoạn kiểm tra, đóng gói và chờ xuất khẩu. Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,9\%$

b. Các quy trình sản xuất thay đổi so với ĐTM và bổ sung đợt này

Quy trình 13: Quy trình sản xuất Tấm nhựa chắn bảo vệ mặt



Hình 1.17. Quy trình sản xuất Tấm nhựa chắn bảo vệ mặt

Thuyết minh quy trình:

Nguyên vật liệu gồm quai đeo nhựa, mặt nạ (được sản xuất tại nhà máy hoặc nhập khẩu), dây chun, ốc nhựa, túi bọc, thùng carton... (nhập khẩu) được đưa vào sản xuất theo các bước quy trình như sau:

Đóng dấu tên, logo sản phẩm trên quai đeo nhựa:

Quai đeo nhựa được đưa vào máy đóng dấu sử dụng nhiệt để in tên, logo sản phẩm lên quai theo mẫu.

Bóc lớp màng bọc trên tấm mặt nạ:

Người thao tác sẽ bóc 1 lớp nylon bọc trên mặt nạ ra sau đó đưa qua công đoạn lắp ráp.

Lắp ráp, kiểm tra, đóng gói:

Người thao tác sẽ lấy quai đeo, và tấm mặt nạ được bóc nylon rồi thao tác lắp ốc vào, sau đó cài chun rồi chuyển qua công đoạn kiểm tra, đóng gói và chờ xuất khẩu . Tỷ lệ sản phẩm lỗi hỏng $\leq 0,7\%$

1.3.3 Máy móc thiết bị sản xuất

- Đối với các sản phẩm đã được phê duyệt ĐTM: Điều chỉnh 7 máy dán keo xuống 4 máy dán nhãn, tem mã vạch (03 máy tầng 2 và 01 máy tầng 1). Các máy móc khác không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt.

- Đối với sản phẩm tấm chắn bảo vệ mặt bổ sung đợt này: tận dụng toàn bộ máy móc cũ, không đầu tư máy móc mới.

Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị của Công ty

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
1	Rivet	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
2	Máy hàn túi góc	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
3	Máy hàn túi góc	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
4	Máy Nylon gáy Đài Loan số 2	Cái	01	Đài Loan	2012	1
5	Máy hàn nylon gáy	Cái	01	Nhật Bản	2006	1
6	Máy rivet	Cái	01	Nhật Bản	2016	1
7	Máy tán chốt	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
8	Thiết bị tạo đường gấp	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
9	Máy dập bằng nhiệt	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
10	Máy dập bằng nhiệt	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
11	Máy hàn (Rivet)	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
12	Máy hitopureto(tạo file hình cong chữ U)	Cái	01	Nhật Bản	2009	1
13	Máy Rivet	Cái	01	Nhật Bản	2020	1
14	Máy Rivet	Cái	01	Nhật Bản	2020	1
15	Máy Rivet	Cái	01	Nhật Bản	2020	1
16	Máy Rivet	Cái	01	Nhật Bản	2010	1
17	Mở Lỗ	Cái	01	Việt Nam	2020	1
18	Máy dán giấy gáy tự động	Cái	01	Nhật Bản	2016	1
19	Máy DIMPLE F876U	Cái	01	Nhật Bản	2016	1
20	Máy hàn file rupbo tự động	Cái	01	Nhật Bản	2016	1
21	Máy hàn tự động Ring 3	Cái	01	Nhật Bản	2016	1
22	Máy ring 4	Cái	01	Nhật Bản	2016	1
23	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2010	1,2,3,4,5,7
24	Máy Cắt Dây Chun Tự Chế	Cái	01	Việt Nam	2020	1
25	Máy dán keo	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
26	Máy dán keo	Cái	01	Nhật Bản	2005	1

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
27	Máy dập 03 chốt	Cái	01	Nhật Bản	2006	1
28	Máy dập 3 chốt	Cái	01	Nhật Bản	2006	1
29	Máy Dimple cho A5002	Cái	01	Nhật Bản	2011	5
30	Máy hàn cho Kadolock(Hinji trong)	Cái	01	Nhật Bản	2007	1
31	Phụ kiện máy Hiitopuresu	Cái	01	Nhật Bản	2009	1
32	Dụng cụ ép sản phẩm	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
33	Dưỡng đặt sản phẩm F4663 (PK máy hàn)	Cái	01	Nhật Bản	2008	1
34	Dưỡng đặt sản phẩm F4664 (PK máy hàn)	Cái	01	Nhật Bản	2008	1
35	Khuôn giữ sản phẩm	Cái	01	Nhật Bản	2008	1
36	Khuôn hàn F3900	Cái	01	Nhật Bản	2009	1
37	Khuôn hàn hàng F3473	Cái	01	Nhật Bản	2005	1
38	Máy đóng dấu tự chế	Cái	01	Việt Nam	2011	7
39	Máy đóng dấu tự chế	Cái	01	Việt Nam	2020	7
40	Máy đóng dấu tự chế	Cái	01	Việt Nam	2020	7
41	Máy đếm giấy (NK- 1000)	Cái	01	Nhật Bản	2013	3
42	Máy mở lỗ (chuyên vỏ)	Cái	01	Nhật Bản	2014	3
43	Máy mở lỗ 4	Cái	01	Nhật Bản	2011	3
44	Máy mở lỗ 5	Cái	01	Nhật Bản	2011	3
45	Máy mở lỗ Kugler số 2	Cái	01	Hà Lan	2011	3
46	Máy mở lỗ	Cái	01	Hà Lan	2010	3
47	Máy Dán POP Tháo Từ Rupo/Máy hàn	Cái	01	Việt Nam	2020	3
48	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2009	3
49	Máy đếm giấy	Cái	01	Nhật Bản	2022	3
50	Máy Khâu (DDL-	Cái	01	Thái Lan	2022	3

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
	900A)					
51	Máy đếm giấy	Cái	01	Nhật Bản	2023	3
52	TB ép giữ sản phẩm (PK máy dập chốt)	Cái	01	Nhật Bản	2007	3
53	TB ép phẳng và giảm nhiệt độ môi hàn (định vị)	Cái	01	Nhật Bản	2006	3
54	Thiết bị cho máy dập	Cái	01	Nhật Bản	2006	3
55	Thiết bị dập chốt F3473 (PK máy dập chốt)	Cái	01	Nhật Bản	2007	3
56	Thiết bị dập chốt F3490 (PK máy dập chốt)	Cái	01	Nhật Bản	2007	3
57	Thiết bị dập lỗ	Cái	01	Nhật Bản	2007	3
58	Thiết bị dập lỗ	Cái	01	Nhật Bản	2007	3
59	Thiết bị mở lỗ	Cái	01	Nhật Bản	2006	3
60	Khuôn dập F3501 (PK máy dập)	Cái	01	Nhật Bản	2008	3
61	Khuôn dập lỗ cho F3520/F3550/F3560	Cái	01	Nhật Bản	2008	3
62	Khuôn dập lỗ khoá (N-1601)	Cái	01	Nhật Bản	2009	3
63	Khuôn dập lỗ khoá (N1601)	Cái	01	Nhật Bản	2009	3
64	Máy hàn Midashi A5050	Cái	01	Đài Loan	2012	4
65	Máy hàn túi A5050	Cái	01	Đài Loan	2012	4
66	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	6
67	Máy hàn cao tần số 2	Cái	01	Nhật Bản	2012	6
68	Máy hàn dây khoá số 2	Cái	01	Nhật Bản	2012	6
69	Máy hàn định hình	Cái	01	Nhật Bản	2009	6
70	Máy hàn ray	Cái	01	Nhật Bản	2009	6
71	Máy Đóng Dầu tự chế	Cái	01	Việt Nam	2020	6,8

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
72	Máy hàn cao tần	Cái	01	Nhật Bản	2017	6
73	Thiết bị đột lỗ	Cái	01	Nhật	2005	7
74	Máy hàn HK708	Cái	01	Nhật Bản	2011	7
75	Máy hàn HK712	Cái	01	Nhật Bản	2011	7
76	Máy hàn HK714U	Cái	01	Nhật Bản	2011	7
77	Máy Clearbook số 2	Cái	01	Nhật Bản	2011	2
78	Máy hàn định hình số 3	Cái	01	Nhật Bản	2016	6
79	Máy hàn kèm phụ kiện	Cái	01	Nhật Bản	2006	7
80	Máy hàn Midashi	Cái	01	Nhật Bản	2009	6
81	Máy gắn túi giữa	Cái	01	Nhật Bản	2005	2
82	Trục ép(Máy Hàn)	Cái	01	Nhật Bản	2005	7
83	Máy in rotary card	Cái	01	Nhật Bản	2016	7
84	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2006	2
85	Máy hàn cho Elgrand V	Cái	01	Nhật Bản	2007	2
86	Máy dán	Cái	01	Nhật Bản	2012	1, 2, 3, 4, 5, 7
87	Máy dán bacode	Cái	01	Nhật Bản	2011	1, 2, 3, 4, 5, 7
88	Máy dán	Cái	01	Nhật Bản	2005	1, 2, 3, 4, 5, 7
89	Máy dán Bacode	Cái	01	Nhật Bản	2011	1, 2, 3, 4, 5, 7
90	Máy dán bacode	Cái	01	Nhật Bản	2011	1, 2, 3, 4, 5, 7
91	Máy dán Bacode/Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2020	1, 2, 3, 4, 5, 7
92	Máy dán bacode	Cái	01	Nhật Bản	2011	1, 2, 3, 4, 5, 7
93	Máy dán	Cái	01	Nhật Bản	2005	1, 2, 3, 4, 5, 7
94	Máy dán	Cái	01	Nhật Bản	2005	1, 2, 3, 4, 5, 7
95	Máy dán	Cái	01	Nhật Bản	2005	1, 2, 3, 4, 5, 7
96	Máy dán	Cái	01	Nhật Bản	2005	1, 2, 3, 4, 5, 7
97	Máy chế bản 04	Cái	01	Đài Loan	2009	1, 2, 3, 4, 5, 7
98	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1, 2, 3, 4, 5, 7
99	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2010	1, 2, 3, 4, 5, 7

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
100	Máy Corona số 5	Cái	01	Nhật Bản	2012	1, 2, 3, 4, 5, 7
101	Máy Dán nhãn SP	Cái	01	Trung Quốc	2023	1, 2, 3, 4, 5, 7
102	Máy chế bản số 3	Cái	01	Đài Loan	2011	1, 2, 3, 4, 5, 7
103	Máy chế bản số 5	Cái	01	Đài Loan	2012	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8
104	Máy Thomson số 3	Cái	01	Nhật Bản	2010	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8
105	Máy Thomson số 4	Cái	01	Nhật Bản	2015	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8
106	Máy Thomson số 5	Cái	01	Nhật Bản	2011	1, 2, 3, 4, 5, 7, 8
107	Máy hàn nhãn sản phẩm	Cái	01	Nhật Bản	2005	1, 2, 3, 7
108	Bàn máy cắt(Đan Sai)	Cái	01	Nhật Bản	2007	1, 2, 3, 7, 8
109	Thiết bị phun bột ngô	Cái	01	Nhật Bản	2017	1, 2, 7
110	Máy Hàn tự chế AquaWindow	Cái	01	Việt Nam	2020	1, 2, 7
111	Hinji Tự Động-Tách từ Clearbook No.1 đã Thanh Lí Rác	Cái	01	Nhật Bản	2020	1, 2, 7
112	Máy hàn siêu âm đôi	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
113	Máy dập cục	Cái	01	Đài Loan	2011	1, 3, 4, 5, 7
114	Máy tạo đường gấp trên mặt sản phẩm	Cái	01	Nhật	2006	1, 4, 5
115	Máy tạo đường gấp ép bằng dầu	Cái	01	Nhật Bản	2006	1, 4, 5
116	Máy tạo đường gấp(Máy Hinji TĐ No.01)	Cái	01	Nhật Bản	2006	1, 4, 5
117	Máy tạo đường gấp trên SP	Cái	01	Nhật Bản	2007	1, 4, 5
118	Máy tạo đường gấp	Cái	01	Nhật Bản	2005	1, 4, 5
119	Máy đóng dấu tự chế AquaWindow	Cái	01	Việt Nam	2020	1,2,3,4,5,7, 8

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
120	Máy hàn siêu âm(Đôi)	Cái	01	Đài Loan	2010	1,2,3,4,5,7
121	Máy hàn siêu âm(Đôi)	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
122	Máy thổi túi số 2	Cái	01	Đài Loan	2011	2, 7
123	Máy thổi túi số 3	Cái	01	Đài Loan	2012	2, 7
124	Máy thổi túi số 4 (TPP-65E)	Cái	01	Đài Loan	2013	2, 7
125	Máy thổi túi số 5 (TPP-65E)	Cái	01	Đài Loan	2015	2, 7
126	Máy thổi túi số 6	Cái	01	Đài Loan	2017	2, 7
127	Máy dập bằng nhiệt	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
128	Máy dập mã SP bằng nhiệt	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
129	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
130	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
131	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2006	2, 7
132	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
133	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
134	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
135	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
136	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
137	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
138	Máy hàn (Máy dán Barcode)	Cái	01	Nhật Bản	2006	2, 7
139	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Nhật Bản	2006	1,2,3,4,5,7
140	Máy hàn túi đựng nhãn Sp	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
141	Máy Hàn	Cái	01	Việt Nam	2020	2, 7
142	Rivet	Cái	01	Việt Nam	2020	1
143	Máy Ép tự chế AquaWindow	Cái	01	Việt Nam	2020	2, 7
144	Máy Ép tự chế AquaWindow	Cái	01	Việt Nam	2020	2, 7

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
145	Máy Cắt Góc tự chế	Cái	01	Việt Nam	2020	6
146	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2012	1,2,3,4,5,7
147	Máy Bittoman 6	Cái	01	Nhật Bản	2014	2, 7
148	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
149	Máy hàn	Cái	01	Nhật Bản	2009	2, 7
150	Máy hàn túi kèm phụ kiện	Cái	01	Nhật Bản	2006	2, 7
151	Máy hiitopuresu	Cái	01	Nhật Bản	2009	2, 7
152	Máy hàn vị trí gấp giữa SP	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
153	Máy chia cuộn số 2	Cái	01	Đài Loan	2016	2, 7
154	Máy hàn túi(No.8)	Cái	01	Đài Loan	2013	2, 7
155	Máy hàn túi số 09	Cái	01	Đài Loan	2014	2, 7
156	Máy hàn túi số 10	Cái	01	Đài Loan	2015	2, 7
157	Máy hàn túi số 11	Cái	01	Đài Loan	2015	2, 7
158	Máy hàn túi số 12 (Ming Jilee)	Cái	01	Đài Loan	2017	2, 7
159	Máy hàn túi số 13	Cái	01	Đài Loan	2017	2, 7
160	Máy hàn túi số 5	Cái	01	Đài Loan	2012	2, 7
161	Máy hàn túi số 6	Cái	01	Đài Loan	2012	2, 7
162	Máy hàn túi số 7	Cái	01	Đài Loan	2012	2, 7
163	Máy hàn túi số 3	Cái	01	Đài Loan	2011	2, 7
164	Máy đóng túi số 7	Cái	01	Nhật Bản	2012	2, 7
165	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
166	Máy hàn túi đựng nhãn SP	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
167	Máy Hàn Định Vị Túi Đơn	Cái	01	Đài Loan	2020	2, 7
168	Máy Hàn Định Vị Túi Đôi	Cái	01	Đài Loan	2020	2, 7
169	Máy hàn túi số 14	Cái	01	Đài Loan	2023	2, 7
170	Dụng cụ dập tên lên SP	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
171	Dụng cụ dập tên lên SP	Cái	01	Nhật Bản	2005	2, 7
172	Máy tạo đường Hinge trên sản phẩm	Cái	01	Nhật	2006	4, 5
173	Máy tạo đường lõm trên mặt file	Cái	01	Nhật	2005	4, 5
174	Máy hàn siêu âm (dùng cho chuyên bag)	Cái	01	Đài Loan	2012	4, 5
175	Máy hàn siêu âm (dùng cho chuyên bag)	Cái	01	Đài Loan	2012	4, 5
176	Máy hàn siêu âm (dùng cho chuyên bag)	Cái	01	Đài Loan	2012	4, 5
177	Máy hàn	Cái	01	Nhật	2005	4, 5, 7
178	Máy hàn Siêu ÂM	Cái	01	Nhật	2005	1,2,3,4,5,7
179	Máy hàn siêu âm(Đôi)	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
180	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2010	1,2,3,4,5,7
181	Máy hàn siêu âm(Đôi)	Cái	01	Đài Loan	2010	1,2,3,4,5,7
182	Máy hàn siêu âm(Đôi)	Cái	01	Đài Loan	2013	1,2,3,4,5,7
183	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
184	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
185	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2010	1,2,3,4,5,7
186	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2010	1,2,3,4,5,7
187	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
188	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
189	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2012	1,2,3,4,5,7
190	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2013	1,2,3,4,5,7
191	Máy hàn siêu âm MJ(Đôi)	Cái	01	Đài Loan	2013	1,2,3,4,5,7
192	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2013	1,2,3,4,5,7

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
	MJ(Đôi)					
193	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
194	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
195	Máy hàn siêu âm	Cái	01	Đài Loan	2010	1,2,3,4,5,7
196	Máy hàn siêu âm(Đôi)	Cái	01	Đài Loan	2011	1,2,3,4,5,7
197	Máy cuộn lại	Cái	01	Đài Loan	2011	6, 7
198	Máy cuộn lại và chia viên túi	Cái	01	Đài Loan	2013	6, 7
199	Máy cuộn lại số 2(CB 2)	Cái	01	Nhật Bản	2011	6, 7
200	Máy đóng dấu	Cái	01	Nhật	2011	Dùng chung
201	Máy bấm bì Minh Tân(61-VI-0226)	Cái	01	Trung Quốc	2015	Dùng chung
202	Máy cấp nguyên vật liệu	Cái	01	Trung Quốc	2013	Dùng chung
203	Máy che ban hàng mong(CB No.2)	Cái	01	Đài Loan	2009	Dùng chung
204	Máy tái chế (Máy Tái Chế No.1)	Cái	01	Trung Quốc	2009	Dùng chung
205	Máy tạo hạt PP100kg/h(Máy Tái Chế No.2)	Cái	01	Trung Quốc	2018	Dùng chung
206	Máy trộn	Cái	01	Đài Loan	2010	Dùng chung
207	Máy trộn 3	Cái	01	Đài Loan	2010	Dùng chung
208	Máy trộn sấy hạt nhựa	Cái	01	TQ	2012	Dùng chung
209	Máy trộn số 4	Cái	01	Đài Loan	2011	Dùng chung
210	Máy trộn	Cái	01	Đài Loan	2009	Dùng chung
211	Máy xay	Cái	01	Đài Loan	2015	Dùng chung
212	Máy xay bì	Cái	01	Đài Loan	2010	Dùng chung
213	Máy xay	Cái	01	Đài Loan	2009	Dùng chung
214	Máy hàn Hinji Đài Loan	Cái	01	Đài Loan	2012	Dùng chung
215	Máy Đóng dấu	Cái	01	Nhật Bản	2020	Dùng chung

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
216	Máy hinji tự động 2	Cái	01	Nhật Bản	2010	Dùng chung
217	Đóng dấu	Cái	01	Nhật Bản	2020	Dùng chung
218	Đóng Hàn Đóng dấu Tự Chế	Cái	01	Việt Nam	2020	Dùng chung
219	Máy cắt	Cái	01	Nhật Bản	2006	Dùng chung
220	Máy cắt bìa(Đan Sai)	Cái	01	Nhật Bản	2007	Dùng chung
221	Máy dansai	Cái	01	Nhật Bản	2010	Dùng chung
222	Máy cắt thomson tự động số 1	Cái	01	Đài Loan	2009	Dùng chung
223	Mở Lỗ Tự Chế/Máy hàn túi Nylon	Cái	01	Việt Nam	2020	Dùng chung
224	Máy hinji tự động số 3	Cái	01	Nhật Bản	2016	Dùng chung
225	Máy cấp nhiên liệu	Cái	01	Nhật Bản	2007	Dùng chung
226	Máy cắt lô	Cái	01	Nhật Bản	2014	Dùng chung
227	Máy đo độ dày	Cái	01	Nhật Bản	2009	Dùng chung
228	Máy đo độ dày mỏng số 2	Cái	01	Đài Loan	2011	Dùng chung
229	Máy đo màu	Cái	01	Đài Loan	2013	Dùng chung
230	Máy đo màu	Cái	01	Nhật Bản	2011	Dùng chung
231	Máy in barcode Zebra ZM400 300dpi	Cái	01	Việt Nam	2005	Dùng chung
232	Máy xay bìa nhỏ	Cái	01	Đài Loan	2011	Dùng chung
233	Máy xay bìa ZIO-420	Cái	01	Nhật Bản	2012	Dùng chung
234	Máy xử lý corona	Cái	01	Đài Loan	2011	Dùng chung
235	Máy xử lý corona	Cái	01	Đài Loan	2010	Dùng chung
236	Máy in barcode	Cái	01	Việt Nam	2005	Dùng chung
237	Điều hòa Daikin cho bộ phận chế bản	Cái	01	Thái Lan	2018	Phụ trợ
238	Máy Chiller số 1	Cái	01	Đài Loan	2009	Phụ trợ
239	Máy Chiller số 2	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ
240	Máy Chiller số 3	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ
241	Máy Chiller số 4	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
242	Máy Chiller số 5	Cái	01	Đài Loan	2012	Phụ trợ
243	Máy làm mát (máy thổi túi số 5)	Cái	01	Đài Loan	2015	Phụ trợ
244	Máy làm mát (Máy thổi túi số 6)	Cái	01	Đài Loan	2017	Phụ trợ
245	Máy làm mát nước	Cái	01	Đài Loan	2012	Phụ trợ
246	Máy làm mát nước (TPP-65E-F10) TT	Cái	01	Đài Loan	2013	Phụ trợ
247	Máy lọc nước cứng	Cái	01	Đài Loan	2017	Phụ trợ
248	Máy nước nóng lạnh	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ
249	Máy nước nóng lạnh	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ
250	Tủ lạnh	Cái	01	Nhật Bản	2011	Phụ trợ
251	Máy nước nóng lạnh CB No.1	Cái	01	Đài Loan	2009	Phụ trợ
252	Máy nước nóng lạnh CB No.2	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ
253	Máy nước nóng lạnh CB No.3	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ
254	Máy nước nóng lạnh CB No.5	Cái	01	Đài Loan	2011	Phụ trợ
255	Máy Mài Từ	Cái	01	Nhật Bản	2020	Phụ trợ
256	Máy Phay	Cái	01	Nhật Bản	2020	Phụ trợ
257	Máy Khoan	Cái	01	Nhật Bản	2020	Phụ trợ
258	Máy Cưa	Cái	01	Nhật Bản	2020	Phụ trợ
259	Máy quần màng 1200x1 tấn	Cái	01	Việt Nam	2018	Phụ trợ
260	Máy làm khuôn dao thomson	Cái	01	Nhật Bản	2009	Phụ trợ
261	Máy sấy khí	Cái	01	Nhật Bản	2013	Phụ trợ
262	Máy sấy khí ORION CRX-180 (China)	Cái	01	Nhật Bản	2011	Phụ trợ
263	Máy khoan và taro	Cái	01	Nhật Bản	2009	Phụ trợ
264	Máy nén khí(No.1)	Cái	01	Nhật Bản	2005	Phụ trợ
265	Hệ thống nén khí	Cái	01	Nhật Bản	2011	Phụ trợ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
	xưởng J14A(No.2)					
266	Máy nén khí HITACHI OSP- 37S5AI (Malaysia)(No.3)	Cái	01	Malaysia	2011	Phụ trợ
267	Hệ thống gió máy nén khí(No.4)	Cái	01	Nhật Bản	2011	Phụ trợ
268	Máy nén khí (OSP- 37S5ANA)(No.5)	Cái	01	Nhật Bản	2013	Phụ trợ
269	Phòng Máy Nén Khí Số 5 (No.6)	Cái	01	Nhật Bản	2011	Phụ trợ
270	Máy nén khí số 07 (No.7)	Cái	01	Nhật Bản	2016	Phụ trợ
271	XE FORKLIFT TOYOTA No.6	Cái	01	Nhật Bản	2015	Phụ trợ
272	Xe nâng No.2	Cái	01	Nhật Bản	2006	Phụ trợ
273	Xe nâng No.3	Cái	01	Nhật Bản	2009	Phụ trợ
274	Xe nâng điện Mitsubishi FB20 No.5	Cái	01	Nhật Bản	2011	Phụ trợ
275	Xe nâng Komatsu No.1	Cái	01	Nhật Bản	2014	Phụ trợ
276	Xe nâng Toyota No.7	Cái	01	Nhật Bản	2014	Phụ trợ
277	Bàn nâng hạ hàng hoạt động bằng điện	Cái	01	Nhật Bản	2008	Phụ trợ
278	Băng chuyền	Cái	01	Nhật Bản	2013	Phụ trợ
279	Băng chuyền Bag - Clear	Cái	01	Nhật Bản	2013	Phụ trợ
280	Băng truyền	Cái	01	Nhật Bản	2009	Phụ trợ
281	Băng truyền	Cái	01	Nhật Bản	2009	Phụ trợ
282	Khuôn cho thiết bị dập	Cái	01	Nhật Bản	2006	Phụ trợ
283	Khuôn cho thiết bị dập	Cái	01	Nhật Bản	2006	Phụ trợ
284	Khuôn cho thiết bị dập	Cái	01	Nhật Bản	2006	Phụ trợ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
285	Lò sấy bìa	Cái	01	Nhật Bản	2016	Phụ trợ
286	DAN NONG DIEU HOA KHONG KHI RUR13NY1(Chế Bản)	Cái	01		2020	Phụ trợ
287	DIEU HOA KHONG KHI FDN100HY1/RCN10 0HY19(Bếp ăn)	Cái	01		2020	Phụ trợ
288	DAN LANH DIEU HOA KHONG KHI FDR13NY1(Chế Bản)	Cái	01		2020	Phụ trợ
289	Hệ thống PCCC	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
290	Hệ thống điện	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
291	Hệ thống PCCC nhà xưởng 1	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
292	Hệ thống điện máy chế bản mới	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
293	Hệ thống PCCC	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
294	Hệ thống làm mát chế bản	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
295	Hệ thống chiếu sáng xưởng TP	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
296	Hệ thống chiếu sáng xưởng TP	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
297	Trạm điện số 2	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
298	Hệ thống làm mát kho NVL	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
299	Trạm điện nguồn máy Bittoman	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
300	Cầu nâng hạ hàng	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
301	Máy điều hoà	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
302	Máy tính chủ điều hành	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
303	Máy điều hoà (Kurumi)	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
304	Máy tính chủ điều hành Intel	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
305	Hệ thống tổng đài	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
306	Hệ thống điều hoà Daikin	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
307	Thang máy số 2	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
308	Hệ thống PCCC tự động	Cái	01	Việt Nam	2021	Phụ trợ
309	Máy vi tính	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
310	Hệ thống tổng đài điện thoại	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
311	Máy tính chủ	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
312	Máy photocopy FUJIXEROX III 3007CPE	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
313	Máy tính server cho Kế toán	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
314	Máy chấm công vân tay	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
315	Điều hòa tự động đặt sàn (BP kho)	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
316	Hệ thống điện cho máy chế bản	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
317	Máy Photo Fuji Xerox (VPX)	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
318	Máy PhotocopyFujiXerox V-5070 (VP)	Cái	01	Việt Nam	2005	Phụ trợ
319	Hệ thống camera giám sát	Cái	01	Việt Nam	2022	Phụ trợ
320	Loa báo cháy PCCC	Cái	01	Việt Nam	2022	Phụ trợ
321	Máy photocopy	Cái	01	Nhật Bản	2022	Phụ trợ
322	Cầu Nâng hạ hàng	Cái	01	Trung	2022	Phụ trợ

TT	Tên tài sản	Đơn vị tính (cái)	Số lượng	Xuất Xứ	Năm	Mục đích sử dụng (dùng cho loại sản phẩm)
				Quốc		

Ghi chú:

TT	Tên sản phẩm
1	Kẹp tài liệu
2	Bìa đựng tài liệu
3	Vở (sổ ghi chép)
4	Cặp sách (cặp đựng tài liệu)
5	Hộp nhựa văn phòng (hộp bút, hộp đựng thẻ, khay nhựa để bàn)
6	Túi kéo khóa (khóa nhựa) đựng tài liệu
7	Các sản phẩm làm từ hạt nhựa các loại (file đựng tài liệu, file đựng tài liệu từ bìa nhựa, lấy nhựa, thanh nhựa phụ kiện văn phòng phẩm)
8	Tấm nhựa chắn bảo vệ mặt

1.4 Nguyên, nhiên liệu, hóa chất, điện năng, nước

1.4.1 Nguyên liệu

Thay đổi so với nội dung ĐTM đã được phê duyệt, cụ thể là bổ sung nguyên liệu cho sản xuất tấm chắn mặt (là sản phẩm mới bổ sung đợt này). Cụ thể:

Bảng 1.3. Nguyên liệu sản xuất của dự án

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị	Khối lượng hiện tại	Khối lượng sau nâng công suất
1	Hạt nhựa PP	Tấn/năm	485	4.520
2	Chất tăng dai nhựa (hạt) Tafmer DF740 (TM)	Tấn/năm	5,63	52,43
3	Chất chống tĩnh điện nhựa (dạng hạt) AMSTAT21	Tấn/năm	4,85	45,2

4	Khóa sắt và phụ kiện kim loại (ốc vít..)	Tấn/năm	80,8	100
5	Khóa nhựa và phụ kiện (quai cặp bằng nhựa, cuộn dây khóa...)	Tấn/năm	10	18
6	Túi nilon	Tấn/năm	30	65
7	Bìa nhựa	Tấn/năm	275	300
8	Giấy các loại	Tấn/năm	101	151,5
9	Tem nhãn sản phẩm, giấy than in mã vạch dạng cuộn	Tấn/năm	0,1	0,5
10	Thép	Tấn/năm	-	265
11	Quai đeo nhựa, mặt nạ; dây chun, ốc nhựa, túi bọc, thùng carton	Tấn/năm	Chưa sản xuất	50,35
	Tổng	Tấn/năm	992,38	5.567,98

1.4.2 Gas

- Mục đích: nấu ăn
- Sử dụng dạng bình 20 kg/bình
- Khối lượng: 2 tấn/tháng.

1.4.3 Hóa chất

Thay thế keo dán Vulcol có thành phần độc hại (Ethyl acetate; Butanone: 30% - 50%; Toluene: 10% - 20%; Phenol: 1% - 5%) thành keo SP2850 có thành phần thân thiện với môi trường (vinyl copolymer plasticizer 45-55%); polylene glycol monomethyl ether 1-5%; water 45-55%. Trong đó vinyl copolymer plasticizer là chất dẻo, nhựa, tồn tại ở thể rắn, propylen glycol monomethyl ether là 100%.

Các nguyên liệu khác không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt:

Bảng 1.4. Hóa chất sử dụng của dự án

Tên thương mại	Thành phần hóa học	Mã CAS	Công đoạn sử dụng	Khối/lượng (kg/năm)	Đặc tính
Keo SP2850	Vinyl copolymer plasticizer 45-55%)		Dán	320	Thân thiện môi trường
	Polylene glycol monomethyl ether 1-5%	78-93-3			

	water 45-55%.	108-88-3			
Mực in mã vạch dạng cuộn	Face:		In tem mã vạch	80	Không ảnh hưởng tới sức khỏe
	Cellulose 25 – 28%	65996- 61 - 4			
	Cancium cacbonnate 10 –13%	471- 34 - 1			
	Kaolin 0,7 – 1%	92704 – 41 - 1			
	Buthyl benzene latex 0,8 – 1,1%	9003 – 55-8			
	Maize starch potato 0,5 – 0,7%	9005 – 25 - 8			
	Water 2 – 3%	7732 – 18 - 5			

1.4.4 Lao động

Số lượng người theo đúng báo cáo ĐTM đã được phê duyệt gồm 496 người. Trong đó, số lượng này đã bao gồm nhân lực và đã đủ cho sản xuất sản phẩm mới là tấm nhựa chắn bảo vệ mặt (50 tấn/năm).

1.4.5 Điện năng

- Nguồn cấp: hệ thống cấp điện của KCN;
- Mục đích: cấp điện cho sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, hoạt động chiếu sáng và sản xuất;
- Lượng dùng: 400.603,2 KWh/tháng

1.4.6 Nước sạch

Nước cấp cho sinh hoạt: 42,16 m³/ngày (= 1.096,16 m³/tháng), trong đó:

+ Nước cấp cho hoạt động sinh hoạt: tiêu chuẩn cấp nước được lấy theo định mức tại Quyết định 04:2008/BXD ngày 03/04/2008 của Bộ Xây dựng đính kèm QCVN 01:2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng.

Nước cấp phục vụ lao động tại nhà máy được tính toán theo công thức: $Q = (q \times N)/1000$ (m³/ngày đêm), Trong đó:

q: Tiêu chuẩn dùng nước, 60 lít/người/ca (QCVN 01: 2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam quy hoạch xây dựng), trong quá trình sản xuất: 8h/ngày tương đương 1 ca/ngày. (QCVN 01:2008/BXD quy định đối với đô thị loại 1: 150 -180 lít/người/ngày)

N: Số người tính toán, 496 người, làm việc 2 ca; có nấu ăn.

=> lượng nước cấp cho sinh hoạt của công nhân lao động trong nhà máy là:

$Q = (496 \times 60 \text{ lít/người/ca})/1.000 = 29,76 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tương đương 773,76 m³/tháng.

+ Theo TCVN 4513-88, định mức nước cấp cho nhu cầu ăn uống là 25 lít/người/bữa thì lượng nước cấp cho hoạt động nấu ăn là:

$496 \text{ người} \times 25 \text{ lít/người/bữa} = 12,4 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tương đương 322,4 m³/tháng

Nước cấp cho nhu cầu tưới cây: 39 m³/tháng. (1,5 m³/ngày)

Nước cấp cho quá trình sản xuất: 90,246 m³/tháng. (= 3,471 m³/ngày thường xuyên * 26 ngày/tháng), trong đó:

+ Nước cấp làm mát cho máy chế bản:

Hiện tại lượng nước cấp ban đầu cho làm mát 1 máy chế bản (làm mát gián tiếp) là 13,4 m³/máy chế bản.ngày. Sau nâng công suất (5 máy chế bản) là 67,005m³/ngày. Nước sau làm mát gián tiếp có nhiệt độ cao (34-36⁰C) được đưa đến 5 chiller làm mát bằng gas lạnh R407C để giảm nhiệt độ xuống còn khoảng 20⁰C, sau đó được sử dụng tuần hoàn, khoảng 5% bay hơi + 5% rò rỉ, bổ sung tự động. Lượng nước bổ sung cho làm mát máy chế bản: $6,7 * 26 = 174,2 \text{ m}^3/\text{tháng}$. Lượng nước này không chứa chất gây ô nhiễm độc hại nên được sử dụng tuần hoàn chỉ bổ sung lượng thất thoát, không thải bỏ.

+ Nước làm mát quả lô 5 máy thổi túi:

Hiện tại lượng nước cấp ban đầu cho làm mát 1 máy thổi túi (làm mát gián tiếp) là 5,74 m³/máy thổi túi.ngày. Sau nâng công suất (5 máy thổi túi) là 28,71 m³/ngày. Nước sau làm mát gián tiếp có nhiệt độ cao (34-36⁰C) được đưa đến 5 tháp giải nhiệt bằng gió để giảm nhiệt độ xuống còn khoảng 20⁰C, sau đó được sử dụng tuần hoàn, khoảng 5% bay hơi + 5% rò rỉ, bổ sung tự động. Lượng nước bổ sung cho làm mát máy thổi túi: $2,871 * 26 = 74,65 \text{ m}^3/\text{tháng}$. Lượng nước này không chứa chất gây ô nhiễm độc hại nên được sử dụng tuần hoàn chỉ bổ sung lượng thất thoát, không thải bỏ.

+ Nước làm mát 2 máy tái chế nhựa:

Hiện tại lượng nước cấp ban đầu cho làm mát trực tiếp 1 máy tái chế nhựa và sợi nhựa là 2,6 m³/máy tái chế ngày. Sau nâng công suất (2 máy tái chế nhựa) là 5,2 m³/ngày. Nước làm mát trực tiếp có nhiệt độ cao (34-36⁰C) được đưa đến tháp làm mát giải nhiệt bằng gió (được bố trí ở phía ngoài nhà xưởng số 1) để giảm nhiệt độ xuống còn khoảng 20⁰C, sau đó được sử dụng tuần hoàn, khoảng 5% bay hơi + 5% rò rỉ, bổ sung tự động. Lượng nước bổ sung cho làm mát 2 máy tái chế nhựa: $0,52 * 26 =$

13,52 m³/tháng. Lượng nước này không chứa chất gây ô nhiễm độc hại nên được sử dụng tuần hoàn chỉ bổ sung lượng thất thoát, không thải bỏ.

+ Nước vệ sinh máy dán keo:

Cuối mỗi ca sản xuất, công nhân phụ trách máy dán keo tiến hành vệ sinh khô (thu gom bã keo trước) trước khi vệ sinh bằng nước cấp thông thường. Hiện tại, lượng nước cấp sử dụng để vệ sinh 01 máy dán keo là 20 lit/lần.ngày. Sau khi nâng công suất (nhà máy sử dụng 4 máy dán keo), lượng nước cấp sử dụng làm vệ sinh máy dán keo là 80 lít/ngày = 0,08 m³/ngày, tương ứng 2,08 m³/tháng. Lượng nước thải từ quá trình này chứa thành phần độc hại, được thu gom vào thùng chứa bằng nhựa dung tích 20 lít tại mỗi vị trí máy dán keo, sau đó vận chuyển, xử lý cùng CTNH khác của nhà máy.

- Nước dự phòng PCCC: 448 m³ (từ 3 bể nước dự phòng PCCC tại lô J13B, J14 và 1 bể 330m³ tại lô F12A, hồ chứa nước PCCC dung tích 174,375 m³ tại lô F12A).

Như vậy, tổng lượng nước sử dụng thường xuyên cho nhà máy sau khi nâng công suất là 1.397,61 m³/tháng (mỗi tháng ước tính có 26 ngày hoạt động).

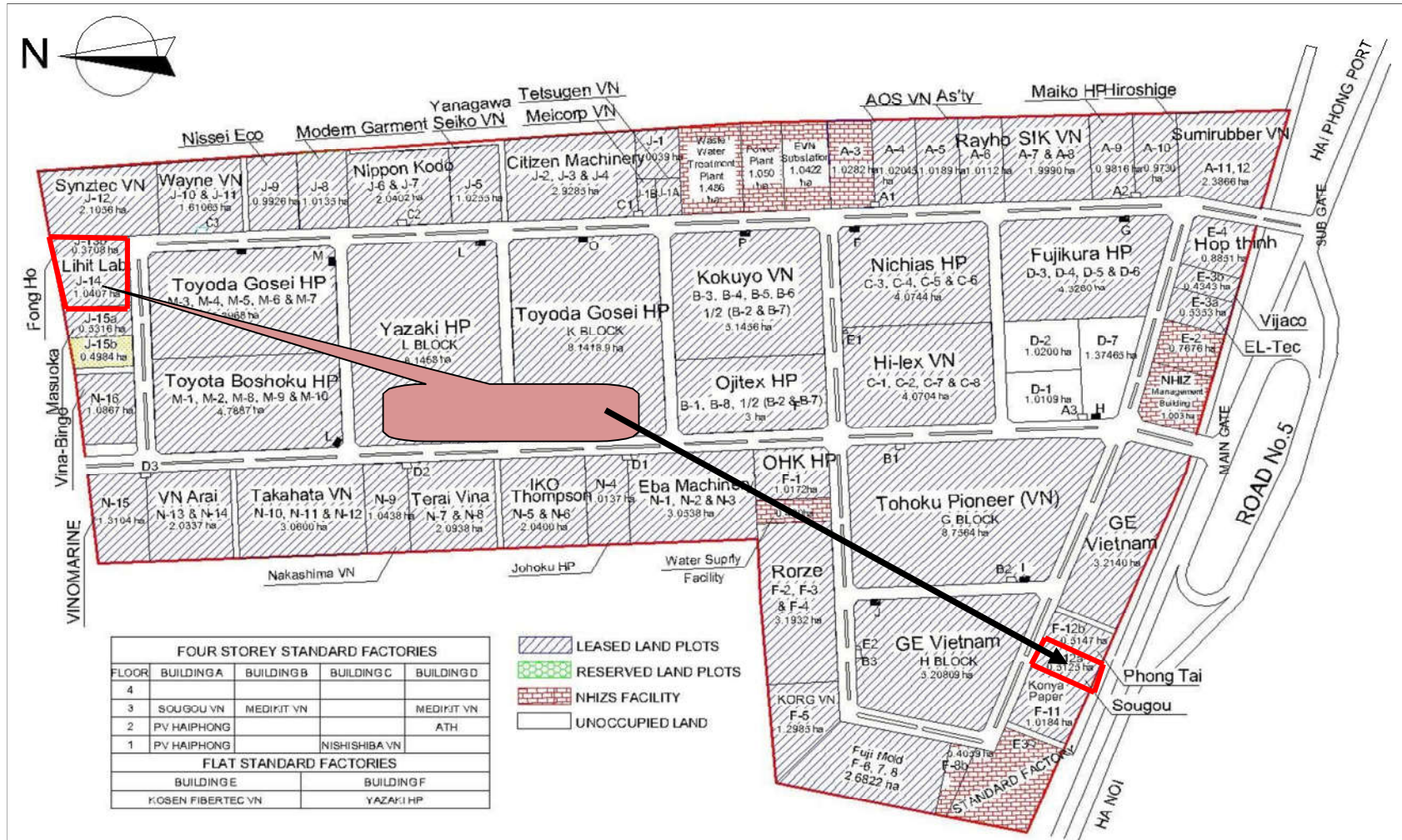
Nguồn cung cấp nước: Từ hệ thống cấp nước sạch của KCN Nomura.

1.5 Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

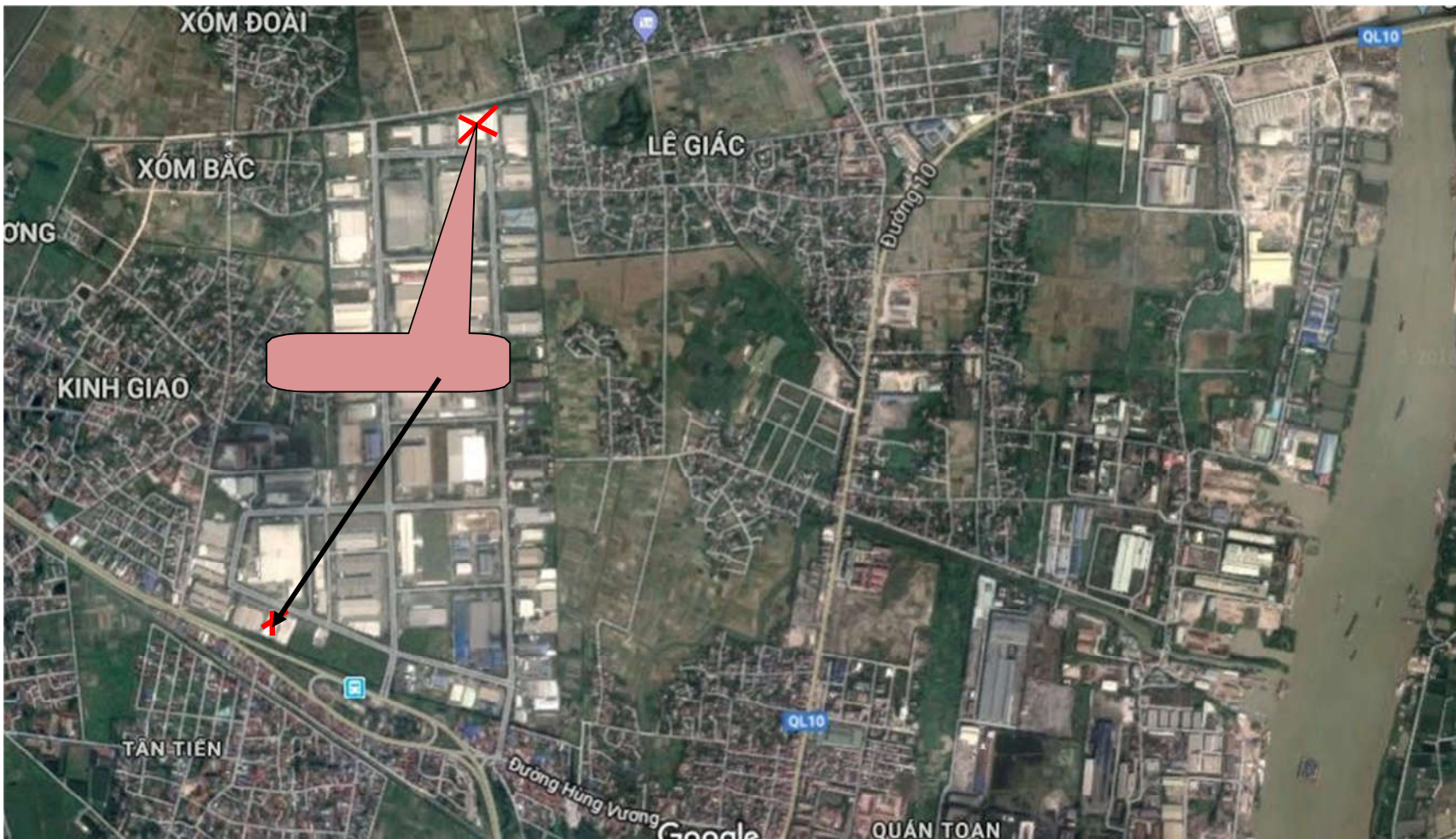
1.5.1 Vị trí thực hiện dự án

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương, Tp. Hải Phòng

Địa điểm thực hiện dự án tại Lô J13B, J14, F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, huyện An Dương, Hải Phòng có tổng diện tích 19.240 m².



Chủ dự án: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam



1.5.2 Hạ tầng kỹ thuật của dự án

Khu đất thực hiện dự án là đất thuê tại KCN Nomura gồm 3 lô: J13B, J14, F12A với tổng diện tích 19.240 m², trong đó lô J13B, J14 là 2 lô liền kề nhau và khoảng cách từ 2 lô đất J13B, J14 đến lô đất F12A là khoảng 2,3 km. Các hạng mục công trình được bố trí như sau :

Bảng 1.5. Các công trình hiện hữu của nhà máy

Stt	Hạng mục	Số tầng	Diện tích XD (m²)	Diện tích sàn (m²)	Hiện trạng sử dụng	% diệntích
I. Lô J13B, J14			14.115			100
1.1	Nhà xưởng 1	1	2.998,5	2.998,5	2/5 diện tích: kho nguyên liệu 1/10 diện tích: lắp đặt bổ sung dây chuyền sản xuất khóa ½ diện tích: dự kiến bổ sung máy móc phục vụ sản xuất nguyên liệu đầu vào (bìa nhựa, túi, hạt nhựa tái chế)	21,24

1.2	Nhà xưởng 2	2	2.868	5.736	<p style="text-align: center;">:</p> <p style="text-align: center;">Tầng 1: 1/3 diện tích: dự kiến lắp đặt bổ sung dây chuyền sản xuất túi kéo khóa nhựa đựng tài liệu. 2/3 diện tích: dự kiến bổ sung máy móc phục vụ sản xuất nguyên liệu đầu vào (bìa, túi) Tầng 2: xưởng sản xuất hoàn chỉnh sản phẩm. (chuyển máy móc sản xuất từ tầng 1 lên)</p>	20,31
1.3	Nhà xưởng 3 (J13B)	1	1.364	1.364	- Kho thành phẩm	0,66
1.4	Nhà văn phòng hành chính của công ty (xưởng 2)	2	334,8	669,6	Tầng 1: văn phòng hành chính Tầng 2: sẽ được sử dụng làm nhà ăn công nhân	2,37
1.5	Nhà văn phòng sản xuất xưởng 2	2	250	500	Đang hoạt động	1,77
1.6	Nhà vòm che sân	1	300	300	Đang hoạt động	2,12
1.7	Nhà bảo vệ công số 1	1	23	23	Đang hoạt động	0,12
1.8	Nhà bảo vệ công số 2	1	23	23	Đang hoạt động	0,12
1.9	Trạm biến áp	1	18	18	Đang hoạt động	0,163
1.10	Nhà nghỉ ăn ca của công nhân (bếp ăn)	1	150	150	được sử dụng làm khu vực nấu ăn cho công nhân.	1,06
1.11	Nhà để xe	1	252	252	Đang hoạt động	1,78
1.12	Nhà vệ sinh	1	135	135	Đang hoạt động	0,956

*Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường dự án đầu tư sản xuất văn phòng phẩm
Đ.c: Lô J13B, J14 và F12A, KCN Nhật Bản – Hải Phòng, x. An Hưng, H. An Dương,
Tp. Hải Phòng*

1.13	Kho chứa CTRSH	1	10	10	Đang hoạt động	0,0708
1.14	Kho chứa CTRSX	1	50	50	Đang hoạt động	0,354
1.15	Kho chứa CTNH	1	20	20	Đang hoạt động	0,1416
1.16	Kho chứa hóa chất	1	10	10	Đang hoạt động	0,0708
1.17	Bể nước 400 m ³ (xây ngầm dưới nền nhà xe)	-	-	-	Đang hoạt động	-
1.18	Bể nước PCCC 30m ³ xây ngầm dưới nền đất	-	-	-	Đang hoạt động	-
1.19	Cây xanh	-	2.357,2	-	Đang hoạt động	16,7
1.20	Đường giao thông nội bộ.	-	2.951,5	-	Đang hoạt động	20,91
II	Lô đất F12a		5.125			100
	Nhà kho chứa thành phẩm và nguyên vật liệu	1	2.520	2.520	Đang hoạt động	49,17
	Nhà văn phòng	1	55	55	Đang hoạt động	1,07
	Nhà bảo vệ + WC	1	12	12	Đang hoạt động	0,234
	02 nhà vệ sinh	1	15	15	Đang hoạt động	0,292
	Trạm điện	1	14	14	Đang hoạt động	0,273
	Bể nước ngầm PCCC 330 m ³ (dưới khu văn)	-	-	-	Đang hoạt động	-
	Hồ nước PCCC dung tích 174,375 m ³ (kích thước 22,5 m x 5 m x 1,55 m)	-	112,5	112,5	Đang hoạt động	2,195

Trạm bơm PCCC +tháp nước	-	12	12	Đang hoạt động	0,234
Cây xanh	-	1.000	-	Đang hoạt động	19,5
Sân đường giao thông nội bộ, công tường rào	-	1.384,5	-	Đang hoạt động	27,01

1.5.3 Hoạt động chấp hành công tác BVMT của Công ty sau khi được cấp Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM

1.5.3.1 Tiến độ thực hiện dự án theo Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM

- Công ty đã hoàn thành việc lắp đặt bổ sung máy móc phục vụ sản xuất theo cam kết theo nội dung báo cáo ĐTM đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt nhưng chưa đi vào hoạt động. Các hoạt động sản xuất theo hồ sơ môi trường cũ vẫn diễn ra bình thường.

1.5.3.2 Hiện trạng về chương trình quản lý môi trường

- Đối với nước thải sinh hoạt: thuê đơn vị có chức năng thực hiện nạo vét bùn thải tại bể tự hoại và các hố ga định kỳ 3 tháng/lần; thực hiện quan trắc nước thải tại hố ga cuối cùng (tần suất 3 tháng/lần), kết quả quan trắc cho thấy, nồng độ các chất ô nhiễm đạt TC KCN;

- Đối với nước mưa chảy tràn: thuê đơn vị có chức năng nạo vét bùn cặn tại rãnh thu, hố ga lắng cặn định kỳ 3 tháng/lần;

- Đối với nước thải sản xuất: vận hành đầy đủ hệ thống xử lý nước thải sản xuất, nồng độ nước thải tại hố ga cuối cùng của Nhà máy đảm bảo tiêu chuẩn xả thải vào KCN ;

- Đối với chất thải sinh hoạt : KCN đang ký Hợp đồng chuyên giao rác sinh hoạt với đơn vị có chức năng. Công ty thực hiện chuyển giao rác sinh hoạt hàng ngày cho đơn vị này và không mất phí xử lý.

- Đối với chất thải công nghiệp, nguy hại : Công ty đã ký Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp, chất thải nguy hại với Công ty TNHH phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng; thực hiện chuyển giao chất thải công nghiệp (2 lần/tháng), chất thải nguy hại với tần suất 2 lần/năm; thực hiện lưu giữ toàn bộ Biên bản bàn giao, chứng từ CTNH; đã gửi Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2022 lên Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Chi cục bảo vệ môi trường, đơn vị chủ đầu tư KCN, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện An Dương trước 15/1/2023;

- Đối với bụi, khí thải: bố trí kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống làm mát, thông gió, hút khí thải từ công đoạn quét keo và ép nhiệt tạo gân màng loa, kết quả quan trắc môi trường định kỳ tại các xưởng sản xuất và ống thoát khí năm 2022 cho

thấy: nồng độ các chất ô nhiễm dưới TCCP, các biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải đang áp dụng tại Nhà máy là phù hợp;

- Đối với tiếng ồn, rung động: bố trí kỹ thuật bảo dưỡng máy móc sản xuất định kỳ 3 tháng/lần, tất cả máy móc sản xuất đều lắp đặt đệm chống ồn, rung; kết quả quan trắc tiếng ồn tại xưởng sản xuất năm 2022 cho thấy đều đạt TCCP, các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đang áp dụng là phù hợp.

1.5.3.3 Hiện trạng về chương trình giám sát môi trường

Công ty đã phối hợp với đơn vị có đầy đủ Vimcert thực hiện quan trắc môi trường làm việc, môi trường nước thải tần suất 3 tháng/lần, thông số giám sát theo đúng Quyết định phê duyệt báo cáo ĐTM. Kết quả quan trắc cho thấy: nồng độ các chỉ tiêu phân tích đều thấp hơn TCCP hiện hành. (Phiếu kết quả quan trắc năm 2022 đính kèm Phụ lục).

1.5.3.4 Hiện trạng công tác thanh kiểm tra tại Nhà máy năm 2022

Năm 2022, Công ty chưa có đợt thanh kiểm tra của các đơn vị ban ngành về lĩnh vực bảo vệ môi trường. Công ty luôn chấp hành đầy đủ công tác bảo vệ môi trường, chưa để xảy ra kiện tụng của các doanh nghiệp xung quanh cũng như đơn vị quản lý Khu công nghiệp.

1.5.3.5 Công tác quản lý môi trường và báo cáo

- Công ty có bố trí 01 cán bộ quản lý môi trường kiêm nhiệm phụ trách về quản lý chất thải nguy hại, thường xuyên kiểm tra khu vực lưu trữ CTNH nhằm phòng ngừa các sự cố có thể xảy ra với kho chứa CTNH.

- Định kỳ gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường 01 năm/lần lên Ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, Chi cục bảo vệ môi trường, đơn vị chủ đầu tư KCN, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện An Dương trước 15/1 hàng năm;

CHƯƠNG 2. SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt nên nội dung này không trình bày lại.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

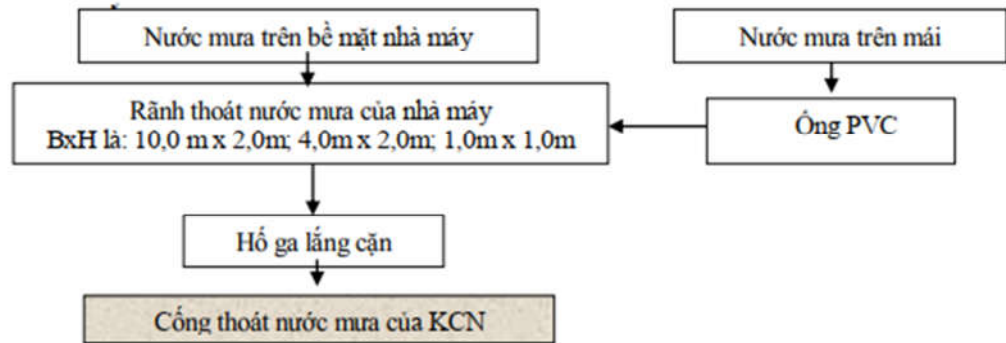
Không thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt nên nội dung này không trình bày lại.

CHƯƠNG 3. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

3.1. Công trình biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

Không thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt:



Hình 3.1. Hệ thống thu thoát nước mưa của Nhà máy

Để giảm tác động của nước mưa chảy tràn, khu đất thuê đã được xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa hoàn chỉnh. Hệ thống bao gồm:

- Đường ống thoát nước mưa thiết kế theo kiểu đường ống tự chảy, bố trí ở trên các khu cây xanh cách ly. Kích thước rãnh thoát nước BxH là: 10,0 m x 2,0 m; 4,0 m x 2,0m; 1,0m x 1,0m; cứ mỗi khoảng cách từ 30 - 50m dọc theo tuyến kênh có bố trí hố ga lắng cặn. Nước mưa trên mái của tòa nhà sẽ chảy qua hệ thống đường ống nhựa PVC D160-250, vào các cống thu nước mưa này, qua các hố ga lắng cặn, sau đó dẫn đến cống thoát nước mưa chung của KCN Nomura.

- Các hố ga được định kỳ nạo vét bùn cặn, tần suất nạo vét hố ga tùy theo tình hình thực tế: vào mùa mưa có thể tăng tần suất nạo vét là 2 tháng/lần, mùa khô nạo vét theo quý hoặc 6 tháng/1 lần.

- Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn của hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất thải nguy hại như dầu mỡ, hóa chất độc hại xâm nhập vào đường thoát nước mưa

3.1.2. Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt

Không thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt:

- Hiện tại toàn dự án có 5 bể tự hoại được xây ngầm dưới các khu văn phòng, nhà xưởng với tổng dung tích 95,5 m³ (lô J13B, J14 gồm 3 bể với tổng dung tích là 82,5 m³; lô F12A có 2 bể dung tích 13 m³), đảm bảo xử lý sơ bộ nước thải từ các nhà vệ sinh.

- Bể tự hoại hay còn gọi là Bể phốt gồm 03 ngăn, hai ngăn lắng và một ngăn chứa nước trong. Nước thải sau khi chảy vào bể tự hoại được xử lý sơ bộ bởi hai quá trình chính là lắng cặn và lên men. Do tốc độ nước qua bể rất chậm (thời gian lưu lại của dòng chảy trong bể là 02 ngày) nên quá trình lắng cặn trong ngăn lắng có thể xem như quá trình lắng tĩnh. Dưới tác dụng của trọng lực bản thân của các cặn sẽ lắng dần xuống đáy bể. Tại đây các chất hữu cơ sẽ bị phân hủy nhờ hoạt động của các vi sinh vật kỵ khí. Cặn lắng được phân hủy sẽ giảm mùi hôi, chất hữu cơ và thể tích. Tốc độ phân hủy chất hữu cơ nhanh hay chậm phụ thuộc vào nhiệt độ, độ pH của nước thải và lượng vi sinh vật có mặt trong lớp cặn. Hiệu quả xử lý làm sạch của bể tự hoại đạt 30-50% tính theo BOD và 50-55% đối với cặn lơ lửng (TSS). Nước thải từ các khu bếp, các chậu rửa bát đĩa thường có hàm lượng dầu mỡ động thực vật cao, nước thải được tách dầu, mỡ qua bể tách dầu mỡ, dẫn về hố thu gom nước thải của dự án trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Nomura. Bể tách dầu mỡ dung tích 4 m³ được đặt ngầm phía ngoài khu bếp ăn.

- Bể tách mỡ bao gồm 3 ngăn, nguyên lý hoạt động như sau: Nước thải lẫn dầu mỡ sau khi chảy tràn vào ngăn thứ nhất cặn rác sẽ được giữ lại tại lưới thu rác (rọ thu rác) và phần dầu mỡ nhẹ hơn nước sẽ nổi lên trên mặt ngăn. Nước thải sau khi qua ngăn thứ nhất sẽ tiếp tục chảy sang ngăn thứ hai nhờ đường ống PVC số 1. Tại ngăn số 2, còn lại một ít dầu mỡ lẫn trong nước thải từ ngăn số 1 cũng sẽ nổi lên trên mặt ngăn và phần nước nặng hơn dầu mỡ sẽ tiếp tục chảy sang ngăn số 3 nhờ đường ống PVC số 2. Nước thải tại ngăn số 3 sẽ được thải vào hố thu nước thải của toàn nhà máy sau đó được dẫn đến hệ thống xử lý nước thải của khu công nghiệp.

- Với nguyên lý hoạt động đơn giản, thời gian lưu nước thải trong bể tách dầu mỡ không cần lâu và hiệu quả xử lý của bể có thể tách được 90% lượng dầu mỡ có trong nước thải trước khi thải vào hệ thống xử lý nước thải chung của Dự án. Chủ dự án theo định kỳ khoảng 1 tuần/ lần sẽ vớt váng dầu mỡ từ ngăn số 1 và số 2 của bể tách dầu mỡ sau đó thuê Công ty môi trường đô thị của thành phố mang đi xử lý

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt: 05 bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 95,5 m³. Kết cấu: Láng xi măng chống thấm, trát vữa xi măng dày 1,5 mác 75, bê tông cốt thép dày 150 mác 200, bê tông lót móng dày 100, cát đen đầm chặt K = 0,95 dày 100, đá dăm dáy 300, gạch đặc tường.

- Hiệu quả hoạt động hiện tại: Kết quả quan trắc nước thải tại hố ga cuối cùng

năm 2022 đạt TC của KCN (Phiếu kết quả quan trắc định kèm Phụ lục) → Bể tự hoại 3 ngăn đang vận hành ổn định, chế độ nạo vét bùn thải tại bể tự hoại, hố ga và bảo dưỡng công trình thu thoát nước thải sinh hoạt hiện tại là phù hợp.

3.2. Công trình, biện pháp lý bụi, khí thải

3.2.1. Hệ thống xử lý khí thải từ máy thổi túi, máy tái chế nhựa

Không thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt:

Tại mỗi máy chế bản, máy thổi túi, máy tái chế nhựa, chủ dự án sẽ trang bị 1 chụp hút/1 máy (Tổng là 12chụp hút/12 máy) để hút hơi hữu cơ phát sinh trong quá trình đúc ép nhựa đi vào đường ống dẫn khí thải, đường ống dẫn này có gắn lớp than hoạt tính để xử lý hơi hữu cơ trước khi thoát ra ngoài môi trường qua ống phóng không

Mô tả quá trình:

Hơi hữu cơ phát sinh từ quá trình đúc ép nhựa tại các máy thổi túi, máy chế bản, máy tái chế nhựa sẽ được quạt hút vào các chụp hút được bố trí phía trên máy, đi vào đường ống dẫn khí thải có gắn lớp than hoạt tính. Tại đây, hơi hữu cơ sẽ được hấp phụ bởi lớp than hoạt tính, khí sạch sau khi xử lý được thoát ra ngoài môi trường qua ống phóng không.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải khu vực đúc ép nhựa:

- Công suất quạt hút: 15000 m³/h
- Số chụp hút khí thải: 12 chụp
- Đường ống thu gom khí thải (gồm đường ống hút trực chính và đường ống hút khí nhánh): Vật liệu thép không gỉ, D = 300 mm.
- Chiều cao ống phóng không: 7 m.
- Đường kính ống phóng không: 300 mm.
- Độ dày lớp than hoạt tính: 0,4 m. Lớp than hoạt tính này sẽ được thay thế định kỳ 3 tháng/lần, ước tính khối lượng khoảng 10 kg/năm.

3.2.2. Hệ thống lọc bụi từ máy băm nhựa

Thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt:

(1). Theo Nội dung ĐTM: sẽ đầu tư 01 hệ thống hút và lọc bụi từ máy băm nhựa với thông số:

Hệ thống hút và lọc bụi máy băm nhựa bao gồm các bộ phận chính như sau:

- Hộp lọc bụi thô: bao gồm:
 - + Vỏ hộp kết cấu bằng Tole SSSC gia công hàn + 03 Filter lọc bụi thô: kích thước 594*594*50 mm

- Đường ống thu bụi – khói – mùi
 - + Ống tổng dẫn bụi có đường kính Ø500 mm kết nối từ miệng hút của quạt ly tâm tới vị trí 3 phễu hút bụi Ø350*L3000 mm đưa các phễu tới miệng 3 máy nghiền nhựa (1 phễu hút bụi/1 máy nghiền nhựa)
 - + Ống nhánh số 1 tới ống nhánh số 3: Kích thước ống từ Ø160 mm, hút toàn bộ lượng bụi thải phát sinh trong suốt quá trình nghiền nhựa.
 - + Vật liệu chế tạo hệ đường ống + phễu hút bằng Tole kẽm SSSC có gân xoắn tạo liên kết cứng. Hệ ống này có chức năng trung chuyển bụi thải trong suốt quá trình các máy nghiền nhựa hoạt động.
- Quạt hút ly tâm:
 - + Quạt hút chính với lưu lượng 20.000 m³/h với áp suất tĩnh 270 mmH₂O + Motor truyền động trực tiếp: 15 Kw/1450Rpm/380V/50hz
- Ống xả khí: Kết cấu bằng Tole kẽm SSSC cao 4.5 m. Toàn bộ lượng khí sạch sau khi được lọc qua hệ Filter đạt chuẩn theo QCVN 19:2009/BTNMT sẽ được thải ra môi trường.

Nguyên tắc hoạt động:

Nhờ lực hút cưỡng bức trong đường ống tạo ra bởi quạt hút ly tâm, khí thải chứa bụi phát sinh từ hoạt động của 3 máy băm nhựa sẽ được thu vào đường ống dẫn bụi thông qua các phễu hút bụi, dẫn tới hộp lọc bụi. Tại đây, bụi thải va đập trực tiếp vào filter, mất quán tính và bám dính vào bề mặt filter lọc. Lượng bụi định kỳ 2 lần/tuần sẽ được công nhân vận hành máy thu gom và chuyển về kho chứa CTR sản xuất của Nhà máy, định kỳ thuê đơn vị có chức năng xử lý. Không khí sạch sẽ được thoát ra ngoài theo ống phông không. Hiệu suất xử lý bụi có thể đạt 99%

(2). Nội dung điều chỉnh:

Tại mỗi máy băm nhựa sẽ lắp đặt thiết bị lọc bụi túi vải đồng bộ để tăng hiệu quả thu gom xử lý tối đa. Túi vải lọc bụi được lắp đặt nối tiếp với phễu hút bụi của máy băm nhựa để xử lý bụi phát sinh từ hoạt động của máy băm nhựa bao gồm các bộ phận chính như sau:

Túi lọc bụi Bag Filter:

01 bag Filter kích thước đường kính Ø160xL1000 mm, chia thành 02 nửa, phía dưới đáy có túi Ø160xL500 chứa bụi thải.

Đường ống thu khí bụi:

- + Ống dẫn bụi có đường kính Ø200mm kết nối từ miệng hút của quạt ly tâm tới vị trí phễu hút bụi tại máy băm nhựa (01 phễu hút bụi/máy băm nhựa).
- + Vật liệu chế tạo hệ đường ống + phễu hút bằng Tole kẽm SSSC có gân xoắn tạo liên kết cứng. Hệ ống này có chức năng trung chuyển hút thải trong suốt quá trình máy băm nhựa hoạt động.

Hiệu quả lọc bụi đạt 99%.

3.2.3. Hệ thống xử lý khí thải (hơi keo) tại khu vực dán nhãn, tem mã vạch

Thay đổi so với báo cáo ĐTM đã được Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng phê duyệt:

(1). Theo nội dung báo cáo ĐTM:

Nhà máy sử dụng 7 máy dán keo, phía trên mỗi máy dán keo sẽ bố trí 01 chụp hút. Hơi dung môi phát sinh từ khu vực máy dán keo được thu gom vào HTXL nhờ các chụp hút khí thải bố trí phía trên các khu vực phát sinh hơi dung môi. Dưới tác dụng của quạt hút, hỗn hợp khí thải được thu vào đường ống dẫn khí thải rồi đưa đến buồng hấp phụ của tháp hấp phụ. Tại đây, không khí có chứa hơi dung môi hữu cơ sẽ được hấp phụ bằng than hoạt tính, đảm bảo xử lý 98% hơi dung môi có trong khí thải trước khi thải ra ngoài theo ống phóng không của hệ thống xử lý.

- Vị trí đặt hệ thống: Bố trí phía ngoài nhà tầng 1, nhà xưởng 2

Nhà máy sẽ dùng quạt hút có công suất là 15.000 m³/h đảm bảo yêu cầu có thể hút được hết khí thải trong khu vực đi vào hệ thống xử lý khí thải, vận tốc dòng khí bên trong thiết bị xử lý: 1,1 m/s. Đường ống thu gom khí thải: Vật liệu PVC, ống hút khí nhánh D = 75mm, đường ống trực hút chính D = 200mm. Chiều cao ống phóng không: 15m.

- Số lượng chụp hút: (07 chụp hút).

- Số lượng hệ thống xử lý khí thải bằng tháp hấp phụ: 01 hệ thống. Vật liệu chế tạo tháp hấp phụ: thép; Dùng than hoạt tính hấp phụ, độ dày màng than hoạt tính: 300 mm. Số lượng ống phóng không: 01 ống.

Chất lượng khí thải sau xử lý đảm bảo đạt TCVS 3733:2002/QĐ-BYT

(2). Điều chỉnh và xin cấp GPMT:

Không lắp đặt vì:

- Thay thế keo dán Vulcol có thành phần độc hại (Ethyl acetate; Butanone: 30% - 50%; Toluene: 10% - 20%; Phenol: 1% - 5%) thành keo SP2850 có thành phần thân thiện với môi trường (vinyl copolymer plasticizer 45-55%); polyene glycol monomethyl ether 1-5%; water 45-55%. Trong đó vinyl copolymer plasticizer là chất dẻo, nhựa, tồn tại ở thể rắn, propylen glycol monomethyl ether là 100%.

- Hiện tại sử dụng 03 máy dán keo (02 máy dán tay tầng 2, 01 máy tự động tầng 1.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Chất thải sinh hoạt

Trang bị các thùng chứa rác thải sinh hoạt có nắp đậy, đặt tại những nơi phát sinh:

+ Tại khu vực văn phòng: bố trí các thùng nhựa có nắp đậy đặt tại khu vực văn phòng nhà máy.

+ Tại khu vực nhà ăn: 2 thùng nhựa loại 100 lít đặt tại các vị trí trong khu vực nhà ăn và 03 thùng rác loại 10 lít đặt tại khu vực rửa tay tầng 2.

+ Tại khu văn phòng lô F12A: 01 thùng nhựa loại 50 lít có nắp đậy.

- CTR sinh hoạt của toàn nhà máy (lô J13B, J14) sẽ được thu gom, lưu chứa tạm thời trong thùng rác thải 600 lít có nắp đậy và định kỳ hàng ngày vào 1 giờ cố định được đẩy ra trước cổng phụ lối vào lô J13B để công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hải Phòng vào thu gom.

- Thành lập tổ vệ sinh thu gom CTR sinh hoạt tại các khu vực phát sinh tại nhà máy để thu gom về thùng chứa 600 lít vào 1 giờ cố định hàng ngày.

- CTRSH tại lô F12A với khối lượng nhỏ (khoảng 12,5 kg/ngày) được thu gom, lưu chứa trong thùng nhựa 50 lít, hàng ngày được thu gom, vận chuyển, xử lý bởi Công ty MTV MTĐT Hải Phòng.

- Yêu cầu công nhân tuân thủ mọi nội quy về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, không xả rác bừa bãi. Công ty tiến hành phân loại rác tại nơi phát sinh và quy định thùng chứa mỗi loại rác đó, bao gồm:

+ Rác thực phẩm bao gồm chất thải hữu cơ dễ phân hủy, chất thải bỏ từ quá trình chế biến, sử dụng thực phẩm như thức ăn thừa và các loại thực phẩm hết hạn sử dụng; các loại rau, củ, quả hư hỏng; cỏ, lá cây, hoa các loại; bã trà, bã cà phê; các loại vỏ, hạt trái cây; xác động vật, phân gia cầm, gia súc nuôi, bã mía, xác mía; ... Hàng ngày, người phụ trách sẽ báo số lượng phát sinh về phòng quản lý môi trường của KCN và công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hải Phòng sẽ đến thu gom, vận chuyển và xử lý.

+ Rác có khả năng tái chế: vỏ lon, chai nhựa, giấy,...được đóng vào túi đựng/bao tải và bán cho đơn vị có chức năng tái chế cùng với rác thải sản xuất có khả năng tái chế.

+ Rác sinh hoạt không tái chế: chất thải phát sinh tại khu nhà vệ sinh (giấy vệ sinh đã qua sử dụng); quần áo (bảo hộ lao động) cũ hỏng; bao bì đựng bánh, kẹo; sành, sứ thủy tinh vỡ; đầu lọc thuốc lá; xỉ than; ... được phân loại thu gom trong các thùng

nhựa có nắp, và được thu gom cùng với rác thực phẩm bởi công ty TNHH MTV môi trường đô thị Hải Phòng.

3.3.2. Chất thải công nghiệp

- Thu gom phân loại rác tại nơi phát sinh, sau đó vận chuyển vào kho chứa rác thải sản xuất có diện tích 50 m², có mái che, bố trí ở cuối khu đất J14A, thẳng bảo từ cổng ra vào lô J14A của dự án. Nhà máy bố trí các thùng chứa có dung tích từ 20 -50 lít đặt tại các nơi sản xuất và thùng chứa loại 250 lít trở lên để trong kho chứa rác thải sản xuất.

- Đối với các chất thải rắn có thể tái chế được (bao bì, giấy, bìa carton, đầu mẫu kim loại, sắt thép phế liệu...) nhà máy dự kiến sẽ phối hợp với đơn vị thu mua 3 lần/tuần vận chuyển, xử lý, tránh để tồn lưu chiếm diện tích tại kho chứa.

- Đối với các chất thải rắn không thể tái chế được (những chất thải khác không dính thành phần nguy hại như giẻ lau, găng tay...), định kỳ sẽ được Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thịnh Vượng thu gom, vận chuyển, xử lý.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Bố trí kho chứa CTNH có diện tích 30 m², xây dựng cuối khu đất J14B, nhìn thẳng vào từ cổng kho J13B. Kho chứa CTNH có rãnh thu gom và hố thu gom dầu thải, có bình cứu hỏa để phòng trường hợp xảy ra cháy, có các vật liệu thấm hút (cát, mùn cưa), xẻng để sử dụng trong trường hợp xảy ra sự cố đối với chất thải nguy hại dạng lỏng.

- Định kỳ chuyển giao cho đơn vị có chức năng theo đúng quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, nhiệt dư

- Lắp đặt đệm cao su chống ồn, rung động cho máy móc sản xuất;
- Bố trí khu vực sản xuất theo máy sản xuất để kiểm soát nguồn ồn, rung phát sinh;
- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc.
- Thực hiện bảo dưỡng máy móc thiết bị sản xuất định kỳ, dự kiến 3-6 tháng/lần.

3.6. Công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Công ty đã được Cảnh sát PCCC thành phố Hải Phòng cấp Nghiệm thu PCCC;

- Hệ thống PCCC của Nhà máy đã được lắp đặt theo đúng hồ sơ PCCC:

+ Giao thông phục vụ chữa cháy: công trình có đường giao thông chạy xung quanh công trình, chiều rộng làn đường tối thiểu 3,5m, nền đường có kết cấu bê tông, chịu được tải trọng xe chữa cháy; tại khu vực có công năng xưởng sản xuất với khu

vực kho, khu vực văn phòng với khu vực xưởng sản xuất được ngăn cách với nhau bằng tường cao đến trần bê tông, cửa đi trên tường là cửa chống cháy với vách kính chống cháy;

+ Lối thoát nạn:

✓ Nhà xưởng số 1: có 7 cửa thoát nạn ra trực tiếp đường nội bộ của khu nhà xưởng qua 2 hướng khác nhau.

✓ Nhà xưởng số 2:

• Tầng 1:

Khu văn phòng: có 3 cửa thoát nạn ra trực tiếp đường nội bộ của khu nhà xưởng qua 1 hướng khu vực mái vòm.

Xưởng sản xuất: có 05 cửa thoát nạn ra trực tiếp đường nội bộ của khu nhà xưởng qua 2. hướng khác nhau.

• Tầng 2: có 05 cầu thang bộ thoát nạn, cầu thang là loại có chiếu nghỉ.

✓ Nhà xưởng số 3: có 4 cửa thoát nạn ra trực tiếp đường nội bộ của khu nhà xưởng qua 1 hướng .

✓ Kho mới : Có 7 cửa thoát nạn ra trực tiếp đường nội bộ của khu nhà kho qua 2 hướng khác nhau.

+ Hệ thống hút khói. Các khu vực nhà kho đảm bảo hệ thống thoát khói tự nhiên thông qua các cửa hút khói cửa trời. Các khu vực tầng lửng, khu vực nhà ăn được mở Lam thoát khói tự nhiên. Đối với xưởng sản xuất được thiết kế hệ thống hút khói cưỡng bức cho cả tầng 1 và tầng 2. Đường ống dẫn hút khói mỗi tầng được chia làm hai nhánh trung tâm, với đường kính 350x700. Vật liệu đường ống thoát khói được bọc lớp thạch cao chống cháy. Công suất mỗi quạt hút tương ứng 15kw, khối lượng hút khí tương ứng 35000m³/h. Thêm vào đó là hệ thống hút khói cưỡng bức hành lang với quạt hút công suất quạt hút 3kw, khối lượng hút khí 10000m³/ h.

+ Hệ thống báo cháy tự động: 03 tủ báo cháy trung tâm được đặt tại hai trạm bảo vệ. Các đầu báo cháy được lắp đặt phía dưới mái tôn và trần thạch cao mỗi nhà xưởng. Phía dưới các vách tường là tổ hợp chuông báo cháy, đèn báo cháy, nút bấm báo cháy. Kèm theo hệ thống báo cháy là hệ thống Loa báo cháy được lắp đặt cho các phân xưởng, quá trình làm việc song song với hệ thống của chuông báo cháy. Bên cạnh đó nhà máy có lắp đặt hệ thống cảnh báo cháy sớm, phục vụ 24/24, khi có tín hiệu tủ báo cháy trung tâm, thiết bị sẽ gửi thông tin báo cháy cho đội PCCC cơ sở, và phòng cảnh sát PCCC.

+ Lắp đặt hệ thống cấp nước chữa cháy tự động Sprinkler bằng nước, hệ thống hòng nước chữa cháy vách tường tại nhà xưởng sản xuất, kho nguyên vật liệu, kho thành phẩm. Xây dựng bể nước ngầm 400m³, và bể nước ngầm phụ trợ 30m³.

+ Bố trí phương tiện chữa cháy xách tay gồm các loại bình bột chữa cháy loại MFZ, và các loại bình khí CO₂, được bố trí theo sơ đồ để bình PCCC của nhà máy.

- Định kỳ 1 lần/năm, Công ty đã phối hợp với cơ quan phòng cháy có chức năng thực hiện diễn tập PCCC tại Nhà máy, đồng thời, cử cán bộ tại cơ sở đi tập huấn các lớp về phòng cháy chữa cháy.

- Thực hiện bảo dưỡng hệ thống, thiết bị PCCC theo đúng quy định.

- Trường hợp sự cố xảy ra, chủ đầu tư sẽ huy động lực lượng ứng phó sự cố. Trường hợp, sự cố vượt ngoài khả năng sẽ liên hệ trực tiếp với đơn vị quản lý KCN, Cảnh sát PCCC và các đơn vị lân cận trợ giúp.

3.6.2. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống thu thoát nước mưa, nước thải

Chủ dự án bố trí kỹ thuật kiểm tra, thay thế đường ống dẫn bị hỏng; thuê Công ty TNHH phát triển dịch vụ thoát nước và vệ sinh môi trường hút bùn thải tại hố ga, bùn thải tại bể tự hoại định kỳ 3 tháng/lần.

3.6.3. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải

- Bố trí kỹ thuật bảo dưỡng hệ thống định kỳ 3-6 tháng/lần;

- Hệ thống hút khí thải tại các máy sản xuất nào bị hỏng thì cam kết dừng hoạt động sản xuất tại khu vực đó để khắc phục, chỉ được sản xuất khi hệ thống hút khí được sửa chữa, khắc phục và hoạt động ổn định trở lại.

3.6.4. Phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho chứa chất thải nguy hại

Kho chứa chất thải được bố trí trong xưởng sản xuất, bố trí đầy đủ bình bột chữa cháy để ứng phó sự cố cháy nổ, bố trí rãnh thu, hố thu CTNH và thùng chứa cát để thu và thấm hút CTNH lỏng trong trường hợp tràn đổ. Thực hiện chuyển giao chất thải nguy hại định kỳ theo thực tế phát sinh đảm bảo không lưu chứa quá nhiều trong kho chứa khiến kho bị quá tải.

3.6.5. Phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

❖ *Biện pháp phòng ngừa sự cố:*

- Các biện pháp quản lý:

+ Bộ phận An toàn Môi trường của Công ty luôn phải kiểm tra giám sát hàng ngày và định kỳ các khu vực trong nhà máy để đảm bảo an toàn.

+ Thực hiện nghiêm túc theo quy trình quản lý hóa chất của Công ty.

+ Khu vực bảo quản, lưu trữ hóa chất chỉ có người phụ trách trực tiếp làm việc với hóa chất hoặc người có trách nhiệm mới được ra vào, nghiêm cấm người không phận sự ra vào khu vực nguy hiểm và có biển cảnh báo nguy hiểm.

+ Tại mỗi khu vực để các loại hóa chất có để MSDS của hóa chất đó, cảnh báo nguy hiểm và biện pháp phòng ngừa, sổ theo dõi xuất nhập hóa chất.

+ Kiểm tra giám sát theo đúng kế hoạch đặt ra.

+ Xây dựng kho chứa hóa chất bên trong xưởng sản xuất: Có biển báo, nội quy và

các hình đồ cảnh báo phù hợp, có trang bị khay chống tràn đổ hóa chất ra ngoài môi trường khi có sự cố, có trang thiết bị bảo hộ và các dụng cụ ứng phó khi tràn đổ đổ tại kho hóa chất.

+ Lượng hóa chất nhập phải hợp lý so với nhu cầu sử dụng của Công ty, không nhập quá nhiều dẫn đến thời gian lưu kho lâu, lượng nhiều làm tăng nguy cơ mất an toàn. Hóa chất nhập trước phải sử dụng trước và luôn theo dõi hạn sử dụng của hóa chất.

+ Chủ dự án bố trí tổ phụ trách việc kiểm soát, thống kê, nhập kho, lưu giữ nhiên liệu theo đúng quy định; đồng thời, tổ trưởng phải nhắc nhở công nhân tuân thủ nghiêm ngặt quy định tại kho chứa, tuyệt đối không được sắp xếp cũng như lấy nhiên liệu không đúng trình tự vì rất dễ gây đổ vỡ. Chủ dự án sẽ quy định cụ thể về trang thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc với nhiên liệu.

- Chủ dự án cam kết sẽ dừng sản xuất tại các khu vực xảy ra sự cố môi trường.

- Đối chiếu với Phụ lục IV Nghị định số 113:2017/NĐ-CP, dự án không thuộc đối tượng lập Kế hoạch ứng phó sự cố hóa chất.

- Thực hiện đào tạo an toàn hóa chất 1 lần/2 năm.

- Thực hiện khai báo hóa chất trên cổng thông tin của Sở Công thương vào cuối năm theo đúng quy định.

❖ *Biện pháp ứng phó khi sự cố xảy ra:*

+ Trong trường hợp xảy ra các sự cố ngộ độc hóa chất phải sơ cứu công nhân theo hướng dẫn tại phiếu an toàn hóa chất trước khi chuyển tới các cơ sở y tế, các sự cố và phương pháp sơ cứu tương ứng cụ thể như sau:

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt (bị văng, dây vào mắt): mở to mí mắt và rửa nhẹ nhàng với thật nhiều nước ít nhất 10 phút, nếu thấy đau rát thì chuyển ngay đến bác sĩ chuyên khoa ngay.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da (bị dây vào da): rửa thật sạch với xà phòng và nước, nếu bị rát da chuyển đến bác sĩ chuyên khoa. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và làm sạch khô trước khi sử dụng lại.

+ Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp (hít thở phải hóa chất dạng hơi, khí): di chuyển ngay tới nơi có không khí trong lành, thoáng mát.

+ Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa (ăn uống, nuốt nhầm hóa chất): uống thật nhiều nước và mau chóng đưa đến bác sĩ.

- Đồng thời, Chủ đầu tư cũng đề ra các biện pháp giảm thiểu tác động khi sự cố hoá chất xảy ra, cụ thể như sau:

+ Ngay lập tức tắt cả các hoạt động sử dụng các loại hóa chất. Nhận diện ngay nguồn hóa chất, dung môi đổ tràn, vị trí và nguyên nhân gây đổ tràn.

+ Thông báo ngay cho người điều phối của Công ty các tình huống khẩn cấp đã được chỉ định. Quản lý sản xuất đóng vai trò như người điều phối tại hiện trường cho đến khi công ty chỉ định người điều phối đến.

+ Kiểm tra thương vong công nhân, hư hại trang thiết bị, máy móc. Đặc biệt kiểm

tra khả năng rò rỉ, đổ tràn, cháy nổ có khả năng xảy ra tại nạn lao động để có các biện pháp ứng phó khẩn cấp.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió diện tích tràn đổ hóa chất, trang bị bảo hộ lao động đầy đủ trước khi tiến hành xử lý, thu hồi hóa chất tràn đổ vào thùng chứa chất thải hóa học kín;

+ Đối với lượng hóa chất bị đổ, rò rỉ ít: Hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, mang thiết bị phòng hộ cá nhân, cô lập khu vực đổ tràn, rò rỉ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực đổ tràn hóa chất. Sử dụng cát, vật liệu thấm hút để ngăn chặn, tránh không cho hóa chất chảy vào cống rãnh, tiếp xúc với hóa chất khác. Phải lau sạch khu vực bị đổ tràn.

+ Khi đổ tràn, rò rỉ lớn ở diện rộng: hủy bỏ tất cả các nguồn đánh lửa, thông gió khu vực rò rỉ hoặc tràn, mang thiết bị phòng hộ cá nhân phù hợp, cô lập khu vực tràn đổ, nghiêm cấm người không có nhiệm vụ vào khu vực tràn đổ hóa chất. Thu hồi hóa chất tràn đổ và chứa trong thùng chứa chất thải hóa học kín. Sử dụng phương pháp thu hồi không tạo ra bụi hóa chất. Nước rửa làm sạch khu vực tràn đổ rò rỉ không được xả ra hệ thống thoát nước chung. Ngăn ngừa bụi hóa chất và giảm thiểu sự tán xạ bằng nước hoặc phun ẩm.

+ Sơ tán công nhân ra khỏi khu vực xảy ra sự cố hoá chất.

CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả nước thải vào nguồn nước và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải (do nước thải sau xử lý sơ bộ được thu gom về hệ thống dẫn nước thải và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng, không xả ra môi trường).

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải và yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

4.2.1. Nội dung đề nghị cấp phép xả khí thải

4.2.1.1. Nguồn phát sinh khí thải

- *Nguồn số 01: hệ thống xử lý khí thải từ máy thổi túi, máy tái chế nhựa*

4.2.1.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Ống thoát khí của hệ thống hút khí thải từ máy thổi túi, máy tái chế nhựa;

- Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

+Dòng khí thải số 01: 15.000 m³/h;

- Phương thức xả khí thải: Khí thải được hút ra từ khu vực sản xuất trong xưởng và xả ra môi trường qua ống thoát khí.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường Khí thải sau xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
1	Lưu lượng	m ³ /h	-		
2	Hydrocbon (Cyclohexan)	mg/Nm ³	1300	Thực hiện theo quy định tại Khoản 4, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Điều 98, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

4.2.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý khí thải

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh khí thải để đưa về hệ thống xử lý khí thải

- Khí thải phát sinh từ các máy thổi túi, máy tái chế nhựa trong xưởng sản xuất được thu gom vào chụp hút, đường ống nhánh, đường ống tổng qua ống thoát khí ra ngoài môi trường.

b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ: 01 hệ thống hút khí thải có công nghệ tương tự nhau, cụ thể như sau: Khí thải → Chụp hút → Đường ống gom → Tháp hấp phụ than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí.

- Công suất thiết kế: 15.000 m³/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

- Không thuộc đối tượng phải lắp đặt theo Khoản 5, Điều 98 Nghị định 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Định kỳ kiểm tra, theo dõi thiết bị bảo đảm hệ thống xử lý khí thải hoạt động ổn định.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

4.2.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo điểm c Khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08:2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

4.2.3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 4.2.1.2 trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

- Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm các công trình xử lý bụi, khí thải.

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

- Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này.

4.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và các yêu cầu bảo vệ môi trường

4.3.1. Nội dung cấp phép về tiếng ồn, độ rung

4.3.1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: hệ thống xử lý khí thải từ các máy thổi túi, máy tái chế nhựa trong xưởng sản xuất;
- Nguồn số 02: khu vực đúc ép nhựa;
- Nguồn số 03: khu vực trộn nhựa xưởng 1
- Nguồn số 04: khu vực đúc ép nhựa xưởng 1
- Nguồn số 05: khu vực sản xuất khóa xưởng 1
- Nguồn số 06: khu vực nghiền nhựa xưởng 1
- Nguồn số 07: khu vực sản xuất túi kéo khóa tầng 1 xưởng 2
- Nguồn số 08: khu vực máy hàn túi tầng 1 xưởng 2
- Nguồn số 09: khu vực hàn tại xưởng hoàn chỉnh sản phẩm tầng 2 xưởng 2
- Nguồn số 10: khu vực dán nhãn sản phẩm, nhãn mã vạch xưởng hoàn chỉnh sản phẩm tầng 2 xưởng 2

4.3.1.2. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 24:2016/BYT đối với tiếng ồn, QCVN 27:2016/BYT đối với độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường
QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn				

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường
QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung				

4.3.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

4.3.2.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.
- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

4.3.2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 4.3.1.3.
- Định kỳ kiểm tra độ mài mòn của chi tiết động cơ, thay dầu bôi trơn

4.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố

4.4.1. Quản lý chất thải

4.4.1.1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh

- Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Chất thải nguy hại từ hoạt động văn phòng: mực in, hộp mực in thải	Rắn	10	08 02 04
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	10	16 01 06
3	Dầu thải	Lỏng	45	07 03 05
4	Giẻ lau, găng tay nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	36	18 02 01
5	Vỏ bao bì đựng hóa chất keo dán	Rắn	40	18 01 01
6	Bã keo thải	Rắn	33	08 03 01
7	Màng lọc bụi chứa HC đã qua sử dụng xử lý bụi từ QT băm nhựa	Rắn	10	18 02 04
8	Than hoạt tính sau hấp phụ khí thải	Rắn	70	18 02 01
9	NT vệ sinh máy dán keo	Lỏng	24.960	08 03 03
Tổng lượng			25.214	

- Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1.	Giấy phế liệu, tem nhãn hỏng	Tấn/năm	2,006

2	Bavia kim loại, thép phế liệu, khóa sắt, phụ kiện kim loại hỏng	Tấn/năm	5,0778
3	Vỏ bao dứa	Tấn/năm	13,85
4	Ballet gỗ thải, ballet nhựa cũ hỏng	Tấn/năm	6
5	Giẻ lau bụi bẩn không dính hóa chất độc hại	Tấn/năm	0,15
6	Găng tay, khẩu trang cũ hỏng không dính chất nguy hại	Tấn/năm	0,15
7	Bụi thu gom từ túi lọc bụi (công đoạn nghiền nhựa).	Tấn/năm	0,5462
Tổng		-	27,78

- Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: khoảng 96 kg/ngày ~ 2,304 tấn/tháng.

4.4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại đảm bảo đáp ứng quy định tại Khoản 5 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+Diện tích kho: 01 kho bên trong xưởng sản xuất với diện tích 30 m²

+Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường bao, nền bê tông hóa chống thấm, có khay thu dầu và hóa chất để phòng chống sự cố rò rỉ dầu và hóa chất ra môi trường bên ngoài. Kho có lắp đặt biển cảnh báo theo quy định, có phân loại từng mã CTNH, có trang bị đầy đủ dụng cụ chứa CTNH được dán nhãn, mã chất thải nguy hại, các thùng chứa chất lỏng được đặt vào các khay hứng chống rò rỉ hoặc chảy tràn ra ngoài, các chất thải dạng rắn được sắp xếp thành các khu riêng biệt, có thùng phuy chứa cát, thiết bị PCCC theo quy định; đảm bảo các yêu cầu khác theo quy định tại Khoản 6 Điều 35 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: bố trí thiết bị lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường đảm bảo an toàn, không bị hư hỏng, rách vỡ vỏ và đáp ứng các quy định tại Khoản 1 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài

nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Kho lưu chứa:

+Diện tích kho: 01 kho với diện tích 50 m²

+Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa chất thải thông thường đảm bảo đáp ứng quy định tại khoản 3 Điều 33 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

Thiết bị lưu chứa: Bố trí các thùng chuyên dụng dung tích 240 lít, 100 lít tại mỗi khu vực phát sinh: khu vực văn phòng, nhà ăn, khu nhà vệ sinh, hành lang, nhà xưởng sản xuất, khuôn viên cơ sở.

4.4.2. Yêu cầu phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

4.5. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo

quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.

CHƯƠNG 5. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Thực hiện theo đúng nội dung báo cáo ĐTM đã được phê duyệt. Bỏ 2 vị trí ống thoát khí tại hệ thống xử lý bụi từ máy nghiền bằng Filter và ống thoát khí tại khu vực dán nhãn, tem mã vạch.

CHƯƠNG 6: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

- Chủ dự án cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Chủ dự án cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Định kỳ chuyển giao chất thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định; chịu trách nhiệm liên quan đến chất thải được chuyển giao.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành về phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chủ dự án đầu tư chi trả kinh phí thực hiện quan trắc đối chứng trong quá trình vận hành thử nghiệm;

- Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường.

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200607088

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 12 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 12, ngày 06 tháng 06 năm 2023

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIHIT LAB. VIETNAM INC.

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô đất J13B, J14 khu công nghiệp Nhật Bản - Hải Phòng, Xã An Hưng, Huyện An
Đương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Điện thoại: 0225. 3743071

Fax: 0225. 3743072

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

104.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn tỷ đồng

(Giá trị tương đương: 5.000.000 USD)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: LIHIT LAB., INC (NHẬT BẢN)

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1299-01-077594

Ngày cấp: 25/05/1948 Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 1-1-22 Nouninbashi, Chuo-ku, Osaka, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: IHARA YUJI

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: *12/07/1966*

Dân tộc:

Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Hộ chiếu nước ngoài*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *TR4939335*

Ngày cấp: *01/10/2015*

Nơi cấp: *Bộ Ngoại giao Nhật Bản*

Địa chỉ thường trú: *3-14-9 202, Miyakojima Nakadori, Miyakojima Ku, Thành phố Osaka, Nhật Bản*

Địa chỉ liên lạc: *Khách sạn Roygent Parks, số 3 đường 1- Khu đô thị Ven sông Lạch Tray, Phường Vĩnh Niệm, Quận Lê Chân, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Đình Phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **5472874926**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 08 tháng 12 năm 2004

Chứng nhận đăng ký lại: Ngày 19 tháng 12 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ 08: Ngày 23 tháng 5 năm 2023

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;
Căn cứ Nghị định 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 03 năm 2021 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật
Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của
Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ
trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu
tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của
Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm
2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy
định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản
lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 412/QĐ-UBND ngày 14 tháng 02 năm 2023
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc thay đổi tên gọi Khu
công nghiệp Nomura – Hải Phòng thành Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải
Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 5472874926 do Ban
Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 12
năm 2004, chứng nhận đăng ký lại ngày 19 tháng 12 năm 2007, chứng
nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo
do Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam nộp ngày 16 tháng 03 năm 2023.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư SẢN XUẤT VĂN PHÒNG PHẨM, Mã số dự án số
5472874926 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần
đầu ngày 08 tháng 12 năm 2004, chứng nhận đăng ký lại ngày 19 tháng 12,
năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 06 năm 2020;



được đăng ký điều chỉnh mục tiêu, quy mô, thông tin địa điểm thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư:

LIHIT LAB., INC. (Nhật Bản)

Giấy phép thành lập số 1299-01-077594 Ngày cấp: 25/5/1948

Nơi cấp: Osaka, Nhật Bản

Trụ sở chính: 1-1-22 Nouninbashi, Chuo-ku, Osaka, Nhật Bản.

Thông tin về người đại diện theo pháp luật gồm:

Họ tên: Hirokazu Tanaka Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch

Sinh ngày: 18/8/1965

Quốc tịch: Nhật Bản

Hộ chiếu số: TR5064869

Ngày cấp: 09/11/2015

Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: 7-15-602, Juniken-chou, Chuo-ku, Osaka, Nhật Bản.

Điện thoại:

Email:

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH hai thành viên trở lên số 0200607088 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 20/02/2023. Mã số thuế: 0200607088.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

SẢN XUẤT VĂN PHÒNG PHẨM

2. Mục tiêu dự án:

TT	Mục tiêu hoạt động	Tên ngành (Ghi tên ngành cấp 4 theo VSIC)	Mã ngành theo VSIC
1	Sản xuất văn phòng phẩm: Kẹp tài liệu, bìa đựng tài liệu, vở (sổ ghi chép), cặp sách (cặp đựng tài liệu), hộp nhựa văn phòng (hộp bút, hộp đựng thẻ, khay nhựa để bàn), túi kéo khoá (khóa nhựa) đựng tài liệu, các sản phẩm làm từ hạt nhựa các loại (bìa nhựa, túi đựng tài liệu, túi tam giác, lẫy nhựa, thanh nhựa phụ kiện văn phòng phẩm)	Sản xuất khác chưa được phân vào đầu	3290
2	Sản xuất tấm nhựa chắn bảo vệ mặt	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220

Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam được áp dụng quy định đối với doanh nghiệp chế xuất

3. Quy mô dự án (năm sản xuất ổn định):

Sản phẩm	Công suất	
	Chiếc/năm	Tấn/năm
File nhựa kẹp tài liệu	44.000.000	1.325
Bìa nhựa đựng tài liệu	40.000.000	280
Vở (sổ ghi chép)	4.000.000	80
Cặp sách (cặp đựng tài liệu)	3.500.000	175
Hộp nhựa văn phòng (hộp bút, hộp đựng thẻ, khay nhựa để bàn)	7.000.000	210
Túi kéo khoá (khóa nhựa) đựng tài liệu	3.500.000	140
Các sản phẩm làm từ hạt nhựa các loại (bìa nhựa, túi đựng tài liệu, túi tam giác, lẩy nhựa, thanh nhựa phụ kiện văn phòng phẩm)	15.000.000	2.800
Tấm nhựa chắn bảo vệ mặt	1.000.000	50

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất J13B, J14, F12A Khu công nghiệp Nhật Bản – Hải Phòng (trước là Khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng), huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất dự kiến sử dụng: 19.240 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án: 312.000.000.000 (ba trăm mười hai tỷ) đồng tương đương 15.000.000 (mười lăm triệu) đô la Mỹ;

Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 104.000.000.000 (một trăm linh tư tỷ) đồng, tương đương 5.000.000 (năm triệu) đô la Mỹ bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 30% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

Nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
	VND	USD			
LIHIT LAB., INC. (Nhật Bản)	104.000.000.000	5.000.000	100	Tiền mặt	Đã được góp đủ tính đến hết tháng 8/2013

7. Thời hạn hoạt động của dự án: kể từ ngày được Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Hải Phòng cấp Giấy phép đầu tư số 45/GP-KCN-HP ngày 08/12/2004 đến ngày 23/12/2044.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a, Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Số vốn góp 5.000.000 đô la Mỹ đã được các Nhà đầu tư góp đủ;

b, Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án:

- Phần dự án sản xuất sản phẩm văn phòng phẩm: đã đi vào sản xuất chính thức từ tháng 6/2005 và hiện đang hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Phần dự án sản xuất sản phẩm bảo hộ bằng nhựa: chính thức từ tháng 6/2020.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

+ Các văn bản khác có liên quan

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Được áp dụng ưu đãi đối với hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06/4/2016;

+ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;

+ Nghị định số 18/2021/NĐ-CP ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ;

+ Các pháp luật có liên quan.

- Điều kiện hưởng ưu đãi:

+ Dự án sản xuất chuyên đề xuất khẩu sản phẩm;

+ Công ty TNHH Lihit Lab Việt Nam đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với Công ty TNHH Lihit Lab Việt Nam khi thực hiện dự án:

1. Chấp hành quy định của Luật Đầu tư, pháp luật về quy hoạch, đất đai, môi trường, xây dựng, lao động, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

2. Chỉ được áp dụng loại hình doanh nghiệp chế xuất nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 26, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP; Điều 28a, Nghị định số 134/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung Nghị định số 18/2021/NĐ-CP và các văn bản pháp luật có liên quan về doanh nghiệp chế xuất;

3. Dự án đầu tư sẽ bị chấm dứt hoạt động theo một trong các trường hợp quy định tại Điều 48, Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

4. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.



Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư 5472874926 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận lần đầu ngày 08 tháng 12 năm 2004, chứng nhận đăng ký lại ngày 19 tháng 12 năm 2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 07 ngày 05 tháng 06 năm 2020.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 bản cấp cho Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu: VT.



TRƯỞNG BAN

Lê Trung Kiên

Số: 618 /QĐ-BQL

Hải Phòng, ngày 27 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất văn phòng phẩm” tại Lô đất J-13B, J-14, F12A, Khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng do Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam làm chủ đầu tư

TRƯỞNG BAN BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ các Khoản 7, 9, 10, 13 Điều 1 và Điều 6 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05/01/2018 của UBND thành phố Hải Phòng ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 3471/QĐ-UBND ngày 27/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ủy quyền thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư, phương án sản xuất kinh doanh, dịch vụ thực hiện trong khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 532/QĐ-CT ngày 13/3/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ đề nghị của Hội đồng thẩm định (thành lập tại Quyết định số 2185/QĐ-BQL ngày 05/7/2019 của Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng) họp ngày 09/10/2019 và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất văn phòng phẩm” tại Lô đất J-13B, J-14, F12A, Khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng đã được Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam chỉnh sửa, hoàn thiện theo ý kiến Hội đồng thẩm định tại Công văn số 030/CV-Lihit Lab.VN ngày 17/02/2020;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản xuất văn phòng phẩm” do Công ty TNHH



Lihit Lab. Việt Nam làm chủ đầu tư tại Lô đất J-13B, J-14, F12A, Khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng (sau đây gọi tắt là chủ dự án) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi, quy mô công suất của Dự án:

- Địa điểm thực hiện: Lô đất J-13B, J-14, F12A, Khu công nghiệp Nomura – Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Diện tích: 19.240 m².

- Mục tiêu dự án: Sản xuất văn phòng phẩm và sản phẩm hạt nhựa tái chế.

- Quy mô, công suất:

TT	Tên sản phẩm	Công suất	
		Chiếc/năm	Tấn/năm
1	Kẹp tài liệu	44.000.000	1.325
2	Bìa đựng tài liệu	40.000.000	280
3	Vở	4.000.000	80
4	Cặp sách (cặp đựng tài liệu)	3.500.000	175
5	Hộp nhựa văn phòng (hộp bút, hộp đựng thẻ, khay nhựa để bàn)	7.000.000	210
6	Túi kéo khóa (khóa nhựa) đựng tài liệu	3.500.000	140
7	Các sản phẩm làm từ hạt nhựa các loại (file đựng tài liệu, file đựng tài liệu từ bìa nhựa, lấy nhựa, thanh nhựa phụ kiện văn phòng phẩm)	15.000.000	2.800
8	Hạt nhựa tái chế	-	500

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường của Dự án:

- Tổ chức thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án theo quy định hiện hành.

- Thực hiện các giải pháp chống ồn, chống rung, xử lý các loại khí thải, bụi đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành.

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo đạt quy chuẩn quốc gia về môi trường hiện hành trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng cháy chữa cháy, an toàn hóa chất, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật khác có liên quan trong giai đoạn lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án nhằm ngăn ngừa, giảm thiểu những rủi ro đối với môi trường.

- Thực hiện chương trình giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt; lưu giữ kết quả quan trắc, giám sát để các cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra; báo cáo kết quả giám sát môi trường định kỳ với Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện:

- Lập, phê duyệt và gửi kế hoạch quản lý môi trường của Dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu về bảo vệ môi trường nêu tại Điều 1 Quyết định này và các nội dung bảo vệ môi trường khác trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.
- Thông báo bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng về kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải phục vụ giai đoạn vận hành Dự án theo quy định.
- Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có những thay đổi về nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ dự án phải có văn bản báo cáo Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng để kiểm tra, giám sát.

Điều 3. Trách nhiệm của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng:

- Gửi Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án sau khi đã được Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng chứng thực vào mặt sau của trang phụ bì tới Chủ đầu tư một (01) bản, Sở Tài nguyên và Môi trường (01) bản, Ủy ban nhân dân huyện An Dương một (01) bản, lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng một (01) bản kèm theo một (01) đĩa CD ghi toàn bộ dữ liệu theo quy định.
- Quản lý hồ sơ thẩm định và các tài liệu liên quan đến Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án theo quy định.
- Chủ trì cùng Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện An Dương và các đơn vị có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện những nội dung bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, các yêu cầu tại Quyết định này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 4. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định tại Khoản 2 Điều 25 Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà) Chánh văn phòng, Trưởng phòng Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng, Giám đốc Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

TRƯỞNG BAN

Nơi nhận:

- UBND thành phố (để b/c);
- LDB;
- Như Điều 5;
- Các Phòng: TNMT (2), QHXD, VP Đại diện;
- Lưu: VT.



Phạm Văn Mọi

11

11

Số: 93 /SDK - STNMT

**SỔ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 31.000489.T

Đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 8 năm 2011

I- Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIHIT LAB.VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô J-14, Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.743071

Fax: 0313.743072

Tài khoản số: 3018690-001 tại Ngân hàng Indovina Bank Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 022043000018, chứng nhận đăng ký lại ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/4/2010 tại Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

II- Nội dung đăng ký: Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo Danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III- Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1- Tuân thủ các quy định khác tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2- Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3- Định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi Chi cục Bảo vệ môi trường Hải Phòng theo mẫu tại Phụ lục 4 (A) Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

4- Chủ nguồn thải CTNH phải đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đến Sở Tài nguyên và Môi trường một trong các trường hợp sau:

- Thay đổi, bổ sung về loại hoặc tăng từ 15% trở lên đối với số lượng CTNH đã đăng ký;

- Thay đổi địa điểm cơ sở phát sinh CTNH trong phạm vi một tỉnh nhưng không thay đổi chủ nguồn thải CTNH hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở;

- Bổ sung thêm cơ sở phát sinh CTNH hoặc giảm các cơ sở đã đăng ký;

- Thay đổi, bổ sung công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý chất thải nguy hại phát sinh nội bộ;



24/4

- Phát hiện việc kê khai không chính xác khi đăng ký chủ nguồn thải CTNH so với thực tế hoạt động.

IV- Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Chủ cơ sở;
- BPTN&TKQ Sở;
- CCBVMTHP (02);
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



[Handwritten signature]

Phùng Văn Thanh

PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 31.000489.T
đăng ký lần đầu ngày 04/08/2011 tại Sở Tài nguyên và Môi trường
cho Công ty TNHH Lihit Lab.Việt Nam)

1- Cơ sở phát sinh CTNH

Tên cơ sở phát sinh CTNH: Công ty TNHH Lihit Lab.Việt Nam.

Địa chỉ cơ sở: Lô J-14, Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, huyện An
Dương, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.743071

Fax: 0313.743072

Giấy chứng nhận đầu tư số: 022043000018, chứng nhận đăng ký lại ngày
19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/4/2010 tại Ban quản lý Khu kinh tế
Hải Phòng.


2- Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau máy móc dính dầu	Rắn	36,0	18 02 01
2	Dầu thải	Lỏng	48,0	07 03 05
3	Hộp mực in thải	Rắn	2,4	08 02 04
4	Bã keo thải	Rắn	24,0	08 03 01
5	Bóng đèn Neon	Rắn	24,0	16 01 06
6	Vỏ bao bì đựng hóa chất	Rắn	12,0	18 01 01
	Tổng số lượng		146,4	

3- Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	18.000
2	Chất thải sản xuất	Rắn	24.000
	Tổng số lượng		42.000

4- Bộ hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại của Công ty TNHH Lihit
Lab.Việt Nam “kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH:
31.000489.T đăng ký lần đầu ngày 04/08/2011 tại Sở Tài nguyên và Môi trường”
được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai
là bộ phận không thể tách rời kèm theo Sổ đăng ký này. 

CÔNG TY TNHH LIHIT LAB, VIỆT NAM

BÁO CÁO

CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2022

Cơ quan chủ trì
CÔNG TY TNHH LIHIT LAB.



TỔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO

Đơn vị tư vấn
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
THUẬN THIÊN



PHÓ GIÁM ĐỐC
Trần Thùy Dung

HẢI PHÒNG, NĂM 2022

**CÔNG TY TNHH LIHIT
LAB. VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 01/BC-LL

Hải Phòng, ngày 31 tháng 12 năm 2022

BÁO CÁO

Công tác bảo vệ môi trường năm 2022

THÔNG TIN CHUNG

- Tên Doanh nghiệp: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam.
- Đại diện: Ông **FUMINOBU GOTO** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**
- Địa chỉ; Lô lô đất J14, J13B và F12A, KCN Nomura Hải Phòng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng. Số điện thoại: 0225. 3743. 071.
- Loại hình sản xuất chính: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm văn phòng phẩm (kẹp tài liệu, bia đựng tài liệu, vở, cặp sách, các sản phẩm làm từ hạt nhựa các loại, phụ kiện văn phòng phẩm và bán thành phẩm, hộp nhựa văn phòng và sản xuất hạt nhựa tái chế). Tần suất hoạt động: thường xuyên.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2007 ; Đăng ký thay đổi lần thứ 10, ngày 26 tháng 04 năm 2022.
- Mã số thuế: 0200607088
- Công suất sản xuất năm gần nhất (năm 2021): 3.105.232 tấn
- Công suất sản xuất năm báo cáo (năm 2022): 3.173.725 tấn
- Nhiên liệu điện, nước, gas tiêu thụ được liệt kê dưới bảng sau:

STT	Nhiên liệu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
1	Nước	m ³	10.161	8.327
2	Điện	KWh	4.320.377	4.276.585
3	Gas	kg	9.311	9.267

Các hồ sơ môi trường được phê duyệt:

+ Quyết định số 618/QĐ-BQL cấp ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Mở rộng và nâng công suất nhà máy sản

xuất văn phòng phẩm của Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam tại Lô J13B, J14, F12A Khu công nghiệp Nomura –Hải Phòng, huyện An Dương, Hải Phòng.

+ Sở Đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại số 93/SĐK –STNMT, mã số quản lý chất thải nguy hại là 31.000489.T đăng ký lần đầu ngày 04/08/2011 do Sở tài nguyên và môi trường cấp.

Các đơn vị tham gia phối hợp

- Cơ quan tư vấn: Công ty Cổ phần tư vấn Thuận Thiên

- Đơn vị quan trắc:

+ Tháng 3: Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường.

+ Tháng 6, tháng 9, tháng 11: Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường.

- Các chứng chỉ, tài liệu liên quan:

+ Hợp đồng nguyên tắc giữa Công ty Cổ phần tư vấn Thuận Thiên và Công ty CP liên minh môi trường và xây dựng, số hợp đồng 22-QT/THUANTHIEN-00131 ngày 03/01/2022.

+ Công ty CP liên minh môi trường và xây dựng:

VIMCERTS 185 (cấp lần 3) của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định 1217/QĐ-BTNMT ngày 01/06/2020 về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Hợp đồng liên danh giữa Công ty Cổ phần Tư vấn Thuận Thiên và Trung tâm tư vấn và truyền thông Môi trường, số hợp đồng: 1212D/2021/HĐNT-CEC-TT ngày 01/12/2021.

+ Trung tâm tư vấn và truyền thông Môi trường: VIMCERTS 208 (cấp lần 4) của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định 1790/QĐ-BTNMT ngày 20/09/2021 về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Về công trình bảo vệ môi trường (BVMT) đối với nước thải

1.1. Xử lý nước thải

a. Nguồn phát sinh: Hiện tại, nguồn gây ô nhiễm môi trường nước của nhà máy chủ yếu từ 3 nguồn:

- + Nước thải sản xuất
- + Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên;
- + Nước mưa chảy tràn.

- Đối với nước thải sản xuất bao gồm: nước từ quá trình làm mát và nước vệ sinh máy dán keo.

Nước từ quá trình làm mát được sử dụng tuần hoàn chỉ bổ sung lượng thất thoát, không thải ra môi trường.

Nước từ quá trình vệ sinh máy dán keo: Lượng nước thải này không đáng kể và keo được sử dụng là keo thân thiện môi trường, không có thành phần độc hại và được thu gom vào thùng chứa bằng nhựa tại các máy dán keo, sau đó để lắng đọng lại. Phần nước trong xử lý tập trung cùng nước thải sinh hoạt trong bể tự hoại và thoát vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN, phần đặc được thu gom cùng rác công nghiệp của nhà máy.

- Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên: bao gồm nước thải tại các nhà vệ sinh và nước thải từ khu bếp. Lượng nước này sẽ được thu gom xử lý sơ bộ trước khi đầu nối với hệ thống thu gom chung của KCN Nomura HP.

b. Các công trình xử lý

- Công trình xử lý nước thải sinh hoạt:

Nước thải từ nhà vệ sinh sau khi xử lý bằng hệ thống bể tự hoại với tổng dung tích 95,5 m³ (3 bể tổng dung tích 82,5 m³ tại lô J13B, J14 và 2 bể tổng dung tích 13m³ – lô F12A); nước thải từ khu bếp ăn qua hệ thống bể tách dầu mỡ dung tích 5 m³ sẽ được dẫn vào hố ga cuối trước khi vào hệ thống thoát nước chung của nhà máy, đưa đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Nomura.

- Công trình xử lý nước mưa chảy tràn:

Nước mưa trên mái được thu vào ống đứng và chảy theo hệ thống cống vào hố ga để lắng cặn trước khi chảy vào hệ thống thoát nước mặt chung của Công ty.

Nước mưa chảy tràn được thu gom vào các hố ga qua hệ thống rãnh thoát nước chung của Công ty. Đất cát và rác thải không được giữ lại một phần lắng lại tại các cống dẫn, phần còn lại tiếp tục lắng tại các hố ga.

- Nước thải sản xuất là: nước làm mát được tuần hoàn tái sử dụng, không thải ra môi trường.

- Tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh trong năm gần nhất (năm 2021) là: 8.128 m³

- Tổng lưu lượng nước thải phát sinh trong năm báo cáo (2022): 6.661 m³/năm.

- Tình hình đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải của KCN Nomura Hải Phòng: Công ty có 1 điểm đầu nối nước thải với hệ thống thoát nước chung của KCN.

1.2. Kết quả quan trắc nước thải định kỳ

- Thời gian quan trắc: ngày 23/03/2022, 01/06/2022, 22/09/2022 và 17/11/2022.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần;

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 1. Thống kê vị trí điểm quan trắc nước thải

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Vị trí lấy mẫu (toạ độ)	
1	Nước thải tại hố ga cuối với HTXLNT của KCN Nomura tại lô J13B và J14	NT1	23/03/2022 01/6/2022 22/9/2022	2313215	587639
2	Nước thải tại hố ga cuối với HTXLNT của KCN Nomura tại lô J12A	NT2	17/11/2022	2311751	586981

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 02 mẫu

- Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng: Tiêu chuẩn nước thải đầu vào trạm xử lý nước thải tập trung KCN Nomura HP.

- Đơn vị quan trắc:

+ Tháng 6: Công ty CP Liên Minh Môi Trường và Xây Dựng. Số VIMCERTS 185.

+ Thán 3, tháng 9, tháng 11: Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường. Số VIMCERTS 208.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không

2. Về công trình bảo vệ môi trường đối với khí thải, tiếng ồn

2.1. Xử lý khí thải, tiếng ồn

a. Nguồn phát sinh

- Bụi, khí thải (chủ yếu là các khí CO, SO₂, NO₂) phát sinh từ phương tiện giao thông ra vào Công ty.

- Bụi, khí thải, hơi dung môi hữu cơ phát sinh từ công đoạn đúc ép nhựa, công đoạn băm nhựa, công đoạn hàn, đóng dấu tại phân xưởng hoàn chỉnh sản phẩm, khu vực sản xuất túi

- Tiếng ồn phát sinh từ phương tiện vận tải ra vào khu vực công ty, từ các thiết bị máy móc trong nhà xưởng, từ hoạt động của cán bộ công nhân viên nhà xưởng.

- Tiếng ồn có ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe người lao động, gây trạng thái mệt mỏi, căng thẳng thần kinh, gây mất tập trung, giảm năng suất lao động.

b. Các công trình, biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn

- Các phương tiện vận tải: Yêu cầu lái xe vận chuyển phải nghiêm chỉnh chấp hành cơ chế quản lý trong khu vực, quản lý tốc độ, đi lại, đỗ xe phải theo sự chỉ dẫn của bảo vệ. Khi nào cần xuất, nhập hàng mới được đưa xe vào khu vực, không được để các phương tiện đỗ sai quy định, gây ách tắc trong tuyến đường vận chuyển xung quanh và trong khu vực hoạt động của Công ty.

- Không sử dụng các phương tiện vận tải quá cũ, hết hạn đăng kiểm.

- Các phương tiện cá nhân: Yêu cầu đỗ xe đúng nơi quy định

Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, hơi hữu cơ từ hoạt động sản xuất của Công ty

- Công đoạn đúc nhựa: trang bị 1 quạt hút (15.000m³/h và 12 chụp hút khí thải). hơi hữu cơ từ quá trình đúc ép nhựa tại các máy tái chế nhựa, máy thổi túi, máy chế bản được quạt hút vào các chụp hút được bố trí trên máy, đi vào đường ống dẫn khí thải có gắn lớp than hoạt tính, khí sạch sau xử lý ra ngoài môi trường qua ống phóng không ngoài ra Công ty còn trang bị hệ thống điều hòa và quạt thông gió.

- Công đoạn trộn nhựa: Công ty trang bị thiết bị lọc bụi túi vải, được lắp đặt nối tiếp với phễu hút bụi của máy trộn nhựa để xử lý bụi.

- Công đoạn hàn, đóng dấu tại phân xưởng hoàn chỉnh sản phẩm: Công ty đã lắp đặt điều hòa tại tại nhà xưởng, trang bị hệ thống quạt công nghiệp trên trần nhà xưởng và quạt thông gió để giảm hơi hữu cơ.

- Khu vực sản xuất túi kéo khóa và máy chế tạo túi: trang bị 2 điều hòa cây và hệ thống quạt công nghiệp trên trần nhà xưởng.

- Khu vực kho nguyên liệu, thành phẩm: Công ty sử dụng điều hòa, quạt công nghiệp tại các vị trí nhà xưởng nơi diễn ra hoạt động xuất nhập nguyên liệu, hàng hóa.

- Kiểm tra thường xuyên độ cân bằng của máy móc, thiết bị (khi lắp đặt và định kỳ trong quá trình hoạt động); kiểm tra độ mòn chi tiết và định kỳ bảo dưỡng.

Giảm thiểu tác động tiếng ồn

- Bố trí hợp lý các khu vực nhà xưởng và khu vực văn phòng làm việc.

- Công nhân làm việc ở các vị trí có mức ồn và độ rung lớn đều được cấp phát đầy đủ trang bị bảo hộ lao động chuyên dùng: quần áo bảo hộ, nút tai chống ồn...

- Xây dựng nhà xưởng cao ráo, thoáng đãng để phát tán âm thanh tốt.

2.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn định kỳ

Quan trắc khí thải:

- Thời gian quan trắc: ngày 23/03/2022, 01/06/2022, 22/09/2022 và 17/11/2022.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 2. Thống kê vị trí điểm quan trắc khí thải

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Tọa độ		Mô tả điểm quan trắc
				X(m)	Y(m)	
1	Ống thoát khí thải khu vực đúc ép nhựa	KT1	23/03/2022	2313275	587571	Lỗ thăm trên thân ống
		KT	01/06/2022			
		KT1	22/09/2022			
			17/11/2022			
2	Ống thoát khí thải sau hệ thống Xử lý bụi máy nghiền nhựa bằng filter	-	-	-	-	Không hoạt động

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Tọa độ		Mô tả điểm quan trắc
				X(m)	Y(m)	
3	Ống thoát khí thải khu vực dán nhãn, team mã vạch	-	-	-	-	Không hoạt động

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 01 mẫu
- Quy chuẩn áp dụng:
 - + QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- Đơn vị quan trắc:
 - + Tháng 6: Công ty CP Liên Minh Môi Trường và Xây Dựng. SỐ VIMCERTS 185.
 - + Tháng 3, tháng 9, tháng 11: Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường. SỐ VIMCERTS 208.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn: Không

Quan trắc không khí trong nhà xưởng:

- Thời gian quan trắc: ngày 01/06/2022 và 17/11/2022;
- Tần suất quan trắc: 6 tháng/lần
- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc:

Bảng 3. Thống kê vị trí điểm quan trắc không khí sản xuất

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	
				X(m)	Y(m)
1	Khu vực máy trộn nhựa xưởng 1	KK1	01/06/2022	-	-
		K1	17/11/2022	2311724	586979
2	Khu vực đúc ép nhựa – xưởng 1	KK2	01/06/2022	-	-
		K2	17/11/2022	2311714	586975

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Mô tả điểm quan trắc	
				X(m)	Y(m)
3	Khu vực sản xuất khóa (xưởng 1)	KK3	01/06/2022	-	-
		K3	17/11/2022	2311699	586974
4	Khu vực máy nghiền nhựa (xưởng 1)	KK4	01/06/2022	-	-
		K4	17/11/2022	2311681	586968
5	Khu vực sản xuất túi kéo khóa – tầng 1 xưởng 2	KK5	01/06/2022	-	-
		K5	17/11/2022	2311702	586996
6	Khu vực máy hàn túi – tầng 1 xưởng 2	KK6	01/06/2022	-	-
		K6	17/11/2022	2311686	686992
7	Khu vực hàn, đóng dấu – xưởng hoàn chỉnh sản phẩm - tầng 2 – xưởng 2	KK7	01/06/2022	-	-
		K7	17/11/2022	2311679	586983
8	Khu vực dán nhãn sản phẩm, nhân mã vạch – xưởng hoàn chỉnh sản phẩm - tầng 2 – xưởng 2	KK8	01/06/2022	-	-
		K8	17/11/2022	2311666	586975

- Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc: 08 mẫu

- Quy chuẩn áp dụng:

+ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc;

+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;

+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;

+ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

+ Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 5 nguyên tắc, 7 thông số vệ sinh lao động.

- Đơn vị quan trắc: Công ty CP liên minh môi trường và xây dựng: VIMCERTS 185 (cấp lần 3) của Bộ Tài Nguyên và Môi trường ban hành kèm theo Quyết định 1217/QĐ-BTNMT ngày 01/06/2020 về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

- Vị trí quan trắc, số lượng mẫu quan trắc vượt quy chuẩn được thống kê trong bảng sau:

Bảng 6. Thống kê vị trí điểm mẫu quan trắc vượt quy chuẩn

STT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thời gian quan trắc	Kinh độ	Vĩ độ	Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	Kết quả quan trắc	Giá trị QCVN
1	Khu vực máy trộn nhựa xưởng 1	KK1	01/06/2022	-	-	Tiếng ồn	87,9	85
2	Khu vực sản xuất khóa (xưởng 1)	KK3	01/06/2022	-	-	Tiếng ồn	85,6	85
3	Khu vực máy nghiền nhựa (xưởng 1)	KK4	01/06/2022	-	-	Tiếng ồn	85,4	85

Do đặc thù sản xuất các khu vực trên có cường độ tiếng ồn vượt so với QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn lần lượt là 1,034; 1,007 và 1,008 lần. Do đó tại các khu vực này công nhân được trang bị nút tai chống ồn và có thời gian nghỉ thường xuyên trong ca làm việc để đảm bảo sức khỏe cũng như an toàn lao động cho công nhân.

3. Về quản lý chất thải rắn

3.1. Chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH):

Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được phân loại ngay tại nguồn và chứa tại các thùng rác chuyên dụng có nắp đậy, được bố trí ở khu vực quy định trong khuôn viên nhà máy. Rác thải sinh hoạt của Công ty được thu gom vận chuyển bởi Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng thông qua KCN Nomura Hải Phòng. Khối lượng CTRSH trong năm được thống kê trong bảng sau:

Bảng 5. Thống kê chất thải rắn sinh hoạt

TT	Nhóm CTRSH	Số lượng năm 2022(tấn)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRSH	Số lượng năm 2021(tấn)
1	Chất thải sinh hoạt: thực phẩm hỏng, bao gói thức ăn, vỏ nước ngọt...	6,932	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Hải Phòng	6,877
Tổng		6,932		6,877

3.2.- Chất thải rắn công nghiệp thông thường (CTRCNTT), bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất:

Hiện tại, chất thải rắn phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty chủ yếu là các loại: giấy, bìa carton, sắt thép phế liệu.....

Chất thải sản xuất được nhân viên phân loại tại nguồn sau đó thu gom về khu vực quy định tại kho chứa chất thải. Kho chứa chất thải được thiết kế 3 ngăn, tổng diện tích là 50m².

Chất thải rắn sản xuất được Công ty ký hợp đồng số 2020/LHL-ĐT/RCN ngày 18 tháng 10 năm 2019 với Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thăng.

Chất thải rắn còn giá trị thương mại được Công ty bán cho Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thịnh Vượng theo hợp đồng số 2020/TV-LIHITLAB ngày 20/12/2019.

Khối lượng CTRCNTT phát sinh trong năm được thống kê cụ thể bảng sau:

Bảng 6. Thống kê chất thải rắn thông thường

TT	Nhóm CTRCNTT	Số lượng năm 2022 (kg)	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTRCNTT	Số lượng năm 2021(kg)
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	3.087	Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thắng	3.130
2	Phế liệu (Bìa carton, nhựa, sắt, gỗ, giấy)	215.540	Công ty bán cho Công ty TNHH Thương mại và sản xuất Thịnh Vượng	152.063
Tổng		218.627		155.193

4. Chất thải nguy hại (CTNH) (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất):

Công ty ký hợp đồng với Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng thu gom và xử lý CTNH theo Hợp đồng số 267/2021/HĐXLCT ngày 31/5/2021 và theo đúng quy định.

Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng sẽ đến thu gom, vận chuyển và xử lý lượng CTNH phát sinh. Lượng CTNH phát sinh trong năm của Công ty được thể hiện tại bảng sau:

Bảng 7. Danh sách chất thải nguy hại

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Số lượng năm 2022 (kg)	Phương pháp xử lý	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH	Số lượng năm 2021 (kg)
1	Giẻ lau máy móc dính dầu	18 02 01	115	TĐ	Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng mã số QLCTNH 1-2-3.073.VX	34
2	Dầu thải	07 03 05	210	TĐ		38
3	Hộp mực in thải	08 02 04	9	TĐ		2
4	Bã keo thải	08 03 01	19	TĐ		20
5	Bóng đèn Neon	16 01 06	96	HR		12
6	Vỏ bao bì đựng hóa chất	18 01 01	39	TC		19
Tổng lượng chất thải nguy hại			488			125

- Ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn) ; CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); TR (Tẩy rửa); SC (Sơ chế).

- Do trong năm 2022, nhà máy tiến hành bảo dưỡng toàn bộ máy móc thiết bị và thay thế bóng đèn cho nhà xưởng nên số lượng dầu thải và bóng đèn neon nhiều hơn năm trước.

- Kế hoạch quản lý CTNH trong kỳ báo cáo tới:

Công ty vẫn tiếp tục quản lý chặt chẽ lượng chất thải phát sinh, đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Kế hoạch quản lý vẫn tiếp tục được duy trì như những năm vừa qua cụ thể như sau:

- Phân loại CTNH

Phân loại CTNH ngay tại nguồn theo danh sách đăng ký CTNH phát sinh của Công ty. Không để lẫn CTNH với chất thải không nguy hại (kể cả chất thải rắn, lỏng) và cách ly với các chất thải khác để tránh nguy cơ cháy nổ hoặc tương tác với các chất khác làm gia tăng tính độc hại.

- Chất thải nguy hại của Công ty được tập kết tại kho CTNH có vị trí ở cuối khu đất J14, có diện tích 30m²;

Khu vực lưu giữ chất thải CTNH được kiểm tra, tu sửa thường xuyên không dột nát, ẩm thấp gây phát tán CTNH ra môi trường.

- Bố trí kho CTNH

Kho chứa CTNH được bố trí gọn gàng, ngăn nắp không để các CTNH lẫn vào nhau, không gây tương tác gây sự cố môi trường.

Chất thải nguy hại được bố trí trong các thùng phi có nắp đậy không để rò rỉ, rơi vãi ra môi trường.

Các thùng chứa CTNH được đặt lên các bệ đỡ để cách ly với mặt đất, có nắp đậy, không để phát tán CTNH ra môi trường xung quanh.

- Dán nhãn CTNH: nhãn CTNH được thiết kế theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707-2009 về Chất thải nguy hại – Dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa.

Thông tin trên nhãn CTNH bao gồm: biển cảnh báo, tên mã quản lý CTNH, ngày bắt đầu lưu trữ.

- Cán bộ quản lý CTNH: phân công cán bộ kiêm nhiệm được tập huấn về quản lý chất thải nguy hại để đảm nhiệm việc phân loại, quản lý chất thải nguy hại, phòng ngừa và ứng phó sự cố tại cơ sở.

5. Về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

5.1. Việc xây dựng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

a) Biện pháp phòng chống sự cố cháy nổ

* Hệ thống nối đất chống sét:

Hệ thống chống sét tuân theo tiêu chuẩn TCVN 9385:2012. Hệ thống bao gồm các kim thu sét bằng đồng mạ D16, dây dẫn sét cho mỗi kim thu sét sử dụng thép trong cột D10 hàn liên tục, cáp liên kết kim thu sét trên mái sử dụng cáp đồng trần 70mm²; hệ thống còn bao gồm hệ thống nối đất sử dụng cốt thép móng và các hộp kiểm tra điện trở nối đất.

Thiết kế chống sét lan truyền cho tất cả đường dây tín hiệu lõi đồng vào công trình bằng thiết bị cắt sét. Hệ thống tiếp địa động lực và điện nhẹ, viễn thông với các bãi tiếp địa bao gồm các cọc đồng D16, chiều dài 3m đảm bảo điện trở hệ thống không lớn hơn 40hm.

Hệ thống chống sét đã được cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hải Phòng chấp thuận.

* Sự cố nổ liên quan đến các máy nén khí:

+ Mua máy nén khí có đầy đủ chứng nhận kiểm định an toàn của cơ quan kiểm định mới được phép đưa vào sử dụng;

+ Sử dụng van an toàn cho các thiết bị khí nén, van làm việc chủ yếu bằng tác dụng lực của lò xo nén bên trong van. Khi áp lực lên cao hơn so với áp lực giới hạn bảo vệ lò xo sẽ bị đẩy lên mở thông giữa hệ thống khí nén và môi trường giải phóng khí nén ra bên ngoài ngăn chặn sự cố xảy ra;

+ Bố trí khu vực chứa thiết bị khí nén có hàng rào bảo vệ hoặc xây nhà chứa thiết bị khí nén;

+ Định kỳ kiểm định an toàn đối với các bình chứa khí nén theo thông tư 53/2016TT/BLĐTBXH. Các vị trí, bộ phận cần kiểm định đó là: Vị trí lắp đặt, sàn – cầu thang thao tác, chiếu sáng vận hành, tiếp địa chống sét – tiếp địa an toàn, tình trạng bề mặt kim loại các bộ phận chịu áp lực, tình trạng mối hàn – các mối nối, van an toàn, áp kế, đo mức, ... Trong quá trình kiểm định cần thử bền, thử kín, thử vận hành xem có phát hiện ra rò rỉ, biến dạng, độ ổn định của áp suất. Sau quá trình kiểm định Bình được kiểm định sẽ được dán tem kiểm định để tiếp tục sử dụng

* Cháy, nổ do sử dụng các thiết bị điện:

Những rủi ro từ tai nạn và sự cố do việc sử dụng thiết bị điện cao áp sẽ được giảm bằng cách thực hiện những biện pháp sau đây:

+ Đảm bảo rằng chỉ những công nhân thành thạo, đủ khả năng được cho phép mới được vận hành thiết bị có thể gây nguy hiểm;

+ Cô lập, che chắn những thiết bị điện cao áp tại những khu vực được chỉ định đặc biệt;

+ Dán nhãn để nhận biết các nguồn năng lượng. Dán nhãn nguồn điện đầu vào để xác định dòng điện cung cấp. Dán cảnh báo “điện cao áp” và/hoặc “cháy/nổ” ở những nơi làm việc có liên quan đến điện áp cao;

+ Dán hướng dẫn cắt nguồn khẩn cấp và số điện thoại ứng phó khẩn cấp lên thiết bị được kiểm soát từ xa hoặc không được giám sát trong khi hoạt động.

+ Các thiết bị máy móc phát sinh nguồn điện dư cao đều được nối đất an toàn, điện trở tiếp đất < 5Ω.

* Các biện pháp PCCC khác:

Công ty đã lắp đặt Hệ thống báo cháy tự động theo thiết kế, cụ thể như sau:

- Tại kho nguyên vật liệu: Lắp đặt các đầu báo cháy nhiệt, khói phía dưới xà gỗ thép.

- Tại nhà xưởng sản xuất: Lắp đặt các đầu báo cháy nhiệt, khói phía dưới xà gỗ thép.

- Tại kho thành phẩm: Lắp đặt các đầu báo cháy nhiệt phía dưới xà gỗ.

- Tại các khu vực trong nhà máy, gần cửa ra vào, trên hành lang đã lắp đặt các tổ hợp gồm chuông, đèn, nút ấn báo cháy.

- Hệ thống cấp nước:

Hệ thống cấp nước chữa cháy bao gồm:

Tại lô J13B, J14: 01 bể chứa nước chữa cháy 400m³ ngầm dưới nhà xe. Hai bể nước dùng riêng cho hệ thống chữa cháy vách tường 65 m³/bể

Tại lô F12A: 1 bể ngầm PCCC dung tích 330m³ được xây ngầm dưới khu văn phòng của lô F12A và 1 hồ nước PCCC kích thước 22,5 m x 5 m x 1,55 m.

Một trạm bơm cứu hỏa chữa cháy tự động: gồm 2 bơm chính, 1 bơm diesel, 1 bơm bù.

Hai trạm bơm chữa cháy cho hệ thống nước vách tường bao gồm: 1 bơm chính, 1 bơm bù, 1 bơm Diesel.

Nguồn cấp nước cho các hệ thống phục vụ chữa cháy sẽ được lấy từ hệ thống ống nước chính của khu công nghiệp cấp vào bể chứa nước ngầm qua đồng hồ DN100mm.

Hệ thống cấp nước chữa cháy sẽ cung cấp nước cho toàn bộ hệ thống chữa cháy vách tường, hệ thống sprinkler.

- Hệ thống CC vách tường (FH)

Hệ thống FH được cung cấp nước CC từ tổ bơm CC. Các bơm chữa cháy sẽ duy trì áp lực hệ thống sao cho áp lực tại từng đầu ra vòi nước sẽ được duy trì trong khoảng 4.5bar đến 10.5bar với lưu lượng tổng cộng đạt 5,0l/s. Khi cần, vòi nước chữa cháy với van cân bằng hoặc tự giảm áp sẽ được cung cấp để hạn chế áp lực ở mức quy định tại bất cứ đầu ra vòi nước chữa cháy nào. Bơm bù áp được cung cấp để duy trì áp lực tĩnh của hệ thống.

Các vòi nước chữa cháy FH sẽ được đặt nổi bật gần thang thoát hiểm. Số lượng FH đủ để cho tất cả mọi điểm có thể CC bằng ít nhất hai (2) cuộn vòi. Trục CC chính sẽ đi theo các hộp gen kỹ thuật CC riêng và có thể tiếp nước từ đầu tiếp nước FDC đặt trong một vị trí dễ nhìn ở cổng toà nhà mà đội chữa cháy có thể tiếp cận.

-Hệ thống vòi phun tự động (sprinkler)

Hệ thống CC tự động sử dụng nguồn nước cấp từ bể với khối lượng 400 m³ (lô J13B,J14); bể 330 m³ và hồ chứa nước PCCC (lô F12A)

-Hệ thống báo cháy tự động/bằng tay

Các bộ phát hiện khói/nhiệt được lắp đặt căn cứ theo các yêu cầu. Các phòng điều khiển phục vụ chữa cháy được đặt tại phòng trực bảo vệ của công ty.

Hệ thống báo cháy loại địa chỉ xác định trực chính và điều khiển thiết bị chữa cháy; kết hợp đầu báo thông thường cho khu vực cùng phòng và khoang cháy trong một tầng.

Tủ báo cháy trung tâm FACP chính được điều khiển bằng vi tính và có thể truy cập đầy đủ, được cung cấp theo các quy định và thủ tục hiện hành có liên quan, bao gồm các đầu báo khói, các đầu báo nhiệt, đầu báo nhiệt nhiệt độ cố định chống nổ tại phòng chứa nhiên liệu, các bộ báo cháy bằng tay, chuông báo động, các van giám sát, bộ công tắc dòng chảy, các thiết bị phát tín hiệu báo cháy thấy được..v..v... và hệ thống cấp tín hiệu nổi tới FACP.

Các bộ phát hiện khói được lắp đặt trong những khu vực không được lắp đặt CC tự động và các phòng máy, thiết bị ngoại trừ phòng máy cơ khí. Các bộ phát hiện nhiệt được cung cấp trong các phòng máy móc cơ khí.

Công dữ liệu được cung cấp trong phòng điều khiển chữa cháy để kết nối máy tính và máy in. Các máy tính kết nối có thể hiển thị vị trí kích hoạt báo động và một cửa sổ bật lên để báo động cho người vận hành.

Bảng FACP chính có giao diện với hệ thống thông báo PA sao cho các thông điệp khẩn cấp sẽ được truyền qua hệ thống PA với mức độ ưu tiên cao nhất trong trường hợp báo động cháy.

Các bảng FACP có giao diện với hệ thống điều khiển an ninh để mở khoá cửa chạy điện trong trường hợp cháy.

Tất cả các điểm phát hiện vào báo động trực chính được báo hiệu và điều khiển qua một mạch vòng khép kín, kết nối trở lại tới bảng điều khiển để truyền thông báo nghe nhìn về tình trạng báo động chính xác. Số liệu và tín hiệu điều khiển sẽ được truyền đồng thời qua các mạch vòng khép kín.

Tất cả các điểm phát hiện và báo động trực chính có thể được hệ thống xác định địa chỉ riêng một cách tự động. Địa chỉ của các điểm phát hiện và báo động có thể được sắp xếp theo bất cứ cách kết hợp vùng nào được yêu cầu. Tất cả các mạch vòng khép kín sẽ được hệ thống giám sát. Hệ thống sẽ phát hiện bất cứ trường hợp ngắn mạch và đứt mạch nào và phát tín hiệu báo động trên các FACP. Chức năng của các điểm phát hiện và báo động sẽ vẫn hoạt động đầy đủ ngay cả khi ngắn mạch hay hở mạch trong phạm vi mạch vòng khép kín.

Nhà máy đã lắp đặt 03 tủ báo cháy trung tâm tại các trạm bảo vệ của công ty.

-Dụng cụ dập lửa xách tay

Thiết bị chống cháy xách tay sử dụng hai loại bình là loại khí và bột.

-Cửa chớp chắn lửa (FD)

Cửa chớp chắn lửa thích hợp sẽ được cung cấp nhằm mục đích ngăn lửa và được gắn trên các ống gió xuyên tường ngăn cháy, sàn.

-Hệ thống hướng dẫn (PA)

Hệ thống hướng dẫn được cung cấp theo các quy định và yêu cầu tại địa phương.

Khi giai đoạn nâng công suất đi vào hoạt động, ngoài các hạng mục chữa cháy cố định đã được trang bị từ trước, nhà máy sẽ bổ sung bình chữa cháy tại chỗ và kết hợp

với Cảnh sát PCCC thường xuyên kiểm tra định kỳ thiết bị hệ thống PCCC, đảm bảo an toàn cháy nổ.

Xây dựng lực lượng PCCC trong Nhà máy:

Thành lập đội PCCC cơ sở bao gồm 38 người là nhân viên trong Công ty, trong đó:

Giám đốc là chỉ huy trưởng, trưởng bộ phận và nhân viên các phòng ban, công nhân lao động, lực lượng bảo vệ là những lực lượng chính.

Bố trí hợp lý lực lượng PCCC khi có cháy, các lực lượng được phân công nhiệm vụ cụ thể như sau:

+ Người đang làm nhiệm vụ (trong ca trực) bảo đảm vị trí, giữ gìn trật tự lưu thông trong khu vực và báo cáo tình hình khi có lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp đến chi viện.

+ Lực lượng bảo vệ còn lại triển khai đội hình chữa cháy theo chỉ đạo của người chỉ huy.

+ Nhân viên giao nhận nhanh chóng cách ly (như đóng van, sơ tán) xăng hay những chất cháy khác gần đám cháy có nguy cơ bị cháy lan.

+ Phối hợp chặt chẽ khi chữa cháy với lực lượng chuyên nghiệp.

+ Phối hợp với Sở cảnh sát PCCC Hải Phòng lập phương án PCCC cho nhà máy, tổ chức huấn luyện PCCC cho tất cả cán bộ, công nhân viên.

+ Quản lý nguyên vật liệu dễ cháy (dầu, gas) trong các nhà kho đảm bảo tiêu chuẩn, hệ thống điện an toàn, có dấu hiệu cảnh báo chất dễ cháy.

+ Đã xây dựng nội quy nhà xưởng, đề ra các nguyên tắc an toàn về PCCC, phổ biến đến toàn bộ cán bộ, công nhân viên của Công ty.

+ Định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các phương tiện, hệ thống PCCC đảm bảo khả năng hoạt động tốt khi có hỏa hoạn xảy ra.

Các phương án ứng phó khi xảy ra sự cố cháy nổ:

- Người phát hiện sự cố nhận diện sự cố và ngay lập tức thông báo cho Công an PCCC thành phố Hải Phòng theo số máy 114; ban Giám đốc và đội ứng cứu sự cố của Công ty các thông tin sau:

+ Nơi xảy ra sự cố.

+ Nguyên nhân sơ bộ xảy ra sự cố.

+ Mức độ nghiêm trọng của sự cố.

+ Số người bị thương.

- Ban giám đốc sẽ chỉ đạo thông báo cho các bộ phận và đội PCCC, ứng cứu sự cố trong Công ty để thực hiện các hoạt động sau:

+ Hô hoán, báo động cho mọi người biết di chuyển ra bên ngoài xưởng theo chỉ dẫn của đèn báo hiệu thoát hiểm.

+ Cắt điện và cô lập khu vực cháy.

+ Mở tất cả các cửa thoát nạn, thông gió quanh tầng đang bị cháy, nhưng không được mở các cửa ngăn buồng thang bộ với vùng cháy để ngăn khói xâm nhập vào gây nguy hiểm khó khăn cho người đang thoát nạn, đang sơ tán.

+ Đóng chặt các cửa quanh khu vực bị cháy để cách ly đám cháy nếu xác định không còn người nào bên trong.

+ Tổ chức cứu người, di chuyển tài sản (nếu có).

+ Triển khai đội PCCC của Nhà máy đến thực hiện công tác chữa cháy, khắc phục sự cố.

+ Cử người trông coi tài sản để phòng kẻ gian lợi dụng sơ hở trộm cắp.

+ Gọi điện báo Trung tâm cấp cứu người bị nạn theo số 115 nếu có người bị nạn.

+ Trong trường hợp lực lượng PCCC tại nhà máy không xử lý được sự cố cháy nổ thì phải liên hệ và yêu cầu hỗ trợ từ lực lượng PCCC của các doanh nghiệp bên cạnh Nhà máy, KCN Nomura, các cơ quan PCCC của nhà nước đóng trên địa bàn thành phố Hải Phòng (theo số máy 114).

+ Sau mỗi lần xảy ra sự cố cần đúc kết kinh nghiệm, tìm hiểu rõ nguyên nhân xảy ra sự cố và đề ra biện pháp khắc phục, hướng dẫn phổ biến và tập huấn cho lực lượng PCCC tại nhà máy nhằm có biện pháp PCCC hiệu quả khi xảy ra các tình huống cháy tương tự.

b) An toàn lao động:

Để đảm bảo an toàn lao động cho công nhân trong khu vực sản xuất, Công ty đã áp dụng các biện pháp phòng ngừa sau:

+ Công nhân phải được học về quy định, quy chế bảo hiểm an toàn và có chứng chỉ đã đạt yêu cầu của khóa đào tạo (có giá trị 1 năm). Hàng năm phải học lại để cập nhật nâng cao kiến thức về an toàn.

+ Quy định và yêu cầu người công nhân vận hành tuân thủ chặt chẽ về an toàn sử dụng thiết bị, máy móc, đặc biệt là thiết bị làm việc ở nhiệt độ và áp suất cao (máy nén khí, hệ thống điều hòa không khí).

+ Lắp đặt biển báo, hướng dẫn tại các khu vực nguy hiểm (Khu vực tủ điện, cầu thang bộ, máy đột dập, máy tái chế, máy chế bản,...).

+ Thường xuyên vệ sinh, lau chùi nhà xưởng, thiết bị. Thực hiện chế độ bảo dưỡng máy móc thiết bị, tuân thủ quy định về quy trình kiểm định hệ thống máy móc thiết bị, hệ thống máy nén khí, xe nâng, tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

+ Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân như găng tay, quần áo, mũ, kính ...

+ Định kỳ tiến hành công tác kiểm tra sức khoẻ cho cán bộ công nhân viên cho toàn Nhà máy (6 tháng/lần).

+ Xe nâng phải được trang bị cơ cấu bảo vệ nhằm tránh các khởi động không mong muốn từ những người không có thẩm quyền.

+ Tất cả các xe nâng loại đứng điều khiển và xe nâng loại có người điều khiển đi bộ cùng với xe phải có phanh tác động tự động. Phanh này có thể sử dụng tốt như phanh tay.

+ Khi sử dụng thiết bị nâng trong bất kỳ trường hợp nào cũng phải có người báo tín hiệu, số lượng công nhân báo tín hiệu phụ thuộc vào điều kiện làm việc cụ thể. Trong trường hợp công nhân điều khiển thiết bị nâng nhìn thấy tải trong suốt quá trình móc, nâng, chuyển và hạ tải thì chức năng báo tín hiệu có thể do công nhân móc tải thực hiện.

+ Khi có sự cố mất nguồn dẫn động, phanh tác động tự động vẫn phải hoạt động được bình thường.

+ Đối với xe nâng loại đứng lái hoặc ngồi lái, chuyển động quay theo chiều kim đồng hồ của vô lăng hay của bất kỳ cơ cấu kiểm soát lái nào phải đưa được xe về bên phải khi lái xe về phía trước.

+ Trong trường hợp mất nguồn cung cấp cho cơ cấu lái (bao gồm cả động cơ không hoạt động) thì phải có khả năng duy trì hướng lái cho đến khi xe nâng dừng lại có kiểm soát.

+ Bình chứa nhiên liệu và việc nạp liệu cho bình chứa phải được cách ly khỏi hệ thống điện và hệ thống khí thải bằng các biện pháp bảo vệ thích hợp. Ngay cả khi nạp liệu vào bình chứa bị đổ tràn hay rò rỉ thì cũng không bị chảy tràn vào khoang động cơ hay lên các linh kiện điện hay hệ thống khí thải.

Các sự cố kỹ thuật do quá trình thao tác, vận hành thiết bị, máy móc. Các sự cố trên có thể gây hư hại thiết bị; ảnh hưởng tới sức khỏe và tính mạng người lao động và ô nhiễm môi trường. Lãnh đạo của Công ty sẽ tham gia các khóa đào tạo, tập huấn và đảm bảo được cấp chứng chỉ an toàn lao động. Ngoài ra, Công ty sẽ áp dụng các biện pháp:

- Ngoài người phụ trách ra không ai được khởi động điều khiển máy;

- Trước khi khởi động máy phải kiểm tra thiết bị an toàn và vị trí đứng;
- Cần tắt công tác nguồn khi bị mất điện;
- Khi vận hành máy phải mặc trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân phù hợp
- Kiểm tra máy thường xuyên và kiểm tra trước khi vận hành;
- Trên máy hồng cần treo biển ghi "Máy hồng".

c) Phòng ngừa các sự cố do thiên tai:

- Công ty tiến hành lập kế hoạch chi tiết phòng chống bão, lốc và các sự cố thiên tai trong giai đoạn hoạt động của Nhà máy.

- Trang bị kiến thức về ứng cứu sự cố bão lụt, sét và các sự cố thiên tai khác cho các cán bộ, công nhân của Nhà máy. Không tổ chức tiếp nhận nguyên liệu trong thời gian có bão.

- Tổ chức diễn tập ứng cứu các sự cố thiên tai cho công nhân.

- Thường xuyên theo dõi dự báo về bão, giông, và các hiện tượng thời tiết bất thường để kịp thời có kế hoạch ứng phó và phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban, bộ phận cụ thể.

- Trước mùa mưa bão, thực hiện hoạt động nạo vét bùn, chất thải rắn trên toàn bộ công thoát nước của Nhà máy.

- Trong trường hợp mưa bão to, có kèm sét, chủ động ngừng sản xuất và ngắt toàn bộ hệ thống điện trong Nhà máy để tránh xảy ra chập cháy điện.

- Lập kế hoạch thu dọn vệ sinh Nhà máy sau bão

- Lập kế hoạch khắc phục hậu quả sau bão:

+ Tổng hợp các thiệt hại và nhanh chóng khắc phục hư hỏng để nhanh chóng đưa dây chuyền sản xuất trở lại hoạt động.

+ Trong trường hợp ngập úng kéo dài, Công ty sẽ phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng của thành phố Hải Phòng phun diệt trùng phòng chống dịch bệnh phát sinh cho toàn khu vực Nhà máy.

d) Phòng ngừa các sự cố hỏng hóc các thiết bị xử lý môi trường:

Để đảm bảo các hệ thống xử lý chất thải của nhà máy luôn hoạt động có hiệu quả các giải pháp đưa ra là:

- Tuân thủ quy trình vận hành của từng công đoạn và các yêu cầu kỹ thuật của các thiết bị sản xuất.

- Cử cán bộ có chuyên môn phụ trách quản lý, theo dõi các thiết bị xử lý chất thải.

- Có sổ tay hướng dẫn vận hành, khuyến cáo tất cả các sự cố có khả năng xảy ra như bơm hỏng; vỡ/rò rỉ đường ống, kèm theo đó là hướng khắc phục sự cố và bố trí bơm nước thải dự phòng.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, vệ sinh hệ thống đường ống dẫn nước thải, nước mưa.

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống túi lọc bụi, đường ống dẫn bụi từ máy làm sạch về hệ thống lọc bụi

e) Sự cố hóa chất

Hóa chất keo dán sử dụng tại Công ty được lưu trữ tại kho chứa hoá chất rộng 10m², nằm bên cạnh kho CTNH. Kho chứa hoá chất đảm bảo yêu cầu thiết kế theo quy định trong Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 5507-2002: Hoá chất nguy hiểm- Quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển; Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 2622:1995- Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình – Yêu cầu thiết kế.

Kho hóa chất được xây dựng theo đúng Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam và các Tiêu chuẩn Việt Nam có liên quan. Ngoài những quy định chung về kết cấu công trình, thiết kế các kho hóa chất phải thực hiện các tiêu chuẩn phòng, chống cháy nổ, cụ thể như: tính chịu lửa; ngăn cách cháy; thoát hiểm; hệ thống báo cháy; hệ thống chữa cháy; phòng trực chống cháy.

- Trong kho có rãnh thu gom, đảm bảo khả năng chống rò rỉ, tràn đổ hóa chất ra ngoài môi trường theo quy định tại điều 4 của nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ.

- Trong kho bố trí có khoảng trống giữa tường với các kiện hóa chất lưu trữ gần tường nhất và phải có lối đi lại bên trong thoáng gió, không cản trở thiết bị ứng cứu khi thực hiện việc kiểm tra và chữa cháy.

- Trong kho có rãnh thu gom, đảm bảo khả năng chống rò rỉ, tràn đổ hóa chất ra ngoài môi trường theo quy định tại điều 4 của nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ.

- Luôn có cán bộ thường xuyên giám sát, kiểm tra hàng ngày để phát hiện sự cố kịp thời.

- Giáo dục ý thức cán bộ nhân viên làm việc tại khu vực chứa hóa chất.

- Tổ chức huấn luyện an toàn hóa chất định kỳ cho cán bộ quản lý kho hoá chất.

- Các hóa chất được lưu trữ theo quy định trên Phiếu an toàn hóa chất, cụ thể: khi sử dụng không mở nắp thùng chứa hóa chất trong thời gian dài để tránh bay hơi, khi bảo quản phải đóng kín thùng chứa, tránh tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, cách xa nguồn nhiệt và đề phòng đóng băng.

Việc sử dụng hóa chất độc hại cần được kiểm soát một cách chặt chẽ và thường xuyên. Công nhân làm việc trực tiếp tại khu vực lưu trữ hóa chất hoặc trực tiếp làm việc tại các bộ phận có sử dụng hóa chất đảm bảo được tham gia các khóa đào tạo, tập huấn và được cấp chứng chỉ về an toàn lao động và an toàn hóa chất và cách giải quyết các sự cố xảy ra.

Xử lý khi có sự cố ngộ độc hóa chất:

Gọi đội cấp cứu ngay và cung cấp những thông tin về tai nạn. Di chuyển các nạn nhân rời khỏi môi trường nguy hiểm.

Nhiễm độc do hít phải :

- Di chuyển nạn nhân ra khỏi độc chất nếu được. Nếu không thể thì hãy đảm bảo môi trường được thông khí tốt (mở cửa lớn và cửa sổ). Nhiều loại hóa chất không có mùi vị hoặc không có tác động rõ ràng có thể bị nhiễm độc mà không biết.

- Theo dõi và duy trì đường thở và tình trạng hô hấp của nạn nhân. Sẵn sàng hồi sức nếu cần.

- Nếu nạn nhân mất ý thức, đặt họ ở tư thế thích hợp.

- Nếu nạn nhân còn tỉnh, giúp họ ở tư thế dễ chịu nhất. Nếu tình trạng hô hấp ổn, tư thế tốt nhất là ngồi.

- Gọi xe cấp cứu đến và cung cấp thông tin về tai nạn nếu có thể.

Nhiễm độc qua da:

Luôn phòng ngừa lây nhiễm. Mặc quần áo bảo hộ có sẵn.

Dội rửa hóa chất bằng nước, cẩn thận dội sạch nước bị nhiễm ra khỏi nạn nhân.

Theo dõi và duy trì đường thở và tình trạng hô hấp của nạn nhân. Sẵn sàng hồi sức nếu cần.

Gọi đội cấp cứu đến và trấn an nạn nhân trước khi họ đến.

Công ty đã đầu tư mỗi phòng thử nghiệm một vòi hoa sen dùng để phun rửa mắt và người khi bị nhiễm hóa chất.

5.2. Báo cáo việc thực hiện công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường

5.2.1. Các giải pháp phòng ngừa sự cố môi trường tại cơ sở

- Công ty đã thực hiện theo đúng kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường đề ra.

- Ngày 25/11/2022 Công ty tổ chức buổi tập huấn phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phối hợp với Phòng cảnh sát PCCC và CNCH cho cán bộ công nhân viên.

- Ngày 15/9/2022 Công ty tổ chức buổi tập huấn Phương án giả định tình trạng khẩn cấp tràn đổ dầu cho cán bộ công nhân viên..

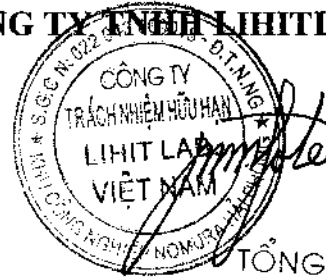
5.2.2. Việc ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra tại cơ sở

Công ty chưa để xảy ra sự cố môi trường nào kể từ khi vào hoạt động.

Lưu:

- Chi Cục BVMT TP. Hải Phòng
- Ban Quản lý KKT TP. Hải Phòng
- Ủy ban nhân dân huyện An Dương
- Công ty CP Phát triển KCN Normura - Hải Phòng (NHIZ)
- Lưu Công ty.

CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM



TỔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO

PHỤ LỤC

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 0200607088

Đăng ký lần đầu: ngày 19 tháng 12 năm 2007

Đăng ký thay đổi lần thứ: 10, ngày 26 tháng 04 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH LIHIT LAB, VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LIHIT LAB, VIETNAM INC.

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

*Lô đất J13B, J14 khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, Xã An Hưng, Huyện An
Dương, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam*

Điện thoại: 0225. 3743071

Fax: 0225. 3743072

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

104.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Một trăm lẻ bốn tỷ đồng

(Giá trị tương đương: 5.000.000 USD)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: LIHIT LAB., INC (NHẬT BẢN)

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 1299-01-077594

Ngày cấp: 25/05/1948 Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ trụ sở chính: 1-1-22 Nouninbashi, Chuo-ku, Osaka, Nhật Bản

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: FUMINOBU GOTO

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 24/01/1959

Dân tộc: Quốc tịch:

Nhật Bản

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: TZ2120389

Ngày cấp: 08/03/2022

Nơi cấp: Nhật Bản

Địa chỉ thường trú: 2111-8, Takase, Kakegawa, Shizuoka, Nhật Bản

Địa chỉ liên lạc: Công ty LD làng quốc tế Hương Dương, số 35A Văn Cao, Phường
Đàng Lâm, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Hương Anh Tuấn



Certificate VN10/00100

The management system of

LIHIT LAB. VIETNAM INC.

Land Plot J14 and J13B, Nomura Hai Phong Industrial Zone,
An Duong District, Hai Phong City, Vietnam

has been assessed and certified as meeting the requirements of

ISO 14001:2015

For the following activities

Manufacture of miscellaneous stationers' goods.

This certificate is valid from 07 October 2019 until 07 October 2022
and remains valid subject to satisfactory surveillance audits.
Recertification audit due before 07 August 2022
Issue 4. Certified since 07 October 2010



Authorised by

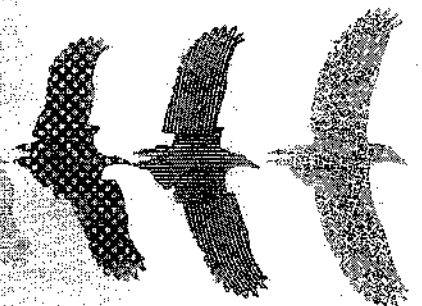


0005

SGS United Kingdom Ltd
Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, UK
t +44 (0)151 350-6666 f +44 (0)151 350-6600 www.sgs.com

HC: SGS14001 2015 0818

Page 1 of 1



This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Certification Services accessible at www.sgs.com/ma and www.sgs.com. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein. The authority of this document may be verified at www.sgs.com/certificates and product certificates directory. Any unauthorized alteration, forgery or falsification in the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: **5472874926**

Chứng nhận lần đầu: Ngày 08 tháng 12 năm 2004

Chứng nhận đăng ký lại: Ngày 19 tháng 12 năm 2007

Chứng nhận thay đổi lần thứ 07: Ngày 05 tháng 6 năm 2020.

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015
của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của
Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2018 của
Chính phủ Quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 1329/QĐ-TTg ngày 19 tháng 9 năm 2008 của
Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 05 tháng 01 năm
2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng về việc Ban hành Quy
định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản
lý Khu kinh tế Hải Phòng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 022 043 000018 do Ban Quản lý
Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận đăng ký lại ngày 19/12/2007,
chứng nhận thay đổi lần thứ 06 ngày 01/10/2012.

Căn cứ Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo
do Công ty TNHH Lihit Lab, Việt Nam nộp ngày 26/5/2020.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ HẢI PHÒNG

Chứng nhận:

Dự án đầu tư SẢN XUẤT VÂN PHÒNG PHÂM; Giấy chứng nhận
đầu tư số 022 043 000018 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp,
chứng nhận đăng ký lại ngày 19/12/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 06
ngày 01/10/2012.

Được đăng ký điều chỉnh mục tiêu, quy mô, tiến độ góp vốn và tiến
độ thực hiện dự án.

Nhà đầu tư:

LIHIT LAB., INC. (Nhật Bản), Giấy phép thành lập số 2097/Đ
077594 ngày 25/5/1948 đăng ký tại Osaka, Nhật Bản;

Địa chỉ trụ sở chính: 1-1-22 Nouninbashi, Chuo-ku, Osaka



Người đại diện theo pháp luật: ông Hirokazu Tanaka, sinh ngày 18/8/1965, quốc tịch: Nhật Bản; Hộ chiếu số TR5064869 cấp ngày 09/11/2015 tại Nhật Bản; địa chỉ thường trú và chỗ ở hiện tại: 7-15-602, Juniken-chou, Chuo-ku, Osaka, Nhật Bản; chức vụ: Chủ tịch

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên số 0200607088 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04/6/2018

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư:

SẢN XUẤT VĂN PHÒNG PHẨM

2. Mục tiêu dự án: Sản xuất để xuất khẩu toàn bộ (100%):

- Sản phẩm văn phòng phẩm: Kẹp tài liệu, bìa đựng tài liệu, vở, cặp sách, các sản phẩm từ hạt nhựa, phụ kiện văn phòng phẩm và bán văn phòng phẩm, hộp nhựa văn phòng (pencase, clear case, desktray, card case);

- Sản phẩm bảo hộ bằng nhựa: tấm nhựa chắn bảo vệ mặt

Công ty TNHH Lihit Lab Việt Nam đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật

3. Quy mô dự án (cho năm sản xuất ổn định):

Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng
Kẹp tài liệu	Chiếc	3.800.000
Bìa đựng tài liệu	Chiếc	10.000.000
Vở	Chiếc	2.000.000
Cặp sách	Chiếc	700.000
Các sản phẩm làm từ hạt nhựa các loại	Tân	700
Phụ kiện văn phòng phẩm và bán thành phẩm	Chiếc	700.000
Hộp nhựa văn phòng (pencase, clear case, desk tray, card case)	Chiếc	1.000.000
Tấm nhựa chắn bảo vệ mặt	Chiếc	1.000.000

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất J-13B, J-14, F12A khu công nghiệp Nomura-Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam.

5. Diện tích đất sử dụng: 19.240 m²;

6. Tổng vốn đầu tư: 312.000.000.000 (ba trăm mười hai tỷ đồng) Việt Nam, tương đương 15.000.000 (mười lăm triệu) đô la Mỹ;



Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là: 104.000.000.000 (một trăm linh tư tỷ) đồng, tương đương 5.000.000 (năm triệu) đô la Mỹ bằng tiền mặt, chiếm tỷ lệ 30% tổng vốn đầu tư, đã được nhà đầu tư góp đủ tính đến hết tháng 8/2013

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 50 (năm mươi) năm kể từ ngày được cấp Giấy phép đầu tư số 45/GP-KCN-HP do Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Hải Phòng cấp ngày 08 tháng 12 năm 2004.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Phần dự án sản xuất sản phẩm văn phòng phẩm: Kẹp tài liệu, bìa đựng tài liệu, vở, cặp sách, các sản phẩm từ hạt nhựa, phụ kiện văn phòng phẩm và bàn văn phòng phẩm, hộp nhựa văn phòng (pencase, clear case, desktray, card case) đã đi vào sản xuất chính thức từ tháng 6 năm 2005 và hiện đang hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phần dự án sản xuất sản phẩm bao bì bằng nhựa: tấm nhựa chắn bảo vệ mặt hoạt động chính thức từ tháng 6/2020.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần dự án đã đi vào hoạt động và phần dự án đầu tư tăng thêm, đầu tư mở rộng: Được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật hiện hành về thuế.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp ngày 03 tháng 6 năm 2008;

+ Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/6/2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;

+ Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Ưu đãi về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:

Được áp dụng ưu đãi đối với hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất.

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 ngày 06 tháng 4 năm 2016.

- Điều kiện hưởng ưu đãi:

+ Dự án sản xuất chuyên để xuất khẩu;

+ Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam đăng ký hoạt động theo loại hình doanh nghiệp chế xuất theo quy định của pháp luật.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Khi thực hiện Dự án đầu tư, Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam phải tiên hành thực hiện đầy đủ các thủ tục về đầu tư xây dựng cơ bản.



vệ môi trường, PCCC và các thủ tục liên quan khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

2. Dự án phải được đầu tư đúng tiến độ đã cam kết, nếu sau 12 tháng mà nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký, hoặc Dự án đầu tư đã ngưng hoạt động và hết thời hạn 12 tháng kể từ ngày ngưng hoạt động mà Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng không liên lạc được với nhà đầu tư hoặc đại diện hợp pháp của nhà đầu tư thì Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng sẽ quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quy định của pháp luật;

3. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ về tình hình triển khai thực hiện dự án cho Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng và các cơ quan liên quan theo quy định của pháp luật.

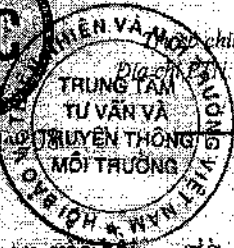
Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế nội dung dự án đầu tư quy định tại Giấy chứng nhận đầu tư số 022 043 000018 do Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng cấp, chứng nhận đăng ký lại ngày 19/12/2007, chứng nhận thay đổi lần thứ 06 ngày 01/10/2012.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 (một) bản, 01 (một) bản cấp Công ty TNHH Lihit Lab, Việt Nam và 01 (một) bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

TRƯỞNG BAN



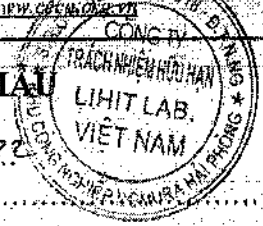
Phạm Văn Mọi



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Địa chỉ: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Căn hộ 06-TTS, Khu nhà ở Đất phát sóng phát thanh Mễ Trì - P. Mỹ Liệt - Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: /www.cctm.vn

VIMCER



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày 23 tháng 3 năm 20??
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại:

..... Công ty TNHH LIHIT LAB Việt Nam
Địa chỉ: Lô 06-TTS, Khu nhà ở Đất phát sóng phát thanh Mễ Trì - P. Mỹ Liệt - Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu:

Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: Công ty TNHH LIHIT LAB Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Hồ Văn Tuấn Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. Đại diện:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. Đại diện:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. Đại diện đơn vị quản trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường

Đại diện: Ông (bà) Ông Hoàng Long Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở:

..... Hoạt động

6. Điều kiện khí hậu trong quá trình đo đạc, lấy mẫu:

..... Có gió

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1.	KT1	Đầu thoát K1 Khu vực đầu xả nước	2813215 587571	
2.	NT7	Nhà ga cuối Khu vực nhà K1 XL BT của KCN Namson tại Lô T18B, T14	2813215 587639	
3.	NTZ	Nhà ga cuối đầu vào của KCN của KCN Namson tại Lô F12H	2811951 586981	
4.				



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Dài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: /www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			

Việc lấy mẫu, bảo quản thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng và có sự giám sát của các bên liên quan
Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào giờ .. phút, ngày và kết thúc vào ... giờ ... phút, ngày

Đại diện đơn vị: *Đài Phát Thanh*

Đại diện đơn vị: *Quản Trữ*

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Đài Phát Thanh

Đài Phát Thanh

Đại diện đơn vị:

Đại diện đơn vị:

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERT 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
 Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đồi phát sáng-phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
 ĐT: (84-24) 3257 3961 Http://www.vimcert.org.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KO-VL/06/04/2022

Khách hàng : CÔNG TY TNHH LIHILAB VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 23/03/2022 **Thời gian thử nghiệm** : 23/03/2022 - 04/04/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Tiêu chuẩn áp dụng	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn NHIZ
				NT1	NT2	
1	Nhiệt độ	TCVN 2650B:2017	°C	32,4	32,6	45
2	pH	TCVN 6492:2011		7,1	6,8	5-9
3	TSS ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	145	162	600
4	BOD ₅ ^(a)	TCVN 8001-1:2008	mg/L	155,7	138,4	500
5	COD	SMEWW 5220G:2017	mg/L	290,5	232,8	500
6	Amoni (NH ₄ -N) ^(a)	TCVN 5988-1:985	mg/L	1,4	2,0	10
7	Tổng Nitơ ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	16,5	19,3	50
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6639:2008	mg/L	1,06		5
9	Asen ^(a)	SMEWW 3112B:2011	mg/L	0,003	0,003	0,01
10	Cadimi ^(a)	SMEWW 3112B:2011	mg/L	0,002	<0,0002	0,01
11	Thủy ngân ^(a) (Hg)	SMEWW 3112B:2011	mg/L	0,003	<0,0003	0,01
12	Chì ^(a)	SMEWW 3112B:2011	mg/L	0,002	<0,002	0,01
13	Tổng Crom ^(a)	SMEWW 5112B:2011	mg/L	5	2,9	10
14	Coliform ^(b)	SMEWW 9200:2011	MPN/100ml	10	1000	1000

- Vị trí lấy mẫu:
 +NT1: Mẫu nước thải tại hồ ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô J13B, J14
 Toạ độ: X= 2313215 (m), Y= 10386981 (m)
 +NT2: Mẫu nước thải tại hồ ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô F12A
 Toạ độ: X= 2311751 (m), Y= 10386981 (m)
 - Tiêu chuẩn NHIZ: Quy chuẩn nước thải của công ty phát triển khu công nghiệp Nomura Hải Phòng
 - ^(a) Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330.
 - ^(b) Chỉ tiêu thông tư 10/2015/TT-BTNMT và quy chuẩn Việt Nam không quy định, nhưng pháp thực hiện theo yêu cầu của khách hàng

Ngày 04 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA PTN

 Đinh Phương Thảo

PHÓ GIÁM ĐỐC

 Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giá mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu quyết định. Khách nếu kết quả xét nghiệm
 4 "": Không quy định
 Ngày sửa đổi: 17/02/2021



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERT 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đại phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237.3961 - Http: //www.ceca.org.vn

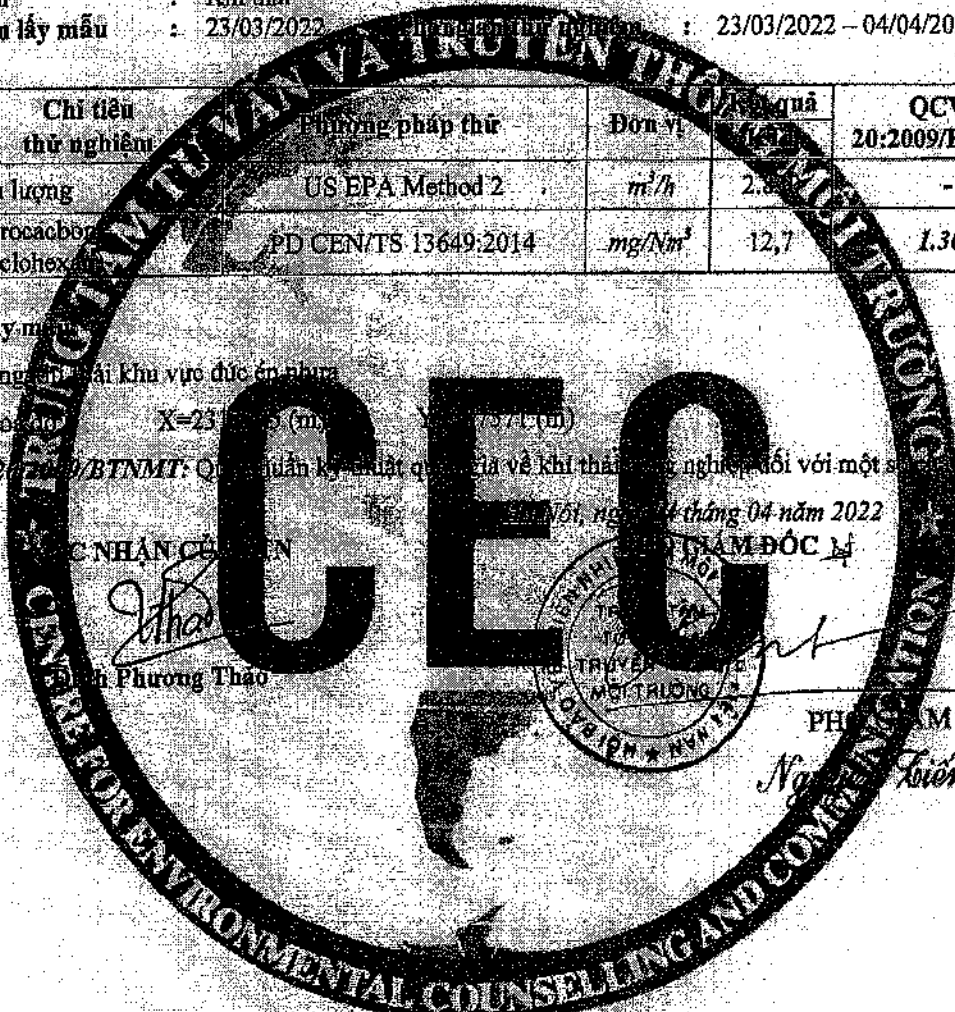
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ K.18/04.04.2022

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH LIHITLAB VIỆT NAM**
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 23/03/2022 - Thời gian thử nghiệm : 23/03/2022 - 04/04/2022

Sst	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2,8	-
2	Hidrocacbon (Cyclohexan)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	12,7	1.300

- Vị trí lấy mẫu:
+KTI: Ông ở Hải Khu vực được ấn định
Tọa độ X=23 (m) Y=737 (m)
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số hữu cơ

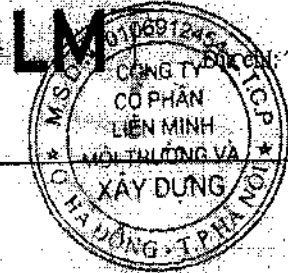


NGHÂN CHỦ
Phạm Phương Thảo



PHỤ TRƯỞNG
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm
 - 4 " - ": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp
- Lần bau hành: 02 Ngày sửa đổi: 17/02/2021



BIÊN BẢN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi.....giờ.....phút..... ngày 01...tháng 06...năm 2022

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại... Công ty TNHH

Liệt LAB Việt Nam

Địa chỉ: 16 đường T.Đ. B, T.4 Khu Công nghiệp Nomura - Khu Phố 2, An Khê
 huyện An Khê, TP. Quy Nhơn

các bên tham gia bao gồm:

1. ĐẠI DIỆN Công ty TNHH Liệt Lab Việt Nam

Đại diện Ông (bà) Vũ Xuân Trung Chức vụ: NK

Đại diện Ông (bà) Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN Công ty CP Lưu chính Mt và KP

Đại diện Ông (bà) Lưu Hồng Giang Chức vụ: NVKT

Đại diện Ông (bà) Chức vụ:

3. ĐẠI DIỆN Công ty Cổ phần Thương Chiến

Đại diện Ông (bà) Phạm Trường Sơn Chức vụ: NK

Đại diện Ông (bà) Chức vụ:

4. ĐẠI DIỆN

Đại diện Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản việc đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của Cơ sở như sau:

5. ĐIỀU KIỆN KHÍ HẬU TRONG QUÁ TRÌNH QUAN TRẮC, LẤY MẪU:

Đủ đủ lấy mẫu

6. NỘI DUNG ĐO ĐẶC, LẤY MẪU:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1	KT	ống thước thu nước mưa đặt ở ngoài	20,940927	23 13 275
			106,594466	58 75 71
2	KFLV1	thu nước mưa trong nhà lưu ý 1	20,940336	
			106,594500	
3	KFLV2	thu nước đặt ở ngoài - lưu ý 1	20,940491	
			106,594501	



**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO**

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tô Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 0981440000

Web: lienminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04977/2022/PKQ-LMMT/22.1877

Tên khách hàng : Công ty TNHH LIHITLAB Việt Nam
 Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Đơn vị đặt hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Thuận Thiên, Địa chỉ: Số 3/B260 khu T2, Phường Thánh Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Nước thải Số lượng mẫu: 02
 Ngày quan trắc : 01/06/2022
 Ngày trả kết quả : 22/06/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả		Phương pháp thử nghiệm	Tiêu chuẩn NHIZ
			NT1	NT2		
1	pH		7,02	7,03	TCVN 6492:2011	5 + 9
2	Nhiệt độ	°C	25,3	25,4	SMEWW 2550B:2017	45
3	TSS	mg/L	80	73	TCVN 6625:2000	600
4	BOD ₅	mg/L	102	78	TCVN 6001-1:2008	500
5	COD	mg/L	284	242	SMEWW 5220C:2017	500
6	Asen (As)	mg/L	KPH	KPH	SMEWW 3113B:2017	0,1
7	Cadimi (Cd)	mg/L	KPH	KPH	SMEWW 3113B:2017	0,1
8	Chì (Pb)	mg/L	KPH	KPH	SMEWW 3113B:2017	0,5
9	Thủy ngân (Hg)	mg/L	KPH	KPH	SMEWW 3112B:2017	0,01
10	Tổng dầu, mỡ	mg/L	1,9	2,3	SMEWW 5520.B:2017	-
11	Amoni (NH ₄ ⁺)	mg/L	7,88	7,06	TCVN 6179-1:1996	10
12	Tổng Nitơ	mg/L	31,8	29,0	TCVN 6638:2000	40
13	Tổng Photpho	mg/L	4,66	3,76	TCVN 6202:2008	6
14	Coliforms	MPN/100mL	30.000	36.000	TCVN 6187-2:1996	-

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

+ NT1: Hồ ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô J13B, J14. Tọa độ: X = 2313215; Y = 587639;

+ NT2: Hồ ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô F12A. Tọa độ: X = 2311751; Y = 586981.

- Quy chuẩn so sánh:

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (#);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc điều nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO**

(VILAS 968 – VIMCERTS 185 – CV 2345/SYT – NVV)

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Van Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 0931440000 Web: lieminhmotruong.com.vn

- + Tiêu chuẩn NHIZ: Tiêu chuẩn của khu công nghiệp Nomura Hải Phòng;
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- + (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU

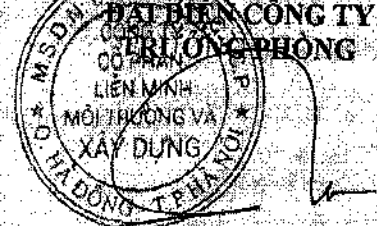
Nguyễn Thị Thùy

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

QA/QC

Đỗ Văn Đông

Hà Nội ngày 22 tháng 06 năm 2022



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (#);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 - VIMCERTS 185 - CV 2345/SYT - NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tô Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lieminhmoitruong.com.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04978/2022/PKQ-LMMT/22.1877

Tên khách hàng : Công ty TNHH LIHITLAB Việt Nam
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Thuận Thiên. Địa chỉ: Số 3/B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 01/06/2022
Ngày trả kết quả : 22/06/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	Phương pháp thử nghiệm	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT		
1	Lưu lượng	m ³ /h	2.893	US EPA Method 2	-
2	Hydrocacbon (CxHy)	mg/Nm ³	KPH	PD CEN/TS 13649:2014	-

Ghi chú:

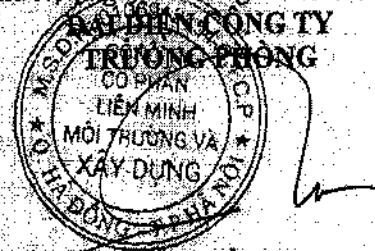
- Vị trí lấy mẫu:
- + KT: Ống thoát khí thải khu vực đúc ép nhựa. Tọa độ: X = 2313215; Y = 587571.
- Quy chuẩn so sánh:
- + QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- + KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- + (-): Không quy định.

NGƯỜI LẬP PHIẾU KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
O.A/O.C

Nguyễn Thị Thủy

Đỗ Văn Đông

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (#);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

**CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 - VIMCERTS 185 - CV 2345/SYT - NVY)**

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 0981440000 Web: lianhminhmoitruong.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04979/2022/PKQ-LMMT/22.1877

Tên khách hàng : Công ty TNHH LIHITLAB Việt Nam
 Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Đơn vị đặt hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Thuận Thiên Địa chỉ: Số 3/B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 03
 Ngày quan trắc : 01/06/2022
 Ngày trả kết quả : 22/06/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả			Phương pháp thử nghiệm	Quy chuẩn so sánh
			KK1	KK3	KK4		
1	Nhiệt độ	°C	26,3	-	-	TCVN 3508:2009	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn	dBA	87,9	85,6	85,4	TCVN 9799:2013	85 ⁽²⁾
3	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,36	0,39	0,38	TCVN 5067:1995	8 ⁽³⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KK1: Khu vực máy trộn nhựa xương
- + KK3: Khu vực sản xuất khóa (xương)
- + KK4: Khu vực máy nghiền nhựa (xương)

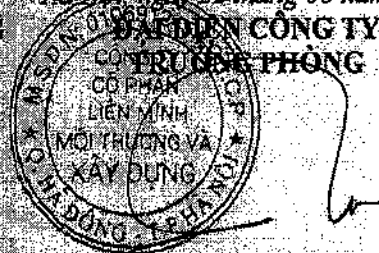
- Quy chuẩn so sánh:

- + ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- + ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- + ⁽³⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.
- + (-): Không phân tích.

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022

NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG
QUỐC



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Nguyễn Thị Thủy

Đỗ Văn Đồng

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (*);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO
(VILAS 968 - VIMCERTS 185 - CV 2345/SYT - NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
 ĐT: 0981440000 Web: lienminhmoitruong.com.vn

VILAS 968

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04980/2022/PKQ-LMMT/22.1877

Tên khách hàng : Công ty TNHH LIHITLAB Việt Nam
 Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
 Đơn vị đặt hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Thuận Thiên, Địa chỉ: Số 3/B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
 Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 04
 Ngày quan trắc : 01/06/2022
 Ngày trả kết quả : 22/06/2022

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả				Phương pháp thử nghiệm	Quy chuẩn so sánh
			KK2	KK5	KK6	KK7		
1	Nhiệt độ	°C	26,4	26,3	25,3	26,3	TCVN 5508:2009	18 + 32 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn	dBA	84,4	74,0		76,3	TCVN 9799:2013	85 ⁽²⁾
3	Hydrocacbon	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	KPH	NIOSH Method 2549	300 ⁽³⁾

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:

- + KK2: Khu vực đúc ép nhựa - xưởng 1
- + KK5: Khu vực sản xuất tủ kéo khóa - tầng 1 xưởng 2
- + KK6: Khu vực máy hàn tủ - tầng 1 xưởng 2, Tòa đồ
- + KK7: Khu vực hàn đồng đầu - xưởng hoàn chỉnh sản phẩm - tầng 2 xưởng 2.

- Quy chuẩn so sánh:

- + ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- + ⁽²⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- + ⁽³⁾ Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 5 nguyên tắc, 7 thông số vệ sinh lao động;
- + (-): Không quy định hoặc không phân tích.

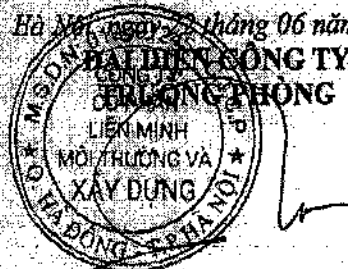
NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022

Nguyễn Thị Thùy

Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (B);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG CAO

(VILAS 968 - VIMCERTS 185 - CV 2345/SYT - NVY)

Địa chỉ: Tòa nhà số 44, Galaxy 4, Phố Tố Hữu, P. Vạn Phúc, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 0981440000

Web: lienminhmoitruong.com.vn

VILAS 968 PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04981/2022/PKQ-LMMT/22.1877

Tên khách hàng : Công ty TNHH LIHITLAB Việt Nam
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công ty Cổ phần Tư vấn Thuận Thiên. Địa chỉ: Số 3/B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc Số lượng mẫu: 01
Ngày quan trắc : 01/06/2022
Ngày trả kết quả : 22/06/2022

Table with 6 columns: Stt, Thông số, Đơn vị, Kết quả, Phương pháp thử nghiệm, QCVN 03:2019/BYT. Rows include: 1. Nhiệt độ (°C) 26.3, 2. n-Butanol (mg/m³) KPH, 3. Phenol (mg/m³) KPH, 4. Toluen (mg/m³) KPH, 5. Methanol (mg/m³) KPH, 6. Etylaxetat (µg/m³) KPH.

Ghi chú:

- Vị trí lấy mẫu:
+ KK8: Khu vực dân nhân sản phẩm, nhân mã yach - xưởng hoàn chỉnh sản phẩm - tầng 2 xưởng 2. Tọa độ: X = 20,910720; Y = 106,594310
- Quy chuẩn so sánh:
+ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
+ QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc;
+ (-): Không quy định.

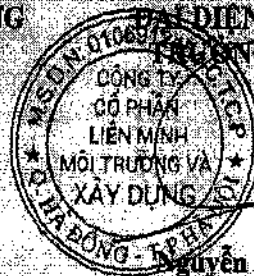
NGƯỜI LẬP PHIẾU

KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

Hà Nội, ngày 22 tháng 06 năm 2022

Handwritten signature of Nguyễn Thị Thùy

Handwritten signature of Đỗ Văn Đông



Nguyễn Thị Thùy

Đỗ Văn Đông

Nguyễn Thế Năng

Chú thích:

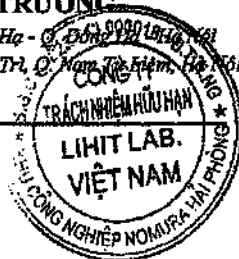
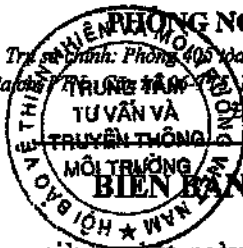
- 1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PTN lấy về;
2. Kết quả NTP được đánh dấu (*);
3. Chỉ tiêu được công nhận Vilas (#);
4. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm;
5. Không được sao chép một phần kết quả phân tích nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.



VIMCERT 208

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

TRUNG TÂM NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ: Phòng 405 Tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Hạp: /www.ceca.org.vn



Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày 22 tháng 9 năm 2022

Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại:

..... Công ty TNHH Lihit Lab Việt Nam

Địa chỉ:

Địa điểm lấy mẫu: Lô JAB, 719 KCA Nomura HP, H. An Dương, Tân Yên

Các bên tham gia bao gồm:

1. Đại diện: Công ty TNHH Lihit Lab Việt Nam

Đại diện: Ông (bà) Hà Thị Mai Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

2. Đại diện: Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

3. Đại diện: Chức vụ:

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

4. Đại diện: Ông (bà) Hà Thị Mai Chức vụ: NV

Đại diện: Ông (bà) Chức vụ: NV

Chúng tôi đồng nhau tiến hành lập biên bản đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình hình hoạt động cơ sở: 13.05.7

6. Điều kiện khí hậu trong gian đo đạc lấy mẫu: Trời nắng

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1.	K79	Đục đất khí theo khu vực	23 1 32 15 105 75 71	
2.	N72	N7 tại hồ ga chờ đợi xe buýt HT KLT của KCA Nomura tại lô JAB, J14	23 1 32 15 105 76 39	
3.	N72	N7 tại hồ ga chờ đợi xe buýt HT XL NT của KCA Nomura tại lô FAZA	23 1 17 51 105 69 81	
4.				

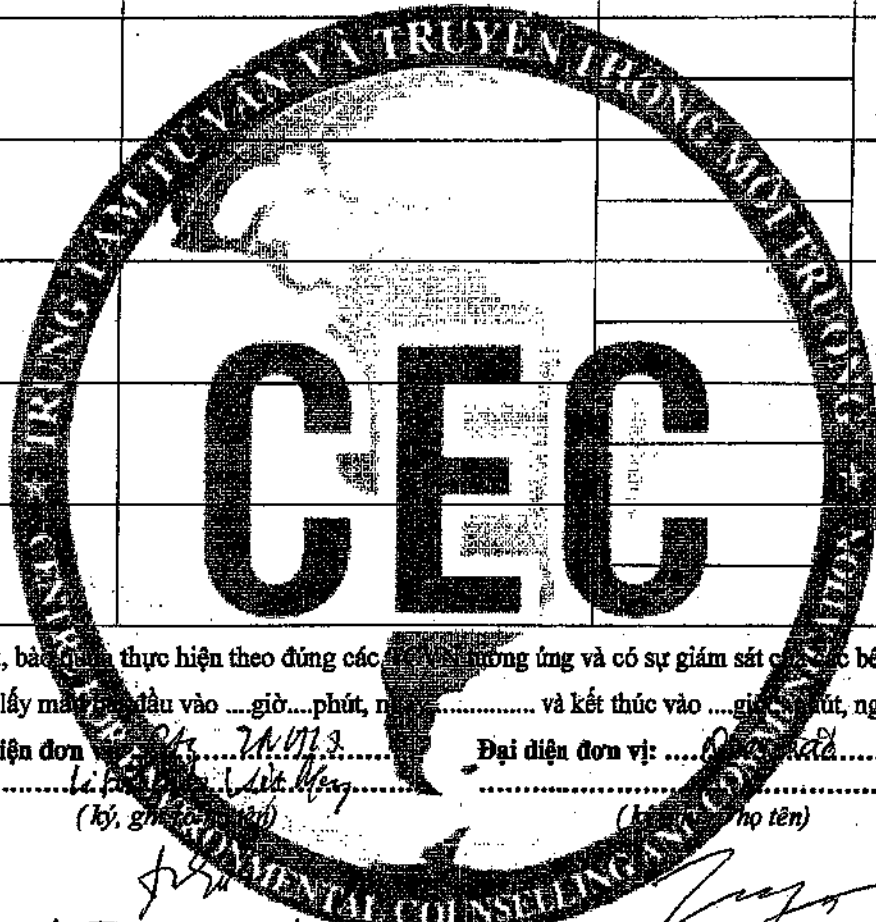


**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đai phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

VIMCERT 208

5.				
6.				
7.				
8.				
9.				
10.				
11.				
12.				



Việc lấy mẫu, bảo quản thực hiện theo đúng các quy định, phương pháp và có sự giám sát của các bên liên quan

Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vào ...giờ...phút, ngày..... và kết thúc vào ...giờ...phút, ngày.....

Đại diện đơn vị: Đại diện đơn vị:
 (ký, ghi rõ họ tên) (ký, ghi rõ họ tên)

Hà Thị Mai Anh

Nhà Văn Học

Đại diện đơn vị:
 (ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện đơn vị:
 (ký, ghi rõ họ tên)



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.100/03.10.2022

Khách hàng : CÔNG TY TNHH LIHITLAB VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 22/09/2022
Thời gian thử nghiệm : 22/09/2022 - 03/10/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				KTI	
1	Hydrocarbon (Cyclohexan)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	1,5	1.300
2	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2.860	-

- Vị trí lấy mẫu
- KTI: Ống khói khu vực đúc ép nhựa. Tọa độ: X=2313275, Y=587571
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA PTN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Ngọc

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - 4 "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Giảng Hữu, Q. Đống Đa – Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đái phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.cec.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.101/03.10.2022

Khách hàng : CÔNG TY TNHH LIHITLAB VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 22/09/2022 Thời gian thử nghiệm : 22/09/2022 - 03/10/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn NHIZ
				NT1	NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,9	7,1	5 ÷ 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	27,6	24,8	45
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	163	155	600
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	178	150	500
5	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 520C:2008	mg/L	278	278	500
6	Amon (NH ₄ ⁺ N) ^(a)	TCVN 5988-1:1995	mg/L	2	3	10
7	Tổng Nitơ ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	18	21	40
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	1,78	1,13	6
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,01
10	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,01
11	Chì (Pb)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,5
12	Asen (As)	SMEWW 5520B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	KPH (MDL=0,0008)	0,1
13	Tổng dầu mỡ ^(a)	SMEWW 9221B:2017	mg/L	4,1	2,7	-
14	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100 mL	2.700	2.700	-



- Vị trí lấy mẫu:

- NT1: Mẫu nước thải thải tại hố ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô J13B, J14.

Tọa độ: X= 2313215 , Y= 587639

- NT2: Mẫu nước thải thải tại hố ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô F12A.

Tọa độ: X= 2311751 , Y= 586981

- Tiêu chuẩn NHIZ: Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Nomura Hải Phòng

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp

Lần ban hành: 02

Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: /http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- ⁽⁰⁾: Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;
- ⁽⁰⁾: Chỉ tiêu thông tư 10/2021/BTNMT và quy chuẩn Việt Nam không quy định, phương pháp thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Hà Nội, ngày 03 tháng 10 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA PTN

PHÓ GIÁM ĐỐC

Bùi Minh Nguyệt

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - 4 "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



VIMCERT 208

TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
 Văn phòng chính: Phòng 304, tòa nhà Bộ TN&MT, 83 Nguyễn Chí Thanh - P. Lăng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
 Văn phòng chi nhánh: Khu nhà ở Dài phút sống phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
 ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ccca.org.vn



BIÊN BẢN XÁC NHẬN LẤY MẪU

Hôm nay, vào hồi giờ phút, ngày .. tháng .. năm 2022
Chúng tôi tiến hành lấy mẫu, đo đạc chất lượng môi trường tại:

Địa chỉ: Công ty TNHH L.I.HIT LAB. Việt Nam
Địa điểm lấy mẫu: Lê Đức Thọ, J4 và F12, KCN Nam Hòa, H. P.

Các bên tham gia bao gồm:

- Đại diện: Công ty TNHH L.I.HIT LAB. Việt Nam
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
- Đại diện:
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
- Đại diện:
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
- Đại diện đơn vị quan trắc: Trung tâm Tư vấn và Truyền thông Môi Trường
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:
 Đại diện: Ông (bà) Chức vụ:

Chúng tôi cùng nhau tiến hành lập biên bản, đo đạc, lấy mẫu các chỉ tiêu môi trường của cơ sở như sau:

5. Tình trạng hoạt động của cơ sở:

6. Điều kiện khí hậu trong quá trình đo đạc, lấy mẫu:

7. Nội dung đo đạc và lấy mẫu:

Stt	Kí hiệu mẫu	Loại mẫu và vị trí đo đạc, lấy mẫu	Tọa độ	Ghi chú
1.	KT1	KV khu KV thuê lập nhuận	23.18219 104.571	
2.	NT1	NT tại hồ ga bãi đất xây dựng HTX LMT của KCN Nam Hòa tại Đ 713 & 714	23.18219 104.5739	
3.	NT2	NT tại hồ ga bãi đất xây dựng K1 HLNT của KCN Nam Hòa tại Đ F12A	23.11781 104.6981	
4.	KA	KV máy trộn nhựa xây dựng	23.11724 104.6979	





**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đai phát sáng phố thành Mã Trì, P. Mã Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.cecq.org.vn>

VIMCERT 208

5.	K2	KV bụi sơn nhựa xối 1	2311914 586975	
6.	K3	KV sơn nước nhựa xối 1	2311695 586974	
7.	K4	KV máy nghiền nhựa xối 1	2311681 586968	
8.	K5	KV sơn nước nhựa xối 2	2311702 586991	
9.	K6	KV máy bơm sơn - tầng 1 xối 2	2311686 586992	
10.	K7	KV sơn, đồng chất - xối, hòa tan chính 5 P - tầng 2 xối 2	2311679 586983	
11.	K8	KV sơn nhựa, sơn nước - xối hòa tan chính 5 P - tầng 2 xối 2	2311686 586975	
12.				



Việc lấy mẫu, bảo quản thực hiện theo đúng các TCVN tương ứng và có sự giám sát của các bên liên quan
Việc đo đạc, lấy mẫu bắt đầu vàogiờ.....phút, ngày..... và kết thúc vàogiờ.....phút, ngày.....

Đại diện đơn vị: *Thu*.....*DT*.....

Đại diện đơn vị: *B*.....

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)

Thu
Đào Thị Thu

B
B. Hoàng Long

Đại diện đơn vị:

Đại diện đơn vị:

(ký, ghi rõ họ tên)

(ký, ghi rõ họ tên)



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mê Trì, P. Mê Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

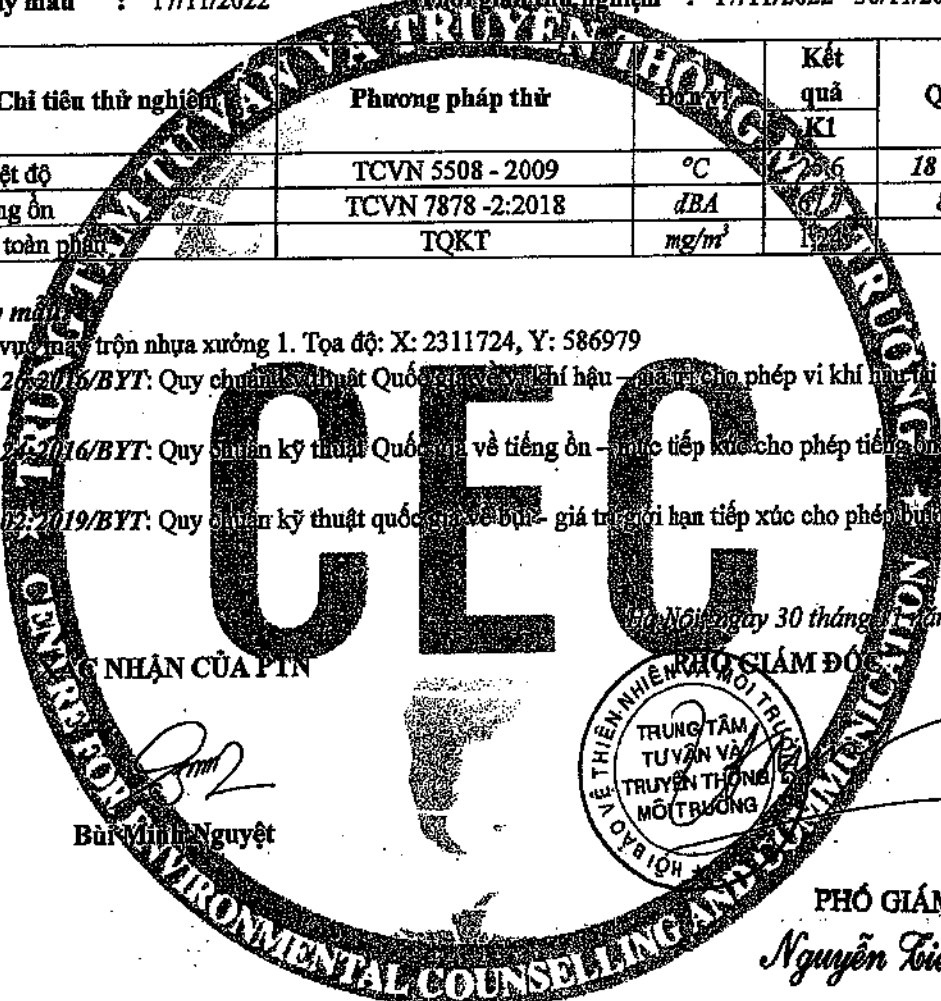
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.235/30.11.2022

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM**
Địa chỉ : **Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Đơn vị đặt hàng : **Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng**
Loại mẫu : **Không khí làm việc**
Thời gian lấy mẫu : **17/11/2022** Thời gian thử nghiệm : **17/11/2022 - 30/11/2022**

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCSS
				KI	
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	27,6	18 + 32 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn	TCVN 7878 -2:2018	dBA	61	85 ⁽²⁾
3	Bụi toàn phần	TQKT	mg/m ³	1,2	8 ⁽³⁾

- Vị trí lấy mẫu
- KI: Khu vực máy trộn nhựa xường 1. Tọa độ: X: 2311724, Y: 586979
- ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vệ sinh khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- ⁽²⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- ⁽³⁾ QCVN 13:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc



Bà Minh Nguyệt



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4 "..." : Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TTS, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mê Trì, P. Mê Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.236/30.11.2022

Khách hàng : CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2022
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2022 - 30/11/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả		QCSS
				K2	K5	
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	25,2	24,8	18 + 32 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn	TCVN 7878 -2:2018	dB(A)	68,5	72,9	85 ⁽²⁾
3	Hydrocacbon	NIOSH Method 1500	mg/m ³	KPH (MDL=0,01)	KPH (MDL=0,01)	300 ⁽³⁾

- Vị trí lấy mẫu
- K5: Khu vực sản xuất túi kéo khóa – tầng 1 xướng 2 . Tọa độ: X: 2311702, Y: 586996
- K2: Khu vực ép nhựa – xưởng 1 Tọa độ: X: 2311711, Y: 586975
- ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- ⁽²⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- ⁽³⁾ QĐ 3738/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh-lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

CHỖ NHẬN CỦA PTN

Bùi Minh Nguyệt



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - 4 "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: //www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.237/30.11.2022

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM**
Địa chỉ : **Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Đơn vị đặt hàng : **Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng**
Loại mẫu : **Không khí làm việc**
Thời gian lấy mẫu : **17/11/2022** Thời gian thử nghiệm : **17/11/2022 - 30/11/2022**

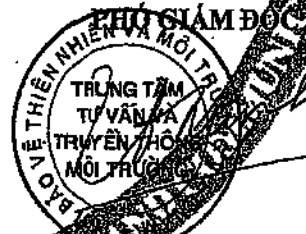
Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCSS
				K7	
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	24,9	18 + 32 ⁽¹⁾
2	Tiếng ồn	TCVN 7878 -2:2018	dBA	71,3	85 ⁽²⁾
3	Hydrocarbon	NIOSH Method 1500	mg/m ³	KPH (MDL=0,01)	300 ⁽³⁾

- Vị trí lấy mẫu
- K7: Khu vực làm việc đóng dấu – xưởng hoàn chỉnh sản phẩm - tầng 2 – xưởng 2 .
- Tọa độ: X: 2114679, Y: 586983
- ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- ⁽²⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc
- ⁽³⁾ QĐ 3738/2002/QĐ-BYT: Quy định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nghị quyết và 07 thông số vệ sinh lao động.

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

KÁCH NHẬN CỦA PTN

Bùi Minh Nguyệt



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - 4 "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mê Trì, P. Mê Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.240/30.11.2022

Khách hàng : CÔNG TY TNHH LIHITLAB VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2022
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2022 - 30/11/2022

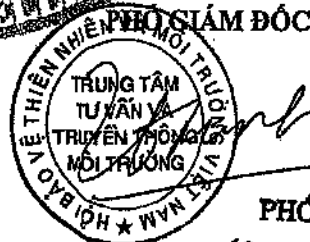
Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT tiếp xúc ca làm việc
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	23,40	18 ÷ 32 ⁽¹⁾
2	Methanol	NIOSH 1400	mg/m ³	KPH (MDL=0,01)	-
3	Phenol	QCVN 03/2019/BYT	mg/m ³	KPH (MDL=0,002)	4
4	Toluen	HDQT.M.01/BYT	mg/m ³	KPH (MDL=1)	100
5	Ethyl acetat	Analytical method 369	mg/m ³	KPH (MDL=0,02)	-
6	Methyl Ethyl Ketone	NIOSH 1501	mg/m ³	KPH (MDL=0,01)	100 ⁽²⁾

- Vị trí lấy mẫu:
- K8: Khu vực lắp nhãn sản phẩm nhãn mác vạch - trong hoàn chỉnh sản phẩm - tầng 2 - xưởng 2
Tọa độ: X: 2387666, Y: 586975
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.
- ⁽¹⁾QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- ⁽²⁾Quyết định 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn về sinh lao động, 5 nguyên tắc và 7 thông số vệ sinh lao động

Ngày 30 tháng 11 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA PTN

Bùi Minh Nguyệt



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Liên Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4 "..." : Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

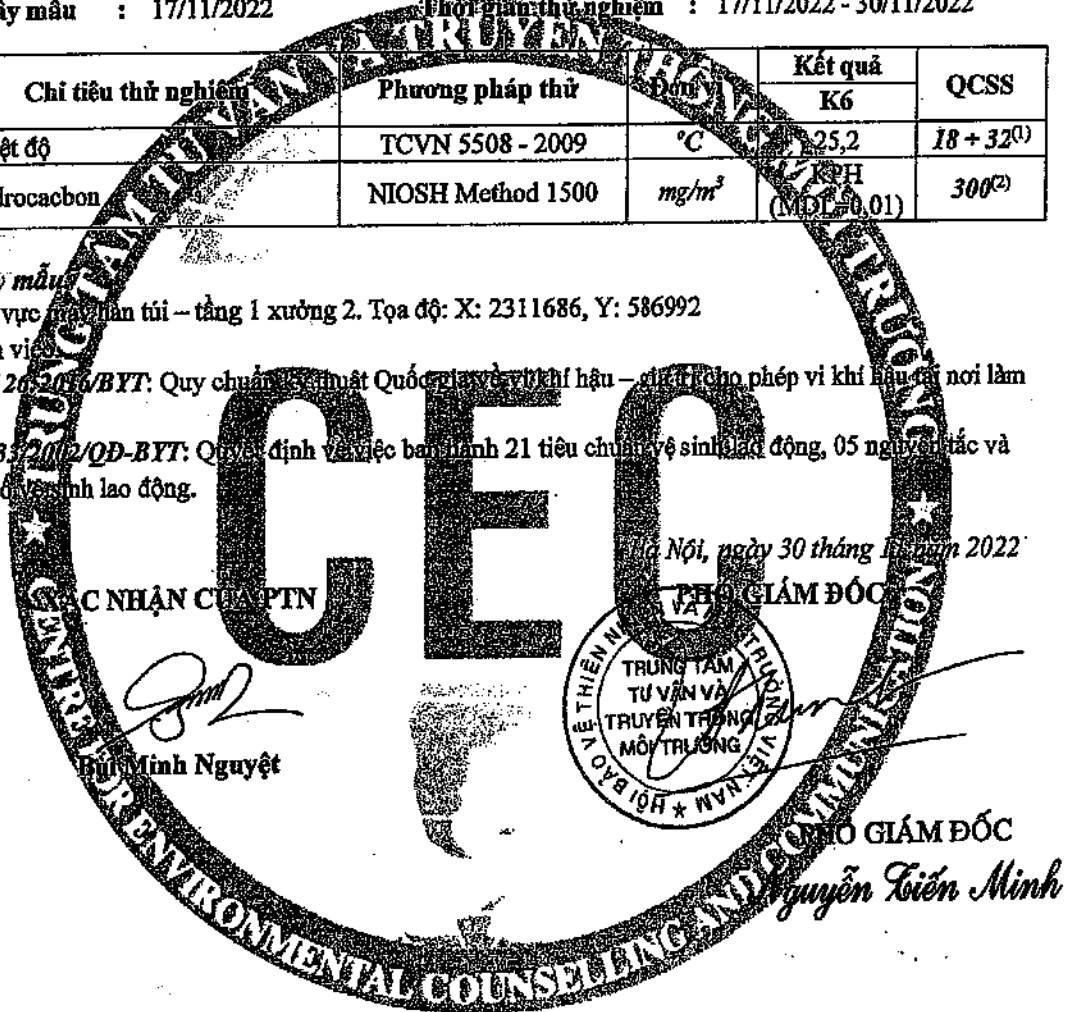
PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.239/30.11.2022

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH LIHTLAB. VIỆT NAM**
Địa chỉ : **Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam**
Đơn vị đặt hàng : **Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng**
Loại mẫu : **Không khí làm việc**
Thời gian lấy mẫu : **17/11/2022** Thời gian thử nghiệm : **17/11/2022 - 30/11/2022**

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	
				K6	QCSS
1	Nhiệt độ	TCVN 5508 - 2009	°C	25,2	18 + 32 ⁽¹⁾
2	Hydrocacbon	NIOSH Method 1500	mg/m ³	KPH (MDL=0,01)	300 ⁽²⁾

- Vị trí lấy mẫu
- K6: Khu vực trong tủ -- tầng 1 xưởng 2. Tọa độ: X: 2311686, Y: 586992 tại nơi làm việc.
- ⁽¹⁾ QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu - chỉ thị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc
- ⁽²⁾ QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Quyết định về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.



C NHẬN CỦA PTN

[Signature]
Bùi Minh Nguyệt

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022
PHÓ GIÁM ĐỐC
[Signature]

PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc giữ mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4 "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.238/30.11.2022

Khách hàng : CÔNG TY TNHH LIHTLAB, VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Không khí làm việc
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2022 Thời gian thử nghiệm : 17/11/2022 - 30/11/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả		QCSS
				K3	K4	
1	Tiếng ồn	TCVN 7878 -2:2018	dBA	72,6	71,5	85 ⁽¹⁾
2	Bụi toàn phần	TQKT	mg/m ³	1,54	1,06	8 ⁽²⁾

- Vị trí lấy mẫu:

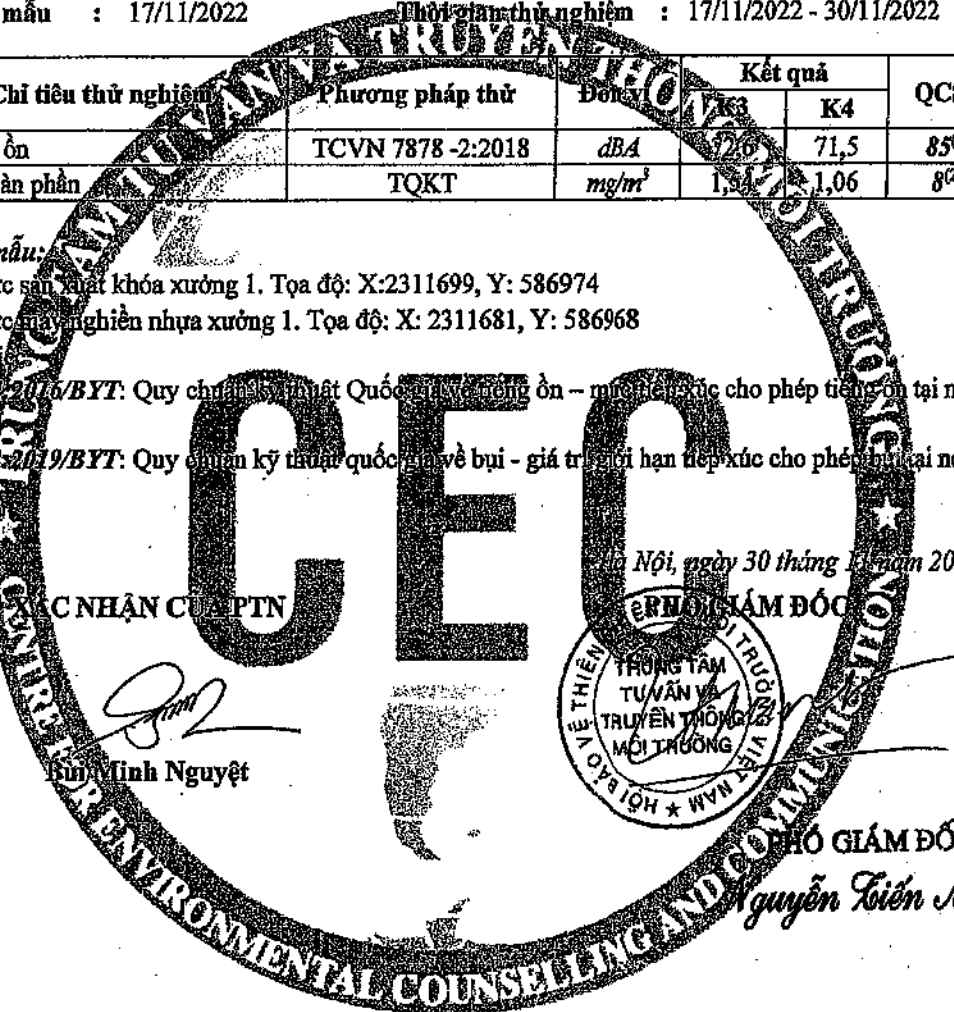
- K3: Khu vực sân đất khóa xưởng 1. Tọa độ: X:2311699, Y: 586974

- K4: Khu vực máy nghiền nhựa xưởng 1. Tọa độ: X: 2311681, Y: 586968

tại nơi làm việc

- ⁽¹⁾ QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc

- ⁽²⁾ QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc



Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

CHỖ NHẬN CỦA PTN

Trần Minh Nguyệt

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

Nguyễn Tiến Minh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4 "-": Không quy định.
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TTS, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.ceca.org.vn>

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_K.241/30.11.2022

Khách hàng : **CÔNG TY TNHH LIHITLAB VIỆT NAM**
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Khí thải
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2022
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2022 - 30/11/2022

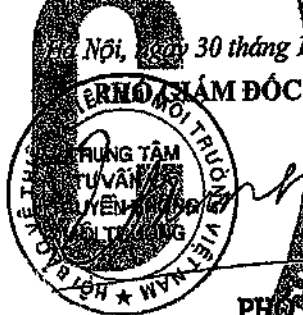
Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả	
				Thực tế	Giới hạn
1	Lưu lượng	US EPA Method 2	m ³ /h	2.840	-
2	Hydrocacbon (Cyclohexan)	PD CEN/TS 13649:2014	mg/Nm ³	KPH (MDL=0,18)	1.300

- Vị trí lấy mẫu: ...
- KTI: Ông khu vực đúc ép nhựa. Tọa độ: X=2313275, Y=587571
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ



CHỖ NHẬN CỦA PTN

Nguyễn Tiến Minh
Nguyễn Tiến Minh



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Tiến Minh

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
VIMCERTS 208 & VILAS 1330**

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh - Quận Đống Đa - TP. Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http: <http://www.cec.vn>



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: KQ_N.242/30.11.2022

Khách hàng : CÔNG TY TNHH LIHITLAB VIỆT NAM
Địa chỉ : Lô đất J13B, J14 và F12A Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
Đơn vị đặt hàng : Công Ty Cổ Phần Tư Vấn Thuận Thiên - Số 3 B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Hải Phòng
Loại mẫu : Nước thải
Thời gian lấy mẫu : 17/11/2022
Thời gian thử nghiệm : 17/11/2022 - 30/11/2022

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Phương pháp thử	Đơn vị	Kết quả		Tiêu chuẩn NHIZ
				NT1	NT2	
1	pH	TCVN 6492:2011	-	6,8	7,3	5 + 9
2	Nhiệt độ	SMEWW 2550B:2017	°C	24,7	23,9	45
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS) ^(a)	TCVN 6625:2000	mg/L	196	184	600
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅) ^(a)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	159	142	500
5	Nhu cầu oxy hóa học COD	SMEWW 5220C:2017	mg/L	286	259	500
6	Amoni (NH ₄ ⁺ -N) ^(a)	TCVN 5088-199	mg/L	5	4	10
7	Tổng Nitơ ^(a)	TCVN 6638:2000	mg/L	17	19	40
8	Tổng Phospho ^(a)	TCVN 6202:2008	mg/L	2,31	3,21	6
9	Thủy ngân (Hg)	SMEWW 3112B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0003)	KPH (MDL=0,0003)	0,01
10	Cadimi (Cd)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0002)	KPH (MDL=0,0002)	0,1
11	Chì (Pb)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,002)	KPH (MDL=0,002)	0,5
12	Asen (As)	SMEWW 3114B:2017	mg/L	KPH (MDL=0,0008)	KPH (MDL=0,0008)	0,1
13	Tổng dầu mỡ ^(b)	SMEWW 5520B:2017	mg/L	4,6	3,6	-
14	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	4.800	3.800	-



- **Vị trí lấy mẫu:**
- **NT1:** Mẫu nước thải thải tại hố ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô J13B, J14.
Tọa độ: X= 2313215 , Y= 587639
- **NT2:** Mẫu nước thải thải tại hố ga cuối đầu nối với hệ thống XLNT của KCN Nomura tại lô F12A.
Tọa độ: X= 2311751 , Y= 586981
- **Tiêu chuẩn NHIZ:** Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào hệ thống xử lý nước thải khu công nghiệp Nomura Hải Phòng
- ^(a): Chỉ tiêu được công nhận theo Vilas 1330;

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
4. "-": Không quy định
5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp

Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022



**TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG**

VIMCERTS 208 & VILAS 1330

Trụ sở chính: Phòng 405 tòa nhà Bộ TN&MT, 85 Nguyễn Chí Thanh – P. Láng Hạ - Q. Đống Đa - Hà Nội
Địa chỉ PTN: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mễ Trì, P. Mễ Trì, Q.Nam Từ Liêm, Hà Nội
ĐT: (84-24) 3237 3961 Http://www.ceca.org.vn

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- (0): Chỉ tiêu thông tư 10/2021/BTNMT và quy chuẩn Việt Nam không quy định, phương pháp thực hiện theo yêu cầu của khách hàng;

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA PTN

Bùi Minh Nguyễn
Bùi Minh Nguyễn



PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Minh
PHÓ GIÁM ĐỐC



1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu tại thời điểm lấy mẫu hoặc gửi mẫu tại phòng thí nghiệm
 2. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không giải quyết việc khiếu nại kết quả xét nghiệm.
 - 4 "-": Không quy định
 5. KPH: Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp
- Lần ban hành: 02 Ngày sửa đổi: 03/10/2022

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP

(Số/No.: 2020/LHL-ĐT/RCN)

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015;
- Căn cứ nghị định 38/2015/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ ngày 24/04/2015 quy định về quản lý chất thải và phế liệu;
- Căn cứ thông tư số 36/2015/TT - BINMT ngày 30/06/2015 V/v "Quản lý chất thải nguy hại";
- Căn cứ nghị định 40/2019/NĐ-CP của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Giấy phép Xử lý chất thải nguy hại Mã số QLCTNH: 1-2-3.041.VX của Bộ Tài nguyên và môi trường cấp cho Công ty TNHH Phát triển thương mại và sản xuất Đại Thăng ngày 16 tháng 08 năm 2019;
- Căn cứ nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 18 tháng 10 năm 2019, Chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM

Đại diện là : Ông Fuminobu Goto Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ : Lô J13B, J14 Khu công nghiệp Nomura, An Hưng, An Dương, TP.Hải Phòng
Điện thoại : 0225.3743.071 Fax: 0225.3743.072
Mã số thuế : 0200607088
Số tài khoản : 10922103869016 VNĐ tại ngân hàng Techcom bank, Hải Phòng

BÊN B: CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT ĐẠI THĂNG

Đại diện : Ông Đoàn Ngọc Hùng Chức vụ: Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Số 318 Tô Hiệu, P.Hồ Nam, Q.Lê Chân, TP. Hải Phòng, Việt Nam
Điện thoại : 0225.3701184 Fax: 0225.3956954
Mã số thuế : 0200504396
Số tài khoản : 0031000230875 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam-Chí nhánh Hải Phòng.
: 3310548 001 tại Ngân hàng Indovinabank chí nhánh Hải Phòng.

Cùng nhau thỏa thuận ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp với các điều khoản sau:

Điều 1: Phạm vi thực hiện hợp đồng

- Bên B đồng ý cung cấp dịch vụ và bên A đồng ý sử dụng dịch vụ của bên B cho việc vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại ra từ quá trình hoạt động của bên A.

Điều 2: Đơn giá và Phương thức thanh toán

2.1 Đơn giá

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ/Kg)
1	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	Kg	2.000

- Nếu tổng khối lượng chất thải trong mỗi lần giao nhận từ 1.500 kg trở lên thì hai bên sẽ áp dụng biểu giá trên.

- Nếu tổng khối lượng chất thải giao nhận trong lần xử lý đó dưới 1.500 kg thì ngoài phí tính dựa trên khối lượng thực tế giao nhận và đơn giá trên, Bên A phải trả cho Bên B một khoản phụ phí cho lần vận chuyển đó là 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.

2.2. Phương thức thanh toán

- Hình thức thanh toán: Chuyển khoản theo tài khoản đã ghi trong hợp đồng.

- Có xác nhận khối lượng của hai bên khi thực hiện và có biên bản tổng hợp khối lượng để làm cơ sở thanh toán.

- Thời hạn thanh toán: Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B chậm nhất 30 ngày sau khi nhận được chứng từ hoá đơn thanh toán đúng và phù hợp với quy định của luật tài chính hiện hành.

Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của bên A

3.1. Bên A có các quyền sau

- Yêu cầu bên B đưa phương tiện vận chuyển đến địa điểm tập kết, lưu giữ chất thải của bên A vào thời gian theo yêu cầu của bên A để vận chuyển chất thải công nghiệp về khu xử lý.

3.2. Bên A có các nghĩa vụ sau

- Bên A có trách nhiệm hỗ trợ bên B đưa những bao đựng chất thải nặng (nếu có) lên xe của bên B.

- Cùng bên B xác định khối lượng chất thải được vận chuyển và xử lý làm cơ sở cho việc thanh toán.

04
NG
MI
HI
SÁI
T
IN - 0220
C
ÁCH
MI
VI
VIỆT

000
NG
MI
HI
VI
VIỆT
NGHI

- Thanh toán tiền dịch vụ vận chuyên, xử lý chất thải đầy đủ và đúng hạn theo hợp đồng và phụ lục hợp đồng (nếu có).
- Chứa các chất thải vào các dụng cụ chứa đựng hợp vệ sinh.
- Đảm bảo loại chất thải giao cho bên B xử lý phải đúng chủng loại đã ghi tại Điều 1 của hợp đồng này. Trong trường hợp có thay đổi về loại chất thải thì bên A phải thông báo trước cho bên B để có phương án xử lý và áp lại giá theo Quy định.
- Trường hợp khối lượng vận chuyên - xử lý có phát sinh lớn thì bên A phải thông báo trước cho bên B ít nhất 03 ngày để bên B có phương án phục vụ và bổ sung Phụ lục hợp đồng.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của bên B

4.1. Bên B có các quyền sau

- Yêu cầu bên A chứa đựng, tập kết chất thải đúng theo yêu cầu tiêu chuẩn kỹ thuật, đúng vị trí quy định, không gây ô nhiễm môi trường, mất mỹ quan đô thị.
- Yêu cầu bên A khắc phục các trở ngại để bên B thực hiện công việc vận chuyên - xử lý chất thải được nhanh chóng, thuận lợi.

4.2. Bên B có các nghĩa vụ sau

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ sắp xếp công nhân, xe vận chuyên đạt tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành, vận chuyên - xử lý chất thải theo các quy định về môi trường của Pháp luật.

+ Về thời gian: Theo yêu cầu của bên A

+ Địa điểm tại: Địa điểm quy định của bên A - Lô J13B và J14 Khu công nghiệp Nomura, An Hưng, An Dương, Hải Phòng.

- Cùng bên A xác định khối lượng chất thải vận chuyên và xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán.
- Khi ngừng cung cấp dịch vụ vì lý do sự cố, phải thông báo cho bên A trong vòng 24 giờ bằng điện thoại hoặc các phương tiện thông tin khác.
- Tiếp nhận và giải quyết các kiến nghị, yêu cầu của bên A về các vấn đề liên quan đến việc cung cấp dịch vụ môi trường đã được thoả thuận tại hợp đồng này và theo các quy định hiện hành.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

Điều 5: Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ nội dung ghi trong bản hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Nếu có vấn đề gì phát sinh thì hai bên phải thông báo cho nhau, để cùng bàn bạc và đi đến thống nhất có lợi cho cả hai bên.

Y
C
C
H
H
C
C
K
U
A
T
A
N
G
H
A
Y
V
H
A
L
A
I
N
A
M
N
O
M
U
R
A

B.T.A
J.H.A
A.B.
J.A.M
Y.O.M.U.R.A

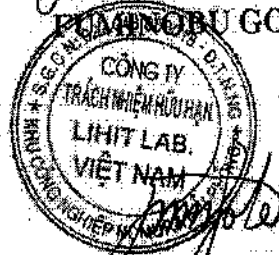
- Trong trường hợp không giải quyết được vấn đề tranh chấp thì vấn đề sẽ được đưa ra xét xử tại toà án có thẩm quyền tại Thành phố Hải Phòng. Phán quyết của toà án là cuối cùng và hai bên phải thực hiện. Phí xét xử do bên thua kiện chịu.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng.

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2023. Trong trường hợp hợp có phát sinh hai bên sẽ thống nhất bổ sung bằng các phụ lục hợp đồng.
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.



TỔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO



TỔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO

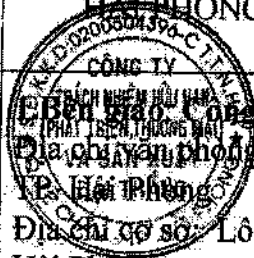


TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Hùng

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẮN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số:06/2022



Bên giao: Công ty TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM
Địa chỉ văn phòng: Lô J13B, J14 Khu công nghiệp Nomura, An Hưng, An Dương,
ĐT: 0225.2743.071
Địa chỉ cơ sở: Lô J13B, J14 Khu công nghiệp Nomura, An Hưng, An Dương, TP.
Hải Phòng
ĐT: 0225.2743.071

2. Bên nhận: Công ty TNHH PTTM & SX Đại Thăng

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố
Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: 0225. 3701184

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện
Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: 0225. 3701184

3. Khối lượng:

TT	Các loại chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
2	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	1.565	
	Tổng khối lượng	1.565	

**4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông
tin ở mục 1-3**

Hải Phòng, ngày 01 tháng 06 năm 2022

Hải Phòng, ngày 01 tháng 06 năm 2022

BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Dung
Nguyễn Thị Thu Dung

BÊN NHẬN

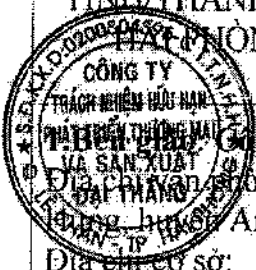
(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Mai
Phạm Thanh Mai

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI PHÒNG

**BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI RẠN CÔNG
NGHIỆP THÔNG THƯỜNG**

Số: 12/2022



Công ty TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: Lô đất J13B, J14 Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng, xã An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225.2743.071
Địa chỉ cơ sở: Lô đất J13B, J14 Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng, Việt NamĐT: 0225.2743.071

2. Bên nhận: Công ty TNHH PTTM & SX Đại Thăng

Địa chỉ văn phòng: Số 318 Tô Hiệu, phường Hồ Nam, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: 0225. 3701184

Địa chỉ cơ sở xử lý: Lô CN04, Khu công nghiệp Nam Cầu Kiền, xã Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, Việt Nam
ĐT: 0225. 3701184

3. Khối lượng:

TT	Các loại chất thải	Khối lượng (kg)	Ghi chú
2	Chất thải công nghiệp không chứa thành phần nguy hại	1.522	
	Tổng khối lượng	1.522	

4. Bên giao, Bên nhận xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-3

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2022

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2022

BÊN GIAO

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Dung

Nguyễn Thị Thu Dung

BÊN NHẬN

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu nếu có)

Mai

Phạm Thanh Mai

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

===== SOGR =====

HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ

(Số: 2020/TV- LIHITLAB)

- Căn cứ Bộ Luật dân sự năm 2015 của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Bộ Luật Thương mại số 36/2005/QH ngày 14 tháng 06 năm 2005.
- Căn cứ Bộ Luật Bảo vệ môi trường số 55/2014/QH 13 ngày 23 tháng 06 năm 2014.
- Căn cứ quyết định 386/QĐ-BQL ngày 29/05/2009 của BQL KKT Hải Phòng, về việc ban hành quy định quản lý việc mua bán phế liệu còn giá trị thương mại tại các DN KCN, KKT trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, năng lực và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 20 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Công ty TNHH LIHITLAB Việt Nam, chúng tôi gồm có :

BÊN A: CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM

Đại diện : Ông FUMINOBU GOTO Chức vụ: Tổng giám đốc
Địa chỉ : Lô J13B và J14 KCN Nômura - An Hưng - An Dương - Hải Phòng
Điện thoại : 0225.3743.071 Fax: 0225.3743.072

Mã số thuế : 0200.607.088

Tài khoản số : 109.22103869.01.6 tại NH Techcom Bank (số 5 Lý Tự Trọng - Hải Phòng)

BÊN B: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ SẢN XUẤT THỊNH VƯỢNG

Đại diện : Ông ĐOÀN NGỌC TUẤN Chức vụ : Tổng Giám đốc
Địa chỉ : Khu đoạn đường sông cầu An Đồng, xã An Đồng, huyện An Dương, TP.Hải Phòng, Việt Nam.

Điện thoại : 0225.3570.842 Fax: 0225.3956.954

Mã số thuế : 0200623160

Tài khoản số : 3313833-001 VNĐ tại ngân hàng INDOVINA BANK Hải Phòng

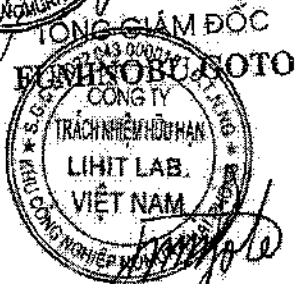
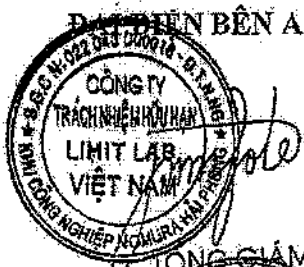
Hai bên thống nhất, bên A đồng ý bán và bên B đồng ý mua toàn bộ phế liệu còn giá trị thương mại phát sinh trong quá trình sản xuất, quá trình nhập khẩu nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, công cụ dụng cụ mà bên A không còn nhu cầu sử dụng với các điều khoản sau:

Điều 1 : Tên hàng, số lượng, đơn giá, trị giá.

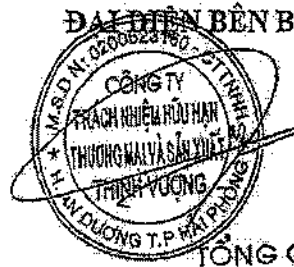


Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2020 và có giá trị đến hết ngày 31/12/2023. Trong trường hợp có phát sinh hai bên sẽ thống nhất bổ sung bằng các phụ lục hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị như nhau, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản, 01 bản đăng ký ban quản lý khu kinh tế Hải Phòng, 01 bản đăng ký Hải quan Khu chế xuất & Khu công nghiệp Hải Phòng.



TỔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO



TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Ngọc Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

====o0o====

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

Số: 268 /2022/HĐXLCT

Về việc “Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại”

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân Sự số: 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ vào Bộ luật thương mại số: 36/2005/QH11 của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam ban hành ngày 27/06/2005.

- Căn cứ vào luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 đã được Quốc hội khóa 14, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2022.

- Căn cứ Nghị định số: 08/2022/NĐ – CP của chính phủ ngày 10/01/2022 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Căn cứ Thông tư số: 02/2022/TT-BTNMT, ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

- Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH có 02 thành viên trở lên của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng được thay đổi lần 7 ngày 12/05/2020.

- Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số QLCTNH: 1- 2- 3.073.VX của Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng được Bộ tài nguyên Môi trường cấp ngày 02/08/2021.

- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH Lihit lab. Việt Nam và khả năng của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng.

Hôm nay, ngày 01 tháng 06 năm 2022, Tại Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô J13B, J14 Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng, xã An Hưng, huyện An Dương, TP. Hải Phòng, Việt Nam.

Mã số thuế : 0200607088

Đại diện : Ông Fuminobu Goto

Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TOÀN THẮNG

Địa chỉ : Thôn My Sơn – xã Ngũ Lão – huyện Thủy Nguyên TP Hải Phòng

Điện thoại : 02253.875.413

Fax: 02253.875.413

Mã số thuế : 0200575090

Số TK : 21252112055

Tại : Ngân hàng Agribank - chi nhánh Trần Phú Hải Phòng.

Đại diện : Bà Phạm Thị Toan

Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi bàn bạc thỏa thuận hai bên cùng thống nhất kí hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại với những nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung công việc

1.1. Bên A đồng ý giao cho bên B thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của bên A.

1.2. Bên B thu gom, vận chuyển các loại chất thải nguy hại (có mã số quản lý chất thải nguy hại phù hợp với Giấy phép xử lý chất thải nguy hại của bên B đã được Bộ tài nguyên Môi trường cấp) và việc thu gom vận chuyển của bên B phải theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

1.3. Quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải Bên B phải đảm bảo các điều kiện thực hiện dịch vụ dưới đây:

1.3.1. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại khu lưu trữ chất thải của bên A.

1.3.2. Địa điểm lưu giữ và xử lý: Tại Nhà máy xử lý chất thải của Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng có địa điểm tại Khu vực Phía Tây Núi Thần Vi, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, TP Hải Phòng.

1.3.3. Thời gian giao nhận: Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển và xử lý, tiêu hủy chất thải theo lịch yêu cầu của bên A, nhưng phải đảm bảo thời gian để bên B bố trí được nhân lực và phương tiện.

1.3.4. Số lượng hàng hóa:

- Căn cứ vào lượng phát sinh chất thải của chủ nguồn thải nhưng đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển cho bên B.

1.3.5. Phương tiện thu gom và vận chuyển:

- Nhanh chóng bố trí phương tiện vận chuyển, nhân lực thu gom khi có yêu cầu bàn giao chất thải và thông báo cho bên A thời gian đến nhận chất thải.

- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định ra vào cơ quan, nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường trong suốt quá trình làm việc tại địa bàn bên A. Đồng thời chịu trách nhiệm nếu xảy ra sự cố cháy nổ, gây tai nạn lao động, ô nhiễm môi trường trước bên A và pháp luật.

- Thực hiện nhận bàn giao CTNH từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển CTNH bằng phương tiện chuyên dụng đã được cấp phép theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đảm bảo đúng các quy định về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải và bảo vệ môi trường của Việt Nam.

- Xác nhận chứng từ CTNH cho bên A khi đã hoàn thành trách nhiệm của mình.

Điều 4: Điều khoản chung:

Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có gì vướng mắc kịp thời thông báo cho nhau, cùng bàn bạc tìm cách giải quyết trên cơ sở hợp tác đảm bảo lợi ích của hai bên. Trường hợp có tranh chấp không tự giải quyết được sẽ khiếu nại tới tòa án kinh tế Hải Phòng để giải quyết. Phán quyết của tòa án kinh tế là quyết định cuối cùng buộc các bên phải thực thi. Chi phí cho việc giải quyết tranh chấp vượt phạm vi phạm hợp đồng và hậu quả kinh tế phát sinh do bên vi phạm hợp đồng chịu.

Điều 5: Hiệu lực hợp đồng

- Thời hạn hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực một năm từ ngày ký đến hết ngày 01/06/2023.

- Khi hết hạn hợp đồng thì hai bên gặp nhau để gia hạn hợp đồng hoặc hợp đồng tự thanh lý sau khi mỗi bên đã hoàn thành trách nhiệm đối với bên kia.

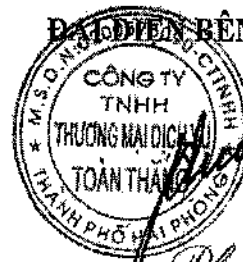
- Hợp đồng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A



**GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO**

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Loan



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
===== & =====

BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam và Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng về việc "thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải".

Hôm nay, ngày 25/06/2022 khu lưu giữ chất thải của bên A. Chúng tôi cùng giao nhận chất thải nguy hại :

Đại diện bên A: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam

Địa chỉ VP/CS: Lô J13B, Lô J14, Khu công nghiệp Nomura- Hải Phòng, An Hưng, An Dương, TP. Hải Phòng.

Ông/Bà: *Phạm Thị Mai Phương*

- Chức vụ: *Quản lý nhà máy*

Đại diện bên B: Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng

Địa chỉ VP: Thôn Mỹ Sơn, Xã Ngũ Lão, H. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

Địa chỉ CS: Phía Tây Bắc núi Thần VI, TT. Minh Đức, H. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

Ông/Bà: Trần Văn Hồng

- Chức vụ: Lái xe

Cùng nhau xác nhận:

1. Bên B đã thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại sạch sẽ đảm bảo vệ sinh môi trường ra khỏi đơn vị theo đúng thời gian quy định.

2. Tổng khối lượng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đvt	Khối lượng	Phương tiện vận chuyển
1	Dầu thải	07 03 05	Kg	170	15C- 13251
2	Bóng đèn thải	16 01 06	Kg	30	
3	Bao bì thải	18 01 01	Kg	30	
4	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	5	
5	Giẻ lau, mùn cưa thấm dầu	18 02 01	Kg	57	
6	Bã keo thải	08 03 01	Kg	8	

Hai bên cùng nhất trí việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên.

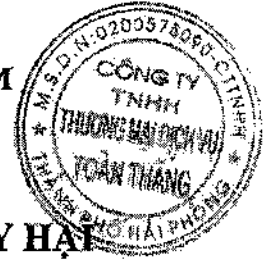
Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Phạm Thị Mai Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B

Trần Văn Hồng



BIÊN BẢN GIAO NHẬN CHẤT THẢI NGUY HẠI

Căn cứ hợp đồng kinh tế giữa Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam và Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng về việc "thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải".

Hôm nay, ngày 26/11/2022 khu lưu giữ chất thải của bên A. Chúng tôi cùng giao nhận chất thải nguy hại :

Đại diện bên A: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam

Địa chỉ VP/CS: Lô J13B, Lô J14, Khu công nghiệp Nomura- Hải Phòng, An Hưng, An Dương, TP. Hải Phòng.

Ông/Bà: *Phạm Thị Mai Phương* - Chức vụ: *QL. nhà...dầu.*

Đại diện bên B: Công ty TNHH TMDV Toàn Thắng

Địa chỉ VP: Thôn My Sơn, Xã Ngũ Lão, H. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

Địa chỉ CS: Phía Tây Bắc núi Thần Vi, TT. Minh Đức, H. Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.

Ông/Bà: Trần Văn Hồng - Chức vụ: Lái xe

Cùng nhau xác nhận:

1. Bên B đã thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại sạch sẽ đảm bảo vệ sinh môi trường ra khỏi đơn vị theo đúng thời gian quy định.

2. Tổng khối lượng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải như sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Đvt	Khối lượng	Phương tiện vận chuyển
1	Dầu thải	07 03 05	Kg	40	15C- 13251
2	Bóng đèn thải	16 01 06	Kg	66	
3	Bao bì thải	18 01 01	Kg	9	
4	Hộp mực in thải	08 02 04	Kg	4	
5	Giẻ lau, mùn cưa thấm dầu	18 02 01	Kg	58	
6	Bã keo thải	08 03 01	Kg	11	

Hai bên cùng nhất trí việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên.

Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

Phương

Phạm Thị Mai Phương

ĐẠI DIỆN BÊN B

H
Trần Văn Hồng

TỈNH/THÀNH PHỐ **HẢI PHÒNG** **CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
 Số: 314/2022/1-2-3.073.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH 1-2-3.073.VX
 Địa chỉ văn phòng: My Sơn, Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng ĐT: 02253.875.413
 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Phố Tây bắc núi Thần Vi, Thị trấn Minh Đur, Thủy Nguyên Hải Phòng ĐT: 02253.875.413

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Lihit Lab . Việt Nam Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 31.000489.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô J13B, Lô J14, Khu công nghiệp Nomura- Hải Phòng, An Hưng, An Dương, Hải Phòng ĐT:
 Địa chỉ cơ sở: Lô J13B, Lô J14, Khu công nghiệp Nomura- Hải Phòng, An Hưng, An Dương, Hải Phòng ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu thải		x		07 03 05	170	TC
2	Bóng đèn thải	x			16 01 06	30	ĐX
3	Bao bì thải	x			18 01 01	30	TC
4	Hộp mực in thải	x			08 02 04	5	TĐ
5	Giẻ lau, mùn của thấm dầu	x			18 02 01	57	TĐ
6	Bã keo thải	x			08 03 01	8	TĐ


* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chia/loại/kết tủa); Oxi (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).


5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
 Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 13C- 13251

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Văn Hồng Ký: Ngày: 25/06/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 Hải Phòng, ngày 25 tháng 06 năm 2022
 Chức danh người ký
 (Chữ ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

 TÔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO

Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
 Hải Phòng, ngày 30 tháng 6... Năm 2022
 Chức danh người ký
 (Chữ ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Loan

* Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG **CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI**
 Số: 620.../2022/1-2-3.073.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH thương mại dịch vụ Toàn Thắng Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH 1-2-3.073.VX
 Địa chỉ văn phòng: My Sơn, Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng ĐT: 02253.875.413
 Địa chỉ cơ sở/dại lý: Phía Tây bắc núi Thần VI, Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên Hải Phòng ĐT: 02253.875.413

2. Chủ CS DV XLCTNH 2: Số Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):
 Địa chỉ văn phòng: ĐT:
 Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam Giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH: 31.000489.T
 Địa chỉ văn phòng: Lô J13B, Lô J14, Khu công nghiệp Nomura- Hải Phòng, An Hưng, An Dương, Hải Phòng ĐT:
 Địa chỉ cơ sở: Lô J13B, Lô J14, Khu công nghiệp Nomura- Hải Phòng, An Hưng, An Dương, Hải Phòng ĐT:

4. Kế khai CTNH chuyên giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Dầu thải		x		07 03 05	40	TC
2	Bóng đèn thải	x			16 01 06	66	ĐX
3	Bao bì thải	x			18 01 01	9	TC
4	Hộp mực in thải	x			08 02 04	4	TĐ
5	Giẻ lau, mìn cưa thấm dầu	x			18 02 01	58	TĐ
6	Bã keo thải	x			08 03 01	11	TĐ


* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).


5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập:
 Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
 Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 15C- 13251

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Văn Hồng Ký: Ngày: 26/11/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)
 Hải Phòng, ngày 26 tháng 11 năm 2022
 Chức danh người ký
 (Chữ ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

 CÔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4
 Hải Phòng, ngày 28 tháng 11 năm 2022
 Chức danh người ký
 (Chữ ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

 GIÁM ĐỐC
Phạm Thị Loan

*Liên số: 1□- 2□- 3□- 4□
 Ghi chú :(ghi rõ trong trường hợp lỡ CTNH trong chứng tử không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

Số: 93 /SDK - STNMT

**SỐ ĐĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 31.000489.T

Đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 8 năm 2011

I- Thông tin chung về chủ nguồn thải CTNH:

Tên chủ nguồn thải: **CÔNG TY TNHH LIHIT LAB.VIỆT NAM**

Địa chỉ văn phòng: Lô J-14, Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.743071

Fax: 0313.743072

Tài khoản số: 3018690-001 tại Ngân hàng Indovina Bank Hải Phòng.

Giấy chứng nhận đầu tư số: 022043000018, chứng nhận đăng ký lại ngày 19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/4/2010 tại Ban quản lý Khu kinh tế Hải Phòng.

II- Nội dung đăng ký: Chủ nguồn thải CTNH đã đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo Danh sách chất thải nguy hại và chất thải thông thường theo Phụ lục kèm theo.

III- Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1- Tuân thủ các quy định khác tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường có liên quan.

2- Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3- Định kỳ 06 (sáu) tháng một lần, lập báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải nguy hại gửi Chi cục Bảo vệ môi trường Hải Phòng theo mẫu tại Phụ lục 4 (A) Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

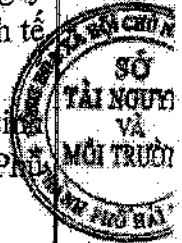
4- Chủ nguồn thải CTNH phải đăng ký cập lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại đến Sở Tài nguyên và Môi trường một trong các trường hợp sau:

- Thay đổi, bổ sung về loại hoặc tăng từ 15% trở lên đối với số lượng CTNH đã đăng ký;

- Thay đổi địa điểm cơ sở phát sinh CTNH trong phạm vi một tỉnh nhưng không thay đổi chủ nguồn thải CTNH hoặc thay đổi chủ nguồn thải nhưng không thay đổi địa điểm cơ sở;

- Bổ sung thêm cơ sở phát sinh CTNH hoặc giảm các cơ sở đã đăng ký;

- Thay đổi, bổ sung công trình bảo vệ môi trường để tự xử lý chất thải nguy hại phát sinh nội bộ;



- Phát hiện việc kê khai không chính xác khi đăng ký chủ nguồn thải CTNH so với thực tế hoạt động.

IV- Điều khoản thi hành:

Số đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận

- Chủ cơ sở;
- BPTN&TKQ Sở;
- CCBVMTHP (02);
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
CHỖ GIÁM ĐỐC
SỞ
TÀI NGUYÊN
VÀ
MÔI TRƯỜNG
Phùng Văn Thanh



PHỤ LỤC

(Kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH 31.000489.T
đăng ký lần đầu ngày 04/08/2011 tại Sở Tài nguyên và Môi trường
cho Công ty TNHH Lihit Lab.Việt Nam)

1- Cơ sở phát sinh CTNH

Tên cơ sở phát sinh CTNH: Công ty TNHH Lihit Lab.Việt Nam.

Địa chỉ cơ sở: Lô J-14, Khu công nghiệp Nomura - Hải Phòng, huyện An
Dương, thành phố Hải Phòng.

Điện thoại: 0313.743071

Fax: 0313.743072

Giấy chứng nhận đầu tư số: 022043000018, chứng nhận đăng ký lại ngày
19/12/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 07/4/2010 tại Ban quản lý Khu kinh tế
Hải Phòng.


2- Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Giẻ lau máy móc dính dầu	Rắn	36,0	18 02 01
2	Dầu thải	Lỏng	48,0	07 03 05
3	Hộp mực in thải	Rắn	2,4	08 02 04
4	Bã keo thải	Rắn	24,0	08 03 01
5	Bóng đèn Neon	Rắn	24,0	16 01 06
6	Vỏ bao bì đựng hóa chất	Rắn	12,0	18 01 01
Tổng số lượng			146,4	

3- Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn, lỏng, bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)
1	Chất thải sinh hoạt	Rắn	18.000
2	Chất thải sản xuất	Rắn	24.000
Tổng số lượng			42.000

4- Bộ hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:

Bộ hồ sơ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại của Công ty TNHH Lihit
Lab.Việt Nam "kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải CTNH có Mã số QLCTNH:
31.000489.T đăng ký lần đầu ngày 04/8./2011 tại Sở Tài nguyên và Môi trường"
được Sở Tài nguyên và Môi trường đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai
là bộ phận không thể tách rời kèm theo Sổ đăng ký này. 

quê cũ

BỘ CÔNG AN
CÁTP. HẢI PHÒNG
Số: 448/TĐ-PCCC (K.F.)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004 - ln 2007

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 1211/CV ngày 12/11/2009.

của: Công ty TNHH LIHIT LAB Việt Nam.
Người đại diện là ông/ bà: Naomichi Sugimoto Chức danh: Tổng giám đốc.
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC-CÁTP. HẢI PHÒNG

CHỨNG NHẬN:

(2) CÔNG TRÌNH: CẢI TẠO HỆ THỐNG BÁO CHÁY TỰ ĐỘNG

Địa điểm: Lô J14B Khu công nghiệp Nomura, Hải Phòng

Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH LIHIT LAB Việt Nam

Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty Cổ phần đầu tư An Bình

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1. Hệ thống báo cháy tự động

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3)

1. Phải thiết kế tiếp đất bảo vệ cho Trung tâm báo cháy tự động.

2. Hệ thống báo cháy tự động phải được kiểm tra thi công và nghiệm thu về PCCC trước khi đưa vào hoạt động.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư.

- C23-BCA

- Lưu PC23.

Hải Phòng ngày 16 tháng 11 năm 2009

(4) TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC



TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

Phong tá H.S. Đoàn Văn Nho

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới.
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BIÊN BẢN

NGHIỆM THU PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

HẠNG MỤC: hệ thống báo cháy tự động
CÔNG TRÌNH: Nhà xưởng cũ Cty TNHH Lihitlab. Việt Nam
Hồi 15 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 12 năm 2009
Tại: Công ty TNHH Lihitlab. Việt Nam
Địa điểm: Lô J14-B – KCN Nomura Hải Phòng

* Chúng tôi gồm có:

1. ĐẠI DIỆN PHÒNG SẢNH SÁT PCCC CÔNG AN TP HẢI PHÒNG

Ông : Hoàng Văn Bình - Chức vụ: Trung tá - Đội trưởng Kiểm tra AT PCCC

Ông : - Chức vụ:

2. ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ CÔNG TY TNHH LIHITLAB VIỆT NAM

Ông : *Naomichi Sugimoto* Chức vụ: *Chủ tịch HĐQT*

Ông : *Nguyễn Văn Tuấn* Chức vụ: *phó giám đốc kỹ thuật*

Ông : *Nguyễn Thanh An* Chức vụ: *phụ trách H.C.C.B.T.*

3. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG : CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ AN BÌNH

Ông : Nguyễn Mạnh Khu - Chức vụ: Giám đốc

Ông : Nguyễn Văn Lâm - Chức vụ: Kỹ thuật

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về: hệ thống báo cháy tự động, đèn thoát nạn, đèn sự cố - thuộc công trình: Nhà xưởng cũ – Cty TNHH Lihitlab. Việt Nam - Địa điểm: Lô J14B KCN Nomura Hải Phòng. Qua kiểm tra hồ sơ thiết kế và xem xét thực tế tại công trình, đối chiếu với những quy định, tiêu chuẩn của Nhà nước trong lĩnh vực PCCC, chúng tôi thấy:

I. Về hồ sơ thiết kế:

Đã có hồ sơ thiết kế bản vẽ kỹ thuật thi công trình thẩm duyệt và đã được cơ quan cảnh sát PCCC Công an Tp. Hải Phòng thẩm duyệt tại văn bản số: 148/TĐ-PCCC (KT) ngày 16 tháng 11 năm 2009.

II. Thực tế tại công trình:

1. Hệ thống báo cháy tự động: gồm 05 kênh kết hợp với các tổ hợp chuông đèn nút ấn báo khẩn đã được lắp đặt đúng theo thiết kế. Qua kiểm tra chạy thử hệ thống hoạt động tốt, tín hiệu đầu báo truyền về tủ trung tâm tốt đúng địa chỉ, các tổ hợp chuông đèn nút ấn tay hoạt động tốt. Kiểm tra hệ thống đèn chỉ dẫn thoát nạn và đèn chiếu sáng sự cố hoạt động tốt.

III. Kết luận:

Hệ thống báo cháy tự động, đèn thoát nạn, đèn sự cố - thuộc công trình: Nhà xưởng cũ – Cty TNHH Lihitlab. Việt Nam - Địa điểm: Lô J14B KCN Nomura Hải Phòng đủ điều kiện để đưa vào khai thác, sử dụng.

Biên bản lập xong hồi 16 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 12 năm 2009 gồm 01 trang được lập thành 03 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN
CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
ĐƠN VỊ THI CÔNG
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC
(Ký tên, đóng dấu)



Naomichi Sugimoto
TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Mạnh Khu
GIÁM ĐỐC

Hoàng Văn Bình

Trung tá: Hoàng Văn Bình

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
 - Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
 - Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
 - Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 01/2010/GN ngày 03/12/2010 của: Công ty TNHH Lihitlab Việt Nam
- Người đại diện là ông/ bà: Naomichi Sugimoto Chức danh: Tổng giám đốc

(1) PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

CHỨNG NHẬN:

(2) CÔNG TRÌNH: NHÀ XƯỞNG SẢN XUẤT VÁN PHÒNG PHẨM
Địa điểm: Khu công nghiệp Nomura Hải Phòng
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Lihitlab Việt Nam
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty TNHH thiết bị cảnh báo Thành Công

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

1. Lối thoát nạn, hệ thống chống sét, thông gió.
2. Hệ thống cấp nước chữa cháy bên trong.
3. Hệ thống chữa cháy di động, hệ thống báo cháy tự động.
4. Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.

theo các tài liệu; bản vẽ ghi ở trang 2

Các yêu cầu kèm theo: (3)

1. Thi công theo đúng thiết kế đã được thẩm duyệt.
2. Công trình phải được cơ quan Cảnh sát PCCC- CATP Hải Phòng kiểm tra thi công và nghiệm thu trước khi đưa vào sử dụng.

Hải Phòng, ngày 21 tháng 12 năm 2010



Thượng tá: Phạm Việt Dũng

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông có gắn (3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

BIÊN BẢN

**Hợp rút kinh nghiệm thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ
phối hợp nhiều lực lượng tại Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam**

Thực hiện Kế hoạch số 2770/KH-PC07-Đ3 ngày 15/11/2022 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng về việc thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam.

Vào hồi 15 giờ 30 phút, ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam.

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Nomura Hải Phòng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

Chúng tôi gồm:

*** Đại diện Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH – Công an thành phố Hải Phòng:**

1. Đ/c Thượng tá Nguyễn Anh Tuấn - Phó trưởng phòng PC07;
2. Đ/c Trung tá Bùi Xuân Hoàn - Phó đội trưởng Đội 3-PC07;
3. Đ/c Thượng úy Tống Thị Mai - Phó đội trưởng Đội KV2-PC07;
4. Đ/c Đại úy Hoàng Thế Vinh - Cán bộ Đội 3 - Người ghi biên bản.

*** Đại diện Đội PCCC chuyên ngành KCN Nomura Hải Phòng:**

1. Ông Vũ Xuân Định - Đội trưởng đội PCCC chuyên ngành KCN Nomura Hải Phòng.

*** Đại diện Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam:**

1. Ông: Fuminobu Goto - Tổng giám đốc
2. Bà: Đỗ Thị Liên - Thư ký tổng giám kiêm phiên dịch
3. Ông: Đỗ Văn Mạnh - Đội Trưởng đội PCCC và CNCH
4. Ông: Phạm Văn Dương - Đội phó đội PCCC và CNCH
5. Ông: Bùi Đình Châm - Đội phó đội PCCC và CNCH
6. Ông: Nguyễn Đức Chảo - Đội phó đội PCCC và CNCH

Cùng đại diện Chỉ huy các lực lượng tham gia thực tập.

Tiến hành hợp rút kinh nghiệm thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phối hợp nhiều lực lượng tại Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam với nội dung như sau:

- **Tình huống giả định:** Vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 25/11/2022, xảy ra cháy tại Kho Thành phẩm (Nhà 01 tầng) thuộc Công ty TNHH Lihit lab. Việt Nam.

- **Điểm xuất phát cháy:** Cháy tại giữa khu vực nhà kho

- **Nguyên nhân:** Do chập điện.

- Chất cháy: Giấy, bìa cattong, gỗ, nilong, thiết bị điện,...

- Hướng gió: Đông Bắc.

- Diện tích đám cháy: Khoảng 200 m²

- Diễn biến đám cháy: Đám cháy xảy ra trong giờ làm việc và phát triển nhanh theo diện tích bề mặt. Hệ thống báo cháy, chữa cháy tự động không hoạt động do đang sửa chữa, bảo dưỡng. Lực lượng, phương tiện chữa cháy tại chỗ của cơ sở triển khai chữa cháy ban đầu không hiệu quả, đám cháy tiếp tục phát triển và có nguy cơ cháy lan sang các khu vực xung quanh. Sau thời gian bị khói, khí độc bao trùm, 03 công nhân bị thương và bị mắc kẹt trong khu vực cháy, 05 công nhân bị thương trong quá trình tổ chức chữa cháy, di chuyển tài sản. Khi Phòng PC07 đến, đám cháy đang phát triển với diện tích khoảng 200 m².

Lực lượng tham gia thực tập bao gồm: Toàn bộ lực lượng PCCC cơ sở; 300 CBCNV tham gia thoát nạn, 01 xe chữa cháy Đội PCCC chuyên ngành KCN Nomura Hải Phòng; 01 xe chỉ huy; 01 xe chữa cháy Đội chữa cháy và CNCH Khu vực Kiến An; 01 xe CNCH của Đội công tác chữa cháy & cứu nạn, cứu hộ.

Đến hồi 15 giờ 25 ngày 25 tháng 11 năm 2022, các lực lượng tham gia thực tập đã hoàn thành các nội dung theo đúng Kế hoạch đề ra.

1. Ý kiến của đại diện cơ sở: Ông Fuminobu Goto - Tổng giám đốc Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam:

- Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam luôn quan tâm đến công tác PCCC: duy trì và làm tốt công tác tự kiểm tra, công tác tuyên truyền về PCCC cho cán bộ, công nhân viên; trang bị và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các phương tiện, trang thiết bị PCCC theo quy định... Luôn chấp hành tốt các quy định về an toàn PCCC cũng như các kiến nghị của cơ quan quản lý Nhà nước về công tác PCCC.

- Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố Hải Phòng đã phối hợp với Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập phương án chữa cháy, cứu nạn cứu hộ phối hợp nhiều lực lượng tại Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam đảm bảo đáp ứng yêu cầu đề ra và đảm bảo an toàn cho các lực lượng, phương tiện tham gia thực tập phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Tôi mong muốn trong thời gian tới Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an thành phố tiếp tục quan tâm, giúp đỡ Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam về công tác PCCC&CNCH.

2. Ý kiến của đại diện chỉ huy đội chữa cháy và CNCH Khu vực Kiến An (KV2-PC07):

- Đội PCCC cơ sở cần tiếp tục tham mưu giúp lãnh đạo Công ty xây dựng kế hoạch và tự tổ chức thực tập phương án chữa cháy và CNCH với các tình huống khác nhau tại Công ty để CBCNV có thể nắm được quy trình cứu chữa ban đầu một vụ cháy.

3. Ý kiến của Chỉ huy thực tập:

- Trước hết tôi biểu dương các lực lượng tham gia thực tập nêu cao tinh thần trách nhiệm, thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả các nhiệm vụ được phân công, buổi thực tập diễn ra an toàn, thành công.

- Thông qua buổi thực tập cho thấy, Lãnh đạo Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam đã thực sự quan tâm và thực hiện nghiêm túc công tác PCCC và CNCH; phối hợp tốt với các lực lượng thuộc Công an thành phố thực hiện tốt các nhiệm vụ được phân công theo đúng kế hoạch đã đề ra, qua đó nâng cao ý thức, kiến thức về công tác PCCC & CNCH cho người quản lý, cán bộ nhân viên trong công ty về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác PCCC, CNCH và quy trình xử lý, ứng phó khi có sự cố cháy, nổ xảy ra.

- Công tác chỉ huy, điều hành và sự phối hợp giữa các lực lượng đảm bảo hiệu quả, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác chữa cháy và CNCH.

* Sau buổi thực tập, tôi đề nghị các đơn vị triển khai một số nhiệm vụ sau:

1. Đề nghị Lãnh đạo Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam tiếp tục quan tâm chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc công tác PCCC & CNCH; rà soát, kiểm toán, lực lượng, phương tiện theo quy định, tổ chức tập luyện thường xuyên đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác PCCC & CNCH tại Công ty.

2. Các lực lượng tham gia thực tập kiểm tra tình trạng các trang, thiết bị PCCC và CNCH phục vụ công tác thường trực sẵn sàng chiến đấu. Sau buổi thực tập, các đơn vị tham gia thực tập tổ chức họp rút kinh nghiệm nội bộ để đánh giá ưu, nhược điểm, hoàn thiện kỹ, chiến thuật đáp ứng yêu cầu công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố trong tình hình mới.

* **Đánh giá:** Đạt yêu cầu.

Cuộc họp kết thúc hồi 15 giờ 50 phút cùng ngày, đã được thông qua cho các thành viên trong cuộc họp nghe, cùng nhất trí và ký tên dưới đây.

**ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO
CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO**

PHIÊN DỊCH

Đỗ Thị Liên

CHỈ HUY THỰC TẬP

[Signature]

Trung tá Bùi Xuân Hoàn

**XÁC NHẬN CỦA LÃNH ĐẠO
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC&CNCH**



TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Anh Tuấn
THƯỢNG TÁ: Nguyễn Anh Tuấn

CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM

LHV/KTh/QT03-01

LIHIT LAB

CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM

LIHIT LAB

DANH SÁCH ỨNG PHÓ VỚI TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP

(V/v: Tràn đổ hóa chất...)

Ngày BH

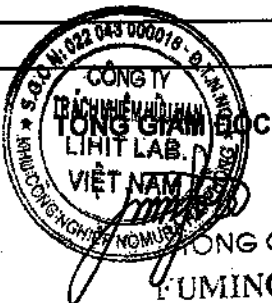
01/07/2016

Lần SB

0

01/07/2016

STT	Họ tên	TÀI LIỆU KIỂM SOÁT	Nhiệm vụ tham gia	Xác nhận	
1	Nguyễn Thị Yên	D373	Elgrand	Xử lý ngăn ngừa hóa chất tràn ra ngoài	Yên
2	Nguyễn Thị Tuyền	D571	Clear	Xử lý ngăn ngừa hóa chất tràn ra ngoài	Tuyền
3	Phạm Văn Sáng	D727		Xử lý ngăn ngừa hóa chất tràn ra ngoài	Sáng
4	Trần Thị Huyền Trang	D640	Clearbook	Xử lý ngăn ngừa hóa chất tràn ra ngoài	Trang
5	Nguyễn Thị Hà	D665		Xử lý ngăn ngừa hóa chất tràn ra ngoài	Hà
6	Trần Thị Nga	D631	Tự Động	Xử lý ngăn ngừa hóa chất tràn ra ngoài	Nga
7	Nguyễn Xuân Cường	D936		Xử lý ngăn ngừa hóa chất tràn ra ngoài	Cường
8	Nguyễn Thị Chi	D330	Kado	Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Chi
9	Nguyễn Thị Hạnh	D024		Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Hạnh
10	Hoàng Thị Nhân	D506	Bag	Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Nhan
11	Thoa Thị Kim Ngân	D278		Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Ngân
12	Trịnh Thúy Loan	D480	Dgata	Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Loan
13	Hoàng Thị Ánh Nguyệt	D794		Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Nguyệt
14	Nguyễn Thị Hạ	D731	Vỡ	Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Hạ
15	Bùi Thị Huyền Trang	D320		Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Trang
16	Bùi Thị Nhân	D014	Kho	Di dời hàng hóa tránh xa khu có hóa chất	Nhan
17	Trần Tuấn Anh	D493		Xử lý thu gom hóa chất	Anh
18	Lê Thị Nhung	D650	Setai	Xử lý thu gom hóa chất	Nhung
19	Lê Thị Nhi	D738		Xử lý thu gom hóa chất	Nhi
20	Nguyễn Thị Hằng	D806	Thomson	Xử lý thu gom hóa chất	Hằng
21	Mai Văn Liên	D651		Xử lý thu gom hóa chất	Liên
22	Nguyễn Văn Tiến	D972	Chế bản	Xử lý thu gom hóa chất	Tiến
23	Lê Văn Tiến	D360		Xử lý thu gom hóa chất	Tiến
24	Nguyễn Đức Huân	D496	Kỹ thuật	Xử lý thu gom hóa chất	Huân
25	Phạm Mai Phượng	D679		Người báo cáo sự cố	Phượng



ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO VỀ ISO-SA

NGƯỜI LẬP

FUMINOBU GOTO

Bùi Thị Loan

Phạm Văn Mạnh

LIHITLAB.	CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM	LHV/KT/QT03-02	
	PHƯƠNG ÁN GIẢ ĐỊNH TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP (v/v:Tràn đổ dầu 緊急事態仮定方策)	Ngày B/H	01/07/2016
		LÀM SẴN CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM	

1. Hôm nay vào hồi 14.giờ...05..phút, ngày... 15...tháng...9.....năm 2022

本日、2022年09月15日14時

2. Chúng tôi gồm:

私たちは :

Ông:Đỗ Văn Mạnh

Mr.Đo Van Manh

Chức danh: ...Trưởng ban an toàn

職務:安全部長

Bà:Phạm Thị Mai Phượng..... Chức danh:Quản lý kho hóa chất...

Mrs: Phạm Thị Mai Phuong

職務:オイル室管理者

Cùng.....23.....thành viên đính kèm theo danh sách tham gia ứng phó sự cố.

と下記の各ラインの23人

3.Tiến hành xử lý tình trạng khẩn cấp là:....Tình trạng dầu bị tràn ra ngoài sản sản xuất.

緊急状況処理 : 油が溢れた事態

4. Địa điểm phát sinh sự cố: ... Máy Clearbook, chuyên Clearbook.

事故が発生した場所 : Clearbookライン

5. Nguyên nhân phát sinh sự cố.

原因

Trong quá trình bảo dưỡng máy Clearbookc, công nhân D936 được giao nhiệm vụ đi lấy dầu thủy lực S2M46 từ kho hóa chất. Trong quá trình vận chuyển, công nhân D936 đã không vận chặt can dầu, khi tới gần máy Clearbook vô tình đã làm đổ can dầu tràn ra mặt sàn.

機械をメンテナンスする時D936ワーカーは化学室よりS2M46

オイルを取る責任があります。運転中この人はしっかり締めなっていない、それで、Clearbook機械に近づいて缶が落ちて、油が床にこぼれました。

6. Công tác đối ứng:

対応措置

Khi phát hiện sự cố tràn đổ dầu người quản lý kho Hóa chất là D679 đã liên lạc cho trưởng ban an toàn. Sau khi nhận được thông tin sự cố, trưởng ban an toàn đã liên lạc cho các thành viên trong ban ứng phó sự cố tiến hành chuẩn bị công tác đối ứng sự cố như sau:

Chuẩn bị lượng mũn cửa có sẵn trong kho, sử dụng các bao chứa, khay chứa, yêu cầu các thành viên mang bảo hộ lao động, dụng cụ vệ sinh, việc di dời hàng hóa, người phụ trách quản lý khu vực xảy ra sự cố không cho người không liên quan tới gần.

油流出を発見したとき、化学品倉庫の管理者である D679 は安全部長の責任者に連絡しました。

事故情報を受け取った後、安全部長は対応部のメンバーに連絡を取り下記のように事故対応の準備をしました。倉庫におがくず量を用意し、袋を使用する。メンバーが労働保護具を着用して、清掃用具で品物を移動する要求があります。地域の管理責任者は事件に関係のない人を近づけないでください。

7. Nhiệm vụ các phòng ban liên quan

関係部分任務

Phối hợp các thành viên trong ban đối ứng sự cố. Ưu tiên việc di dời hàng hóa, ngăn chặn dầu tràn rộng ra xưởng, kiểm tra hàng hóa gần đó có dính dầu hay không!

対応委員会のメンバーをお互いに処理しましょう。

物資の移動を優先し、作業場への油の流出を防ぎ、品物は油が付かないか検査する。



ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO VỀ ISO-SA

TỔNG GIÁM ĐỐC
MINOBU GUTO

Đỗ Thị Liên

NGƯỜI LẬP

Mạnh

Đỗ Văn Mạnh

LIHIT LAB.	CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM	LHM/KTh/QT03-03	
	KẾT QUẢ GIẢ ĐỊNH TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP 緊急事態に対応する防止レポート	Ngày BH	01/07/2016
		Lần SB	0

Tình trạng khẩn cấp...Trần đổ dầu .

緊急事態：油漏れ

Ngày...15-9-2022hời....14h.

日付：2022年09月15日14時

Công ty TNHH Lihit Lab. Việt Nam

ベトナムリヒトラブ株式会社

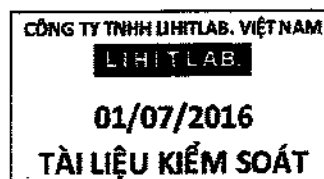
Chúng tôi gồm:

私たちは：

1.Đỗ Văn Mạnh Trưởng ban an toàn, Đội trưởng đội PCCC.
2.Phạm Mai Phượng, quản lý kho hóa chất..
3.23 thành viên trong ban đối ứng sự cố

Tiến hành họp rút kinh nghiệm với nội dung sau:

下記のように内容経験を積むのために会議を行う



1. Kết quả xử lý tình trạng khẩn cấp

緊急事態を処理する結果

- Đã ngăn chặn lượng dầu tràn ra môi trường xung quanh máy và hàng hóa. Hàng hóa được di chuyển kịp thời, không có sản phẩm nào bị dính dầu. Không có lượng dầu nào tràn ra môi trường bên ngoài.

機械と品物の辺りに流れ出た油を止めた。品物はタイムリーに移動される。油が付いた品物がありませんでした。そして外部環境への油がこぼれていません。

- Toàn bộ khu vực dầu bị tràn đã được xử lý bằng mùn cưa.

鋸屑によって油があふれてしまった地域は綺麗にした。

- Sau khi rắc mùn cưa lên bề mặt dầu, chúng tôi đã cho thu gom vào bao và cho xử lý tại kho nhà rác nguy hại.

溢れた油の所に鋸屑を蒔いてから大きい袋に収集する。それから、有害ゴミ場所にしまう

- Các thành viên trong ban ứng phó đã dọn dẹp sạch sẽ môi trường xung quanh máy clearbook. Hàng hóa được di chuyển về khu vực cũ. Ổn định công việc sản xuất.

緊急事態対応部のメンバーは Clearbook 機械環境の周りを綺麗に処理した。もともと所に品物を戻した。仕事は平常にする

2. Báo cáo rút kinh nghiệm

経験を積む報告

- Yêu cầu khu vực bảo dưỡng máy móc, hàng hóa cần được di dời ra xa, không gây cản trở khu vực này.

メンテナンスする時、品物を邪魔しないで遠く移動する必要がある。

LIHIT LAB.	CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM	LHV/KTH/QT03-03	
	KẾT QUẢ GIÁ ĐỊNH TÌNH TRẠNG KHẨN CẤP 緊急事態に対応する防止レポート	Ngày BH	01/07/2016
		Lần SD	0

- Yêu cầu người lấy dầu phải kiểm tra kỹ tình trạng nắp của can dầu. Phải vận chặt trước khi vận chuyển.

油を取ってる者に蓋事態をよく確認させる。運転する前にしっかり締めてください。

- Khi dầu tràn phải tiến hành nâng can dầu lên trước, tránh dầu tràn ra ngoài môi trường với một lượng lớn. Khi xảy ra sự cố phải hô hoán để mọi người xung quanh biết ngay, chứ không chỉ có liên lạc riêng cho ban an toàn.

油があふれば大量で環境への溢れることを避けるように油缶をすぐに持ち上げる。事故が発生する場合は安全部門の個人的な連絡先だけでなく、周囲の全員がすぐわかるように声をかける必要があります

- Ưu tiên nhanh chóng sử dụng mùn cưa để ngăn chảy lan ra môi trường bên ngoài, và hàng hóa cần được di dời nhanh nhất có thể.

油が外部環境に広がるのを防ぐために、鋸屑をまず使用する。そして品物をできるだけ早く移動する。

- Người giám sát khu vực này, không cho người không liên quan tới gần.

管理者はこの地域に関係ない者を近づかせない。

- Khu vực này cần được đặt biển cảnh báo. Khu vực chèn đổ dầu, người không liên quan cấm lại gần.

この地域は、警告標識を掲示するべきです。油流出現場、関係者以外立ち入り禁止

3 Các nội dung khác:

他の内容

- Yêu cầu công việc đối ứng sự cố cần nhanh nhẹn, không được nói chuyện ồn ào khu vực này. この地域で騒々しくしないで、対応することが速く要求があります。

- Việc đối ứng yêu cầu mọi người phải đeo khẩu trang, để tránh tiếp xúc với dầu. Găng tay sử dụng sẽ là găng tay cao su, chứ không phải là găng tay vải.

油と接触を避けるために、参加者がマスクをかけるする必要があります。使用する手袋は布手袋ではなくゴム手袋です。

TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐẠI DIỆN LÃNH ĐẠO VỀ ISO-SA

NGƯỜI LẬP



Đỗ Thị Liên

*Manh
Đỗ Văn Manh*

TỔNG GIÁM ĐỐC
FUMINOBU GOTO

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 22-QT/ THUANTHIEN-00131

(V/v: Quan trắc, phân tích mẫu môi trường)

CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội thông qua và ban hành ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26.11.2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH1 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua bằng Nghị quyết số 45/2005/QH ngày 14 tháng 06 năm 2005.

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua và ban hành ngày 17 tháng 01 năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 1217/QĐ-BTNMT ngày 01/06/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đồng bộ hoạt động thử nghiệm và điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và Giấy chứng nhận V'incert số 185 cấp cho Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 172.2021/QĐ - VPCNCL ngày 23 tháng 03 năm 2021 về việc công nhận phòng thí nghiệm;

Căn cứ Báo cáo số 2947/BC-SYT của Sơ 1 tổ báo cáo tổ chức đủ điều kiện quan trắc môi trường lao động được công bố ngày 05 tháng 03 năm 2020;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của 2 bên ký kết hợp đồng.

Hôm nay, ngày 03 tháng 01 năm 2022, tại Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng, chúng tôi gồm:

Bên A: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THUẬN THIÊN

Đại diện : (Bà) **TẠ THỦY DUNG**

Chức vụ : **Phó Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 1.6.2021/GUQ-TT ngày 1/6/2021 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tư vấn Thuận Thiên)

Địa chỉ : Số 3/B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, TP. Hải Phòng



Điện thoại : 0225. 3515558

Email: tuyanhuanthien@gmail.com

Mã số thuế : 0201253699

Tài khoản số : 10922422885016 tại ngân hàng Techcombank Hai Phòng

Bên B : CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN MINH MÔI TRƯỜNG VÀ XÂY DỰNG

Đại diện : (Ông) **ĐỖ TRUNG ĐỨC**

Chức vụ : **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : Tòa nhà số 39, Galaxy 4, phố Tô Hữu, phường Vạn Phúc, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : 02432036988

Fax: 0243.2036366

MSI : 010691245

Tài khoản : 888003800000 Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Láng Hạ, Hà Nội.

Cùng thoả thuận, thống nhất ký hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung của hợp đồng:

Bên A thuê bên B và bên B đồng ý thực hiện việc lấy mẫu và phân tích các mẫu môi trường nước, môi trường không khí, khí thải, môi trường đất theo quy định hiện hành

Điều 2: Thời gian thực hiện:

- Thời gian bắt đầu: Ngay sau khi hợp đồng được ký kết.
- Thời hạn hợp đồng: 12 tháng.

Điều 3: Giá trị hợp đồng:

- Đối với hợp đồng có giá trị trên 500 triệu, và hợp đồng tham gia đấu thầu thì phải được ký trực tiếp không liên danh liên kết.
- Kinh phí bên A chi trả cho bên B căn cứ vào từng đợt phân tích và những yêu cầu về chỉ tiêu phân tích cụ thể do bên A yêu cầu bên B phân tích.
- Kinh phí phân tích được tính dựa trên các thông tư và quyết định hiện hành của Bộ Tài chính và Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, đơn giá của Công ty Cổ phần liên minh môi trường và xây dựng

Điều 4: Phương thức và điều kiện thanh quyết toán:

- Sau từng đợt phân tích, Bên A sẽ trả cho Bên B toàn bộ số tiền phân tích ngay khi bên B trả cho bên A Phiếu kết quả phân tích.
- Hình thức thanh toán: Bảng tiền mặt, séc hoặc chuyển khoản.
- Đồng tiền thanh toán: Tiền Việt Nam

Điều 5: Tranh chấp và giải quyết tranh chấp:



- Trường hợp có vướng mắc trong quá trình thực hiện hợp đồng, các bên nỗ lực tối đa chủ động bàn bạc để tháo gỡ và thương lượng giải quyết.

- Trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua hoà giải, trọng tài hoặc toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 6: Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng kinh tế:

Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng được giải quyết những quy định tại Mục 7, chương XVII và chương XVIII của Bộ Luật Dân sự.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của các bên:

7.1. Quyền và nghĩa vụ của bên A:

- Xây dựng kế hoạch quan trắc và kết hoạch phân tích cụ thể, thông báo cho bên B trước 05 ngày.

- Thanh toán toàn bộ kinh phí phân tích theo số mẫu và chỉ tiêu phân tích cụ thể của từng đợt cho bên B theo đúng tiến độ.

7.2. Quyền và nghĩa vụ của bên B:

- Thực hiện quan trắc và phân tích các mẫu môi trường theo kế hoạch của bên A.

- Phân tích và trả kết quả phân tích cho bên A đúng tiến độ.

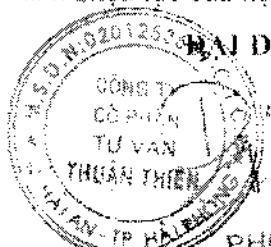
Điều 8: Điều khoản chung:

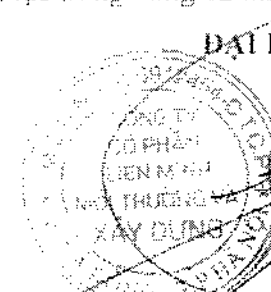
8.1. Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật.

8.2. Hai bên cam kết thực hiện tốt các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng.

8.3. Hợp đồng làm thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

8.4. Hiệu lực của hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký.


ĐẠI DIỆN BÊN A
PHÓ GIÁM ĐỐC
Lưu Thủy Dung


ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Trung Đức

TRUNG
ĐỨC

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRÁC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 185
(Cấp lần: 03)

Tên tổ chức:

Công ty Cổ phần Liên minh Môi trường và Xây dựng

Trụ sở chính:

Tòa nhà số 75, DV 02, phường Mộ Lao, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

Quyết định số: 1247/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Đỗ Trung Đức Chức vụ: Giám đốc

CMND số: 031571488 do Công an thành phố Hải Phòng

Cấp ngày 15 tháng 8 năm 2012

Thời hạn của Giấy chứng nhận:

Từ ngày 01 tháng 6 năm 2020

Đến ngày 31 tháng 5 năm 2023

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRÁC HIỆN TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt: Lấy mẫu : 02 thông số Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước thải: Lấy mẫu : 02 thông số Đo tại hiện trường: 05 thông số
- Nước dưới đất: Lấy mẫu : Đo tại hiện trường: 08 thông số
- Nước biển: Lấy mẫu : 02 thông số Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Nước mưa: Lấy mẫu : Đo tại hiện trường: 04 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh: Lấy mẫu : 41 thông số Đo tại hiện trường: 07 thông số
- Khí thải: Lấy mẫu : 37 thông số Đo tại hiện trường: 12 thông số

3. Đất:

Lấy mẫu

4. Trầm tích:

Lấy mẫu

5. Bùn:

Lấy mẫu

6. Chất thải:

Lấy mẫu

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

1. Nước:

- Nước mặt: 41 thông số
- Nước thải: 41 thông số
- Nước dưới đất: 42 thông số
- Nước biển: 26 thông số
- Nước mưa: 07 thông số

2. Khí:

- Không khí xung quanh: 20 thông số
- Khí thải: 22 thông số

3. Đất:

18 thông số

4. Trầm tích

08 thông số

5. Bùn:

13 thông số

6. Chất thải:

16 thông số

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1247/QĐ-BTNMT ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Hà Nội, ngày 01 tháng 6 năm 2020

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Võ Tuấn Nhân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----000-----

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

Số: 1212D/2021/HĐNT-CEC-TT

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty cổ phần tư vấn Thuận Thiên và khả năng, năng lực hiện có của Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường.

Hôm nay, ngày 01 tháng 12 năm 2021, tại Công ty cổ phần tư vấn Thuận Thiên, Chúng tôi gồm:

BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THUẬN THIÊN

Đại diện : Bà **TẠ THÙY DUNG** Chức vụ: **Phó Giám đốc**

(Theo Giấy ủy quyền số 1.6.2021/GUQ-TT ngày 1/6/2021 của Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần tư vấn Thuận Thiên)

Địa chỉ : Số 3/B260 khu T2, Phường Thành Tô, Quận Hải An, TP. Hải Phòng.

Điện thoại : 0225. 3977384 Email: tuvanluanthien@gmail.com

STK : 10922422885016 tại ngân hàng Techcombank Hải Phòng

MST : 0201253699

VÀ

BÊN B TRUNG TÂM TƯ VẤN VÀ TRUYỀN THÔNG MÔI TRƯỜNG

Đại diện : Ông **NGUYỄN VĂN TÂM** Chức vụ: **Phó Giám Đốc**

(Theo Giấy uỷ quyền số 19 ngày 16 tháng 03 năm 2016 của Giám đốc trung tâm ông Nguyễn Minh Tâm)

Địa chỉ : Phòng 405, Tòa nhà Bộ tài Nguyên và Môi trường, 85 Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội.

Điện thoại : 024-32373961

STK : 12510002180217 - NH BIDV -CN Đông Đô

MST : 0107371705

Sau khi trao đổi bàn bạc, Hai bên thoả thuận ký kết hợp đồng nguyên tắc với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên A ký hợp đồng nguyên tắc với bên B về thực hiện dịch vụ quan trắc và phân tích mẫu môi trường. Phạm vi dịch vụ bao gồm:



Bên A thuê bên B quan trắc, đo đạc và phân tích mẫu môi trường tại các cơ sở khách hàng theo yêu cầu của Công ty cổ phần tư vấn Thuận Thiên.

Các chỉ tiêu quan trắc, đo đạc và phân tích của từng đợt do bên A xác định được thực hiện theo yêu cầu và thanh toán theo khối lượng thực tế trong biên bản nghiệm thu và thanh lý từng đợt của hợp đồng.

ĐIỀU 2: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ SẢN PHẨM BÀN GIAO

1. Thời gian thực hiện

- Thời gian thực hiện theo yêu cầu và thỏa thuận của hai bên cho phù hợp thực tế.
- Khi có yêu cầu quan trắc và phân tích mẫu môi trường bên A thông báo trước cho bên B 72h để bên B chuẩn bị nhân lực và thiết bị.

2. Sản phẩm bàn giao

- Phiếu kết quả phân tích chất lượng môi trường (bản gốc) kèm Biên bản quan trắc hiện trường.

ĐIỀU 3: GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Giá trị hợp đồng

Hợp đồng sẽ được thanh toán theo từng đợt quan trắc và phân tích mẫu môi trường và số lượng mẫu thực tế mà bên B thực hiện quan trắc và phân tích theo yêu cầu mà bên A đã gửi cho bên B (Bảo giá từng đợt cụ thể bên B sẽ gửi theo yêu cầu của bên A).

2. Phương thức thanh toán

Bên A sẽ thanh toán kinh phí cho bên B theo hình thức tiền mặt hoặc chuyển khoản theo địa chỉ:

Tên tài khoản: Trung tâm tư vấn và truyền thông môi trường;

Số tài khoản: 12510002180217 - NH BIDV -CN Đông Đô.

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

1. Trách nhiệm của bên A

Cử cán bộ theo dõi, giám sát quá trình quan trắc, đo đạc của bên B cho đến khi hoàn thành nhiệm vụ.

Tạo điều kiện thuận lợi cho bên B thực hiện công tác quan trắc, đo đạc, lấy mẫu.

Thanh toán đầy đủ chi phí phục vụ quan trắc, đo đạc và phân tích cho bên B theo đúng lịch trình.

2. Trách nhiệm của bên B:

- Thực hiện đúng nội dung công việc như đã đề ra trong hợp đồng này.
- Tổ chức khảo sát địa điểm cần lấy mẫu, tư vấn cho khách hàng các yêu cầu để lấy mẫu theo qui định;
- Chuẩn bị đầy đủ trang thiết bị lấy mẫu, có mặt tại địa điểm lấy mẫu đúng thời gian qui định với khách hàng. Bên B có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho

Bên A và khách hàng (nếu có) trong trường hợp cán bộ lấy mẫu của Bên B đã chốt lịch quan trắc nhưng không thực hiện quan trắc cho khách hàng mà không báo trước.

- Chịu trách nhiệm trước khách hàng, Bên A và cơ quan chức năng về công tác lấy mẫu, phân tích mẫu và chất lượng kết quả phân tích, đảm bảo đúng quy trình kỹ thuật theo các văn bản pháp luật hiện hành.

- Trả kết quả phân tích mẫu theo đúng: tên khách hàng, địa chỉ, số lượng mẫu và thời gian quy định (15 ngày kể từ ngày gửi mẫu). Giải đáp thắc mắc về kết quả phân tích cho bên A khi có yêu cầu.

- Bên B cam kết đảm bảo đủ chức năng và khả năng thực hiện các hạng mục công việc đã thỏa thuận theo quy định pháp luật hiện hành, đảm bảo đầy đủ các loại giấy phép và các loại hồ sơ pháp lý liên quan đến việc cung cấp dịch vụ theo Hợp đồng này theo Vincer 208.

- Tuân thủ các quy định về an toàn nội bộ trong quá trình thực hiện công việc tại các cơ sở lấy mẫu, tự chịu trách nhiệm và đảm bảo an toàn cho nhân viên/nhà thầu phụ của Bên B trong quá trình thực hiện công việc, đồng thời có trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế cho Bên A và khách hàng trong trường hợp xảy ra sự cố mà lỗi được xác định là do Bên B/nhân viên Bên B/nhà thầu phụ của Bên B không tuân thủ các quy định an toàn nội bộ và về các quy định pháp luật hiện hành trong khuôn viên cơ sở của khách hàng.

- Phải bảo mật thông tin và kết quả đo kiểm cho bên A, không được thông báo cho bất kỳ bên nào khi chưa có sự đồng ý của bên A;

- Cung cấp hóa đơn VAT cho bên A theo đúng giá trị thực hiện, nếu bên B xuất hóa đơn điện tử thì phải gửi bản .xml về hòm thư : tuvanantuanthien@gmail.com.

ĐIỀU 5: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản trong Hợp đồng đã ký.

- Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề gì vướng mắc phát sinh, hai bên sẽ thống nhất bàn bạc và giải quyết với nhau bằng văn bản trên tinh thần hợp tác hỗ trợ lẫn nhau. Mọi bổ sung hoặc thay đổi Hợp đồng phải được hai bên nhất trí bằng văn bản và được coi như phụ lục không thể tách rời của bản hợp đồng này. Bên nào đơn phương thay đổi, không tuân theo các điều khoản của Hợp đồng, làm thiệt hại cho bên kia thì phải bồi thường theo pháp luật hiện hành.

- Trường hợp không thể đạt được thoả thuận giữa các bên, việc giải quyết tranh chấp thông qua giải quyết theo quy định của pháp luật.

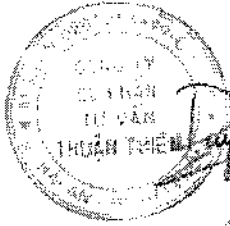
ĐIỀU 6: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

- Hợp đồng này có hiệu kể từ ngày ký đến khi một trong hai bên có công văn yêu cầu chấm dứt hợp đồng.

CHỖ CHỮ
CHỖ CHỮ
CHỖ CHỮ
CHỖ CHỮ

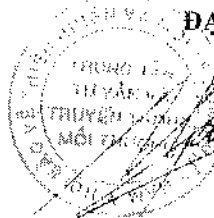
- Hợp đồng được lập thành 04 bản, có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Văn Lâm

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ GIÁM ĐỐC: THƯỜNG TRỰC
Nguyễn Văn Lâm



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG

Số hiệu: VIMCERTS 208
(Cấp lần 4)

Tên tổ chức:

Trung tâm Tư vấn và Truyền thông môi trường

Trụ sở chính: Phòng 405, số 85 Nguyễn Chí Thanh, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Căn hộ 06-TT5, Khu nhà ở Đài phát sóng phát thanh Mê Trì, phường Mê Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Quyết định số: 1790/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Ông Nguyễn Minh Tâm. Chức vụ: Giám đốc

CNNMĐ số: 011158264 do Công an Thành phố Hà Nội cấp

Cấp ngày 16 tháng 10 năm 2007

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kết từ ngày ký đến hết ngày 19 tháng 9 năm 2024

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

- 1. Nước:
 - Lấy mẫu: 02 thông số
 - Nước mặt: Đo tại hiện trường: 07 thông số
 - Nước thải: Đo tại hiện trường: 05 thông số
 - Nước dưới đất: Đo tại hiện trường: 08 thông số
 - Nước mưa: Đo tại hiện trường: 04 thông số
 - Nước biển: Đo tại hiện trường: 07 thông số
- 2. Khí:
 - Không khí xung quanh: Đo tại hiện trường: 07 thông số
 - Khí thải: Đo tại hiện trường: 12 thông số
 - Đất:
 - Bùn: Lấy mẫu: 01 thông số
 - Trầm tích: Lấy mẫu: 01 thông số
 - Chất thải: Lấy mẫu: 01 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

- 1. Nước:
 - Nước mặt: 37 thông số
 - Nước thải: 34 thông số
 - Nước dưới đất: 35 thông số
 - Nước mưa: 10 thông số
 - Nước biển: 24 thông số
- 2. Khí:
 - Không khí xung quanh: 15 thông số
 - Khí thải: 18 thông số
 - 3. Đất: 13 thông số
 - 4. Bùn: 12 thông số
 - 5. Trầm tích: 08 thông số
 - 6. Chất thải rắn: 13 thông số

(Chỉ tiết phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số: 1790/QĐ-BTNMT ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.)

Hà Nội, ngày 20 tháng 9 năm 2021

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG

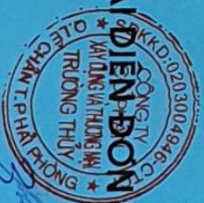
Võ Tuấn Nhân

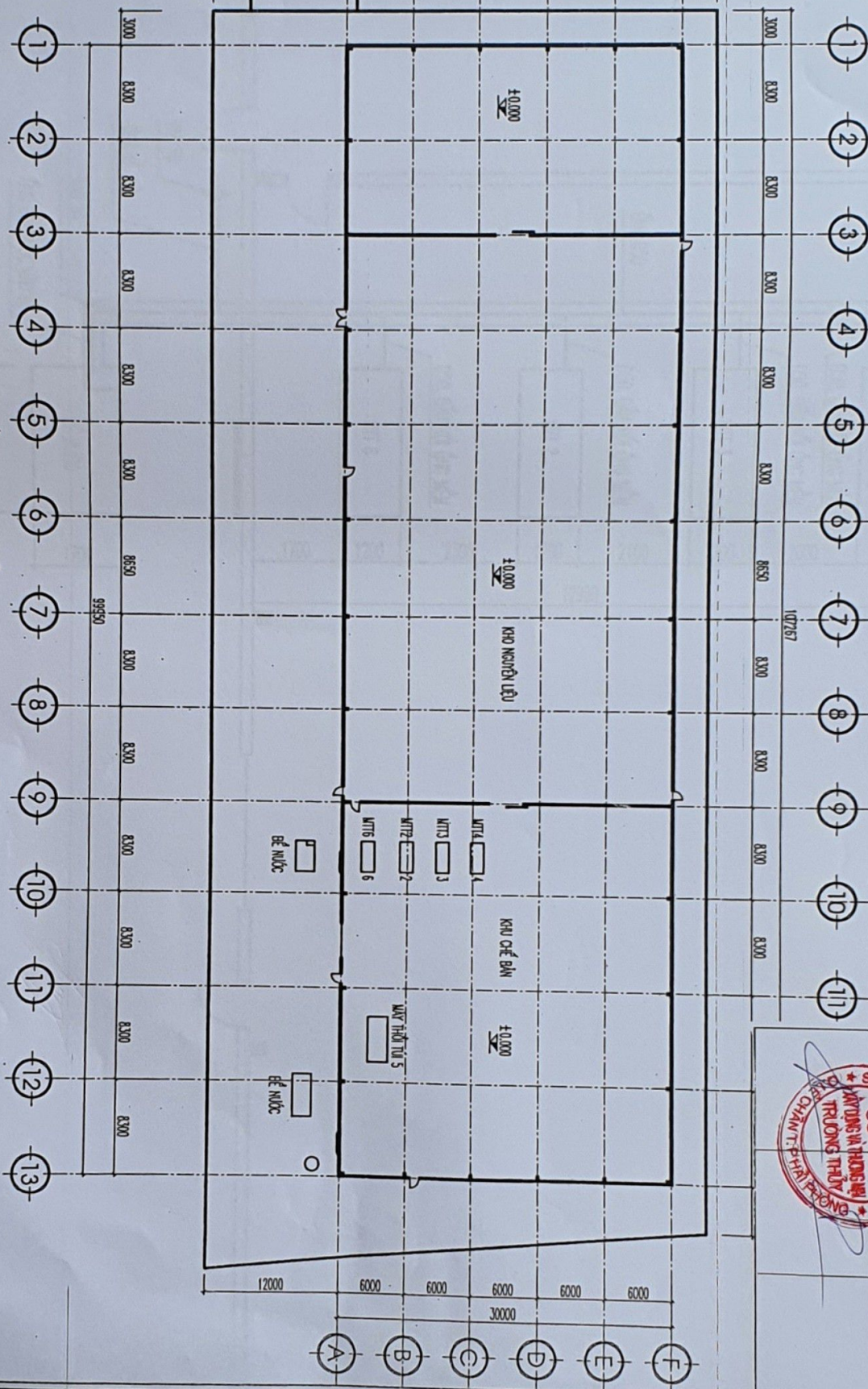
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH	: XÂY DỰNG NHÀ XƯỞNG
HÀNG MỤC	: CÀI TẠO HỆ THỐNG CẤP THOÁT NƯỚC MÁY THỞ TỦI
CHỦ ĐẦU TƯ	: CÔNG TY TNHH LIGHTLAB. VIỆT NAM
ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG	: LÔ J13B, J14 KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG XÃ AN HƯNG, HUYỆN AN DƯƠNG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG


TỔNG GIÁM ĐỐC
Châu Văn Cường



MẶT BẰNG VỊ TRÍ BỂ NƯỚC VÀ MÁY THỜI TỬ

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

MANG _____ NĂM 20

CÔNG TY TNHH LÊ THỊ VÀ CỘNG

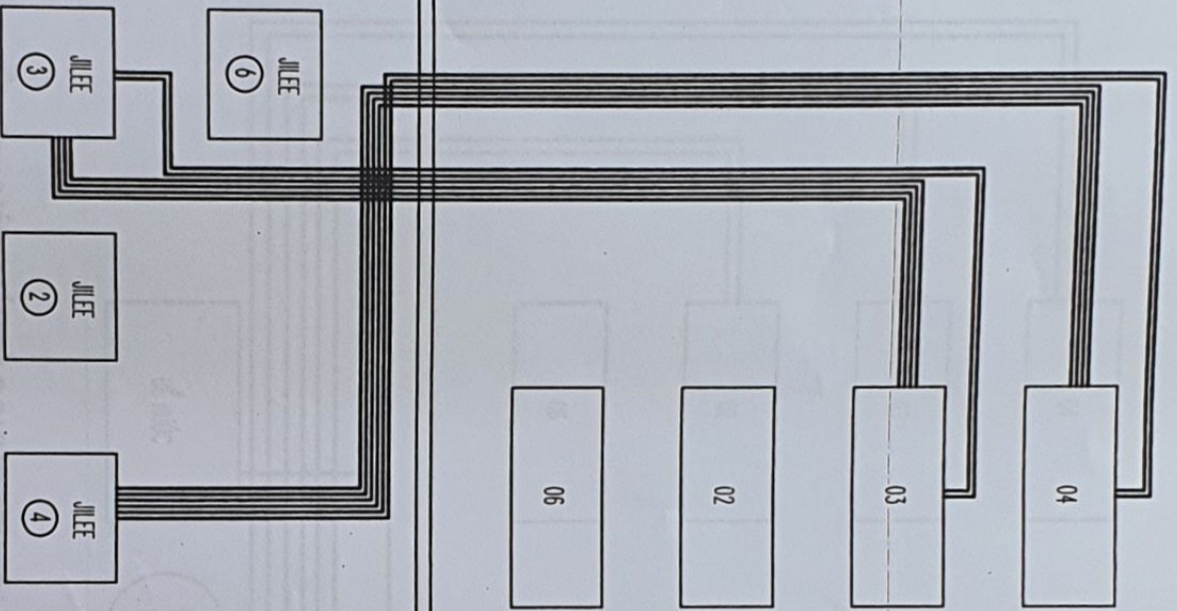
CÔNG TRÌNH: NHÀ THẦU TƯ VẤN GIÁM SÁT

CHỖ TRƯỞNG THỦY

CHỖ CHẤM TÊN: PHAI PHONG

CÔNG TY TNHH LÊ THỊ VÀ CỘNG	
ĐƠN CHẾ TẠO: 10.11.2014, 114 KINH NGHĨA - HẢI PHÒNG	HẠNG MỤC: HỆ THỐNG LƯU NƯỚC
MÁI AN HÙNG, HUYỀN AN DƯƠNG, TP. HẢI PHÒNG, VIỆT NAM	

- GHI CHÚ:
- 2 ĐƯỜNG Ø48 TỪ COONING TOWER RA JILEE
 - 2 ĐƯỜNG LẠNH TỪ JILEE VÀO MÁY
 - 2 ĐƯỜNG NÓNG TỪ JILEE VÀO MÁY
 - 1 ĐƯỜNG CẤP BÙ VÀO JILEE
 - 1 ĐƯỜNG THẢI TỪ JILEE



SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC

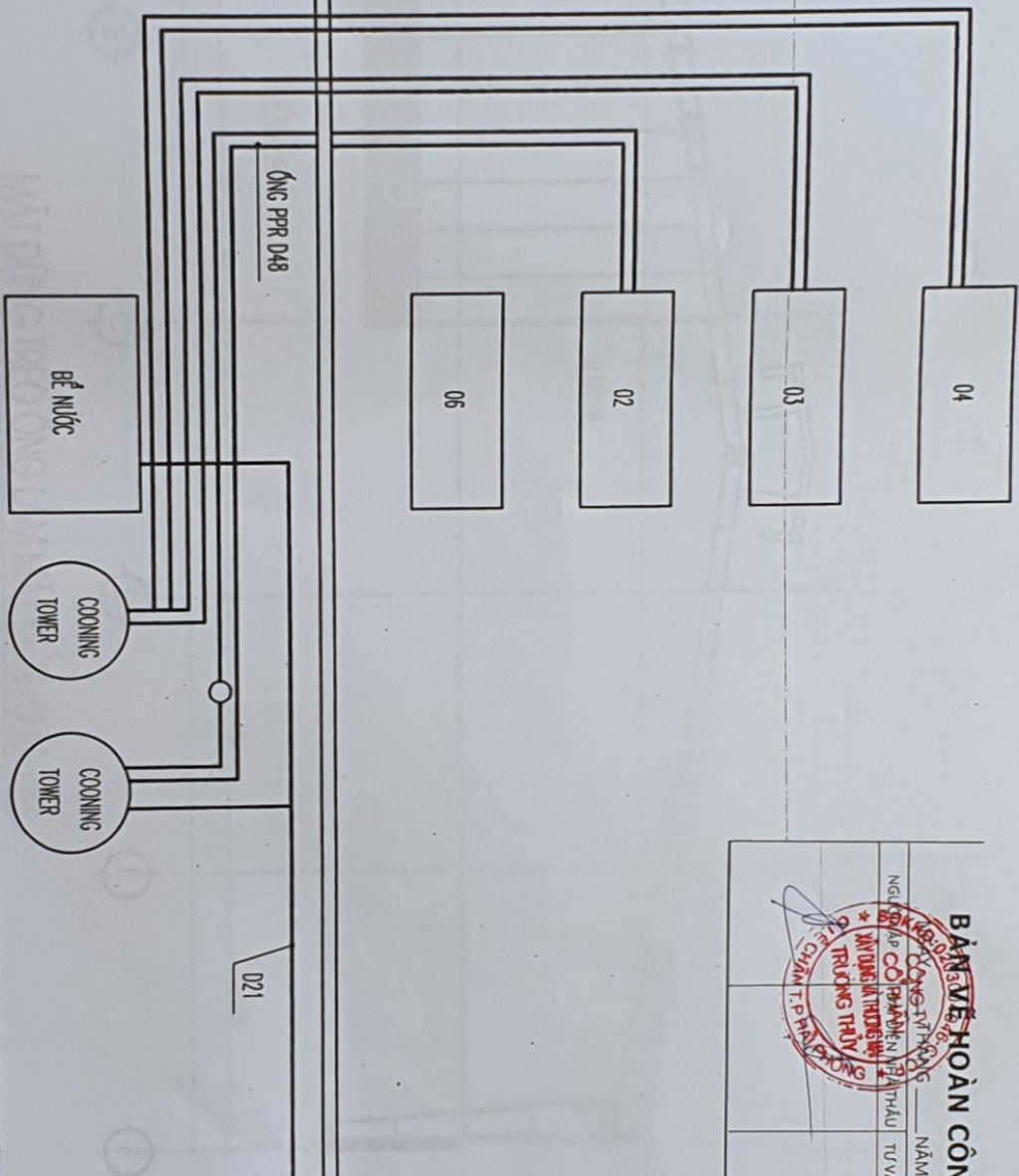
BẢN VẼ HOÀN CÔNG	
KHOA CÔNG TRÌNH	
NGƯỜI CHẾ VẼ: NGUYỄN VĂN HỮU	
TƯ VẤN GIÁM SÁT	
NĂM 20	

CÔNG TY TNHH LETHUA, VIỆT NAM

ĐƠN CHẾ: L0.1129, 114 KCN NGUYỄN - HẢI PHÒNG
 XÃ AN HANG, HUYỆN AN DƯƠNG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

HÀNG MỤC: HỆ THỐNG LƯỚI MẮT

KÝ HIỆU BẢN VẼ: B105



SƠ ĐỒ CẤP NƯỚC MÁY TỦ COLING TOWER VÀO MÁY 03

BẢN MẪU HOÀN CÔNG

CÔNG TY TNHH K&S

NGÀY: 28/06/2020

QUẬN BÌNH THẠNH, TP. HỒ CHÍ MINH

TRƯỜNG THẠY

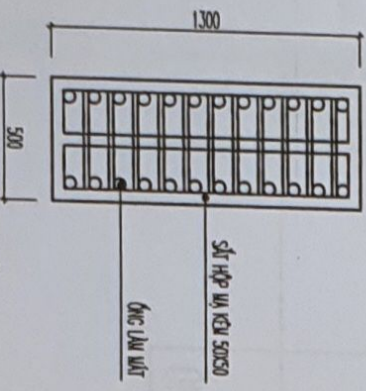
QUẬN CHÂU THÁI, TP. HỒ CHÍ MINH

NĂM 20

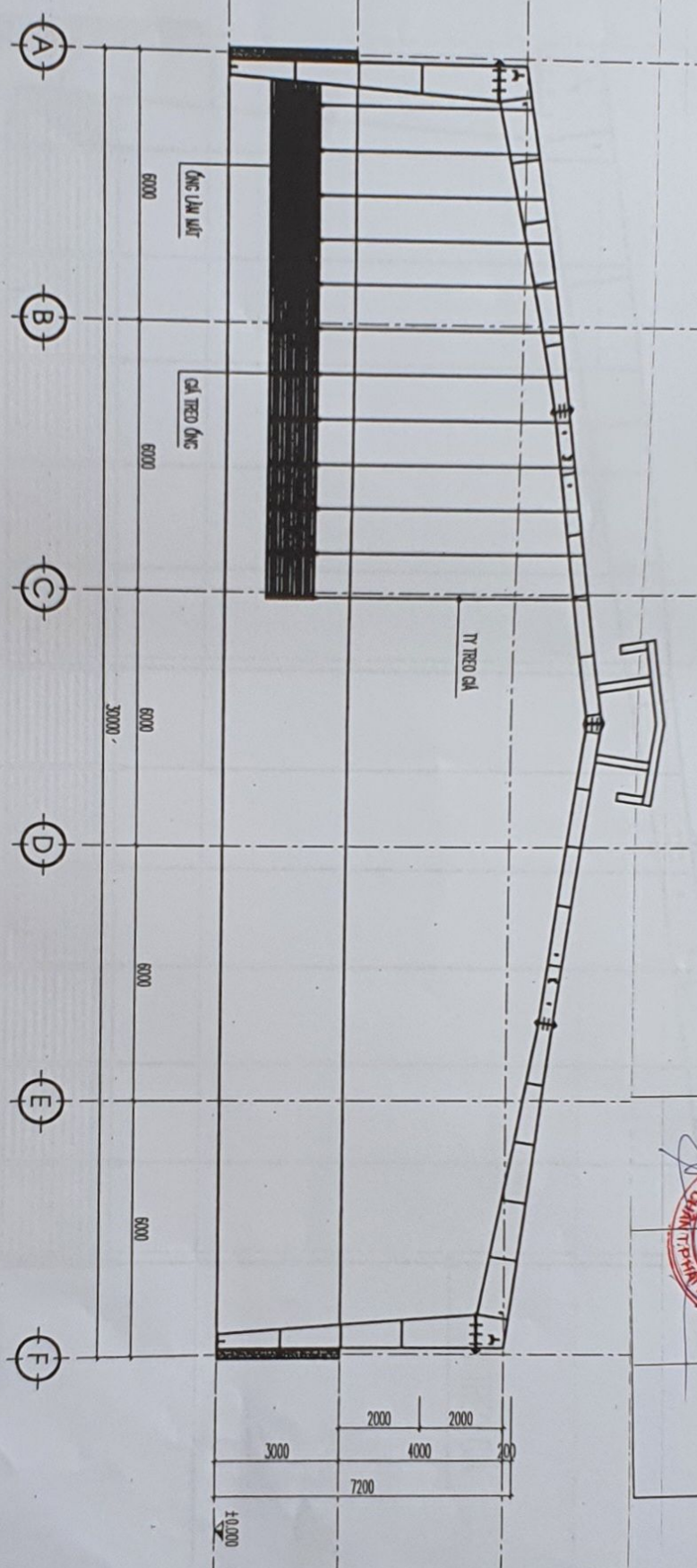
TU VẤN GIÁM SÁT

CÔNG TY TNHH K&S VIỆT NAM	
ĐƠN CHẾ: 10/11/20, 11/ K&S K&S - H&S	PHẠNG MẠC: HỆ THỐNG LƯU NƯỚC
KẾ HIỆU ĐƠN K&S 2020	

CHI TIẾT GIÁ TREO ỒNG



MẶT ĐỨNG TREO ỒNG LÀM MẶT ĐIỂN HÌNH

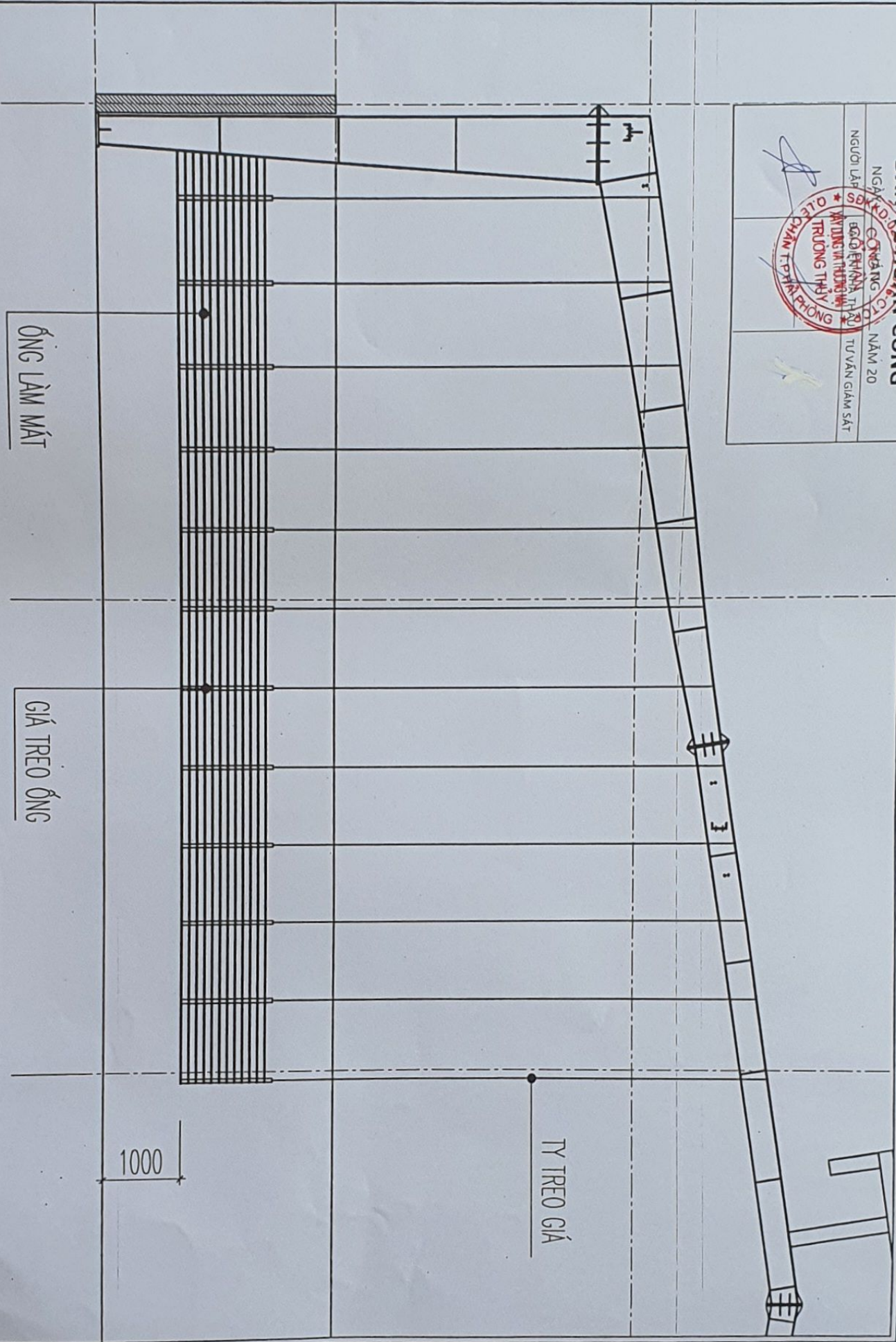
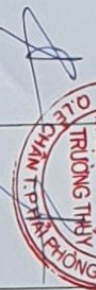


BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 NGÀY 18/08/2018
 NGƯỜI VẼ: NGUYỄN VĂN THÁU
 TỰ VẤN GIÁM SÁT: NGUYỄN VĂN THÁU
 TRƯỞNG TIẾP: NGUYỄN VĂN THÁU
 QUẢN LÝ THI CÔNG: NGUYỄN VĂN THÁU
 NĂM 20

CÔNG TY TNHH LAMDA VIỆT NAM	
ĐƠN CHẾ: LÒ J13A, J14 KINH NONGDA - HƯNG PHƯỚC Xã AN HƯƠNG, HUYỆN AN ĐƯƠNG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM	HẰNG MẠC: HỆ THỐNG LƯM MẮT
KÝ HIỆU BẢN VẼ: B107	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

NGÀY THÁNG NĂM 20
NGƯỜI LẬP CÔNG TRÌNH
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP. HỒ CHÍ MINH
TỰ VẤN GIÁM SÁT



ỐNG LÀM MÁT

GIÁ TREO ỐNG

TY TREO GIÁ

1000

CÔNG TY TNHH LAMPHAT VIỆT NAM

ĐƠN CHẾ: 10/11/20, 11/11/2020 - PHÒNG
XÂY DỰNG, HỒ CHÍ MINH, TP. HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
HỌNG MỤC: HỆ THỐNG LÀM MÁT

KÝ HIỆU BẢN VẼ: B/007

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH

: XÂY DỰNG NHÀ XUỐNG

HẠNG MỤC

: CHỤP HÚT BỤI QUẠT THÔNG GIÓ MÁY TRỌN

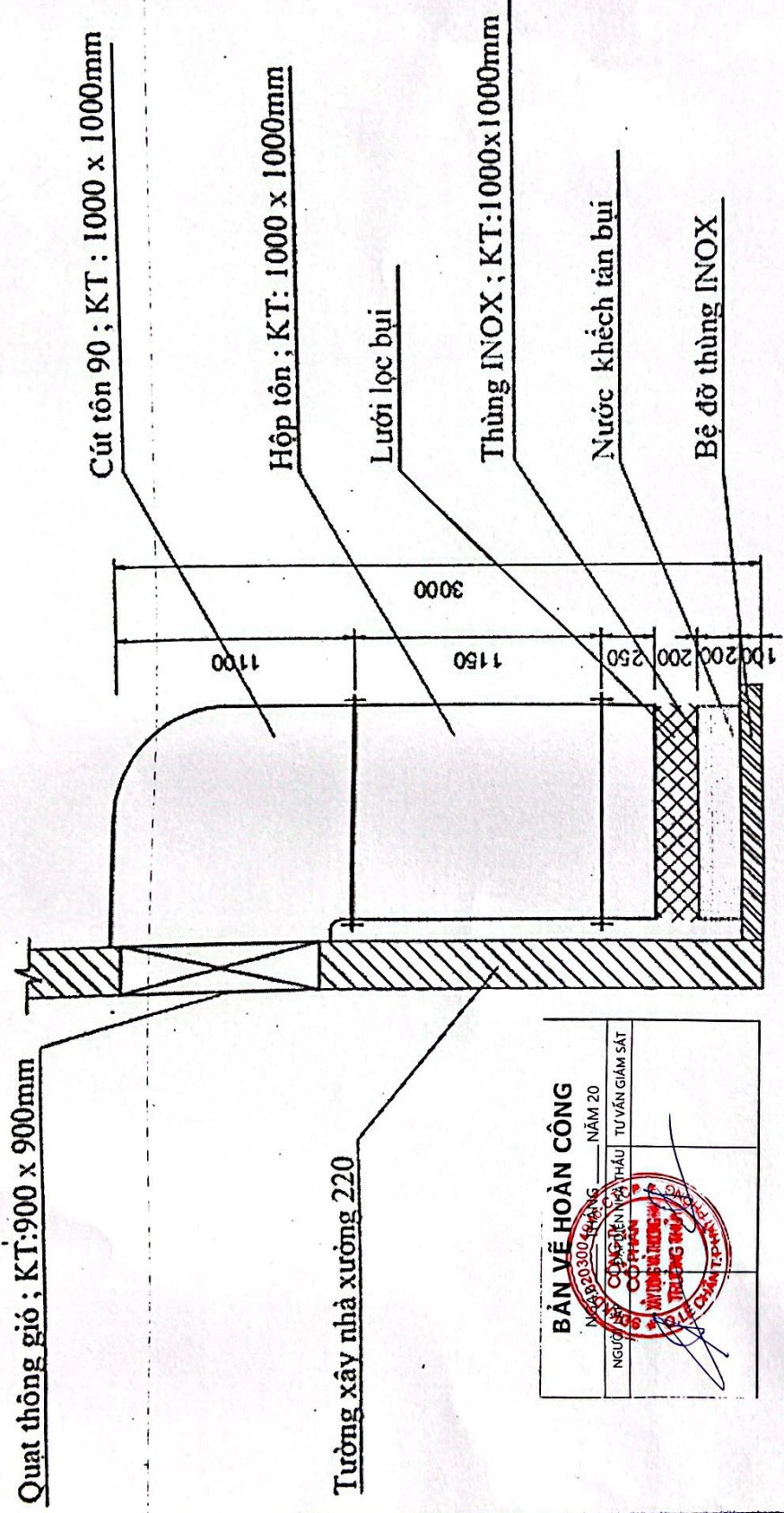
CHỦ ĐẦU TƯ

: CÔNG TY TNHH LIHITLAB. VIỆT NAM

ĐỊA ĐIỂM XÂY DỰNG

: LÔ J13B, J14 KHU CÔNG NGHIỆP NOMURA - HẢI PHÒNG
XÃ AN HUNG, HUYỆN AN DƯƠNG, TP HẢI PHÒNG, VIỆT NAM

HẢI PHÒNG 2023



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
 SỐ 30300/2018
 NGÀY 20/08/2018
 NGƯỜI CHẤM DẤU VÀ CHỮ KÝ: **TRẦN VĂN HẬU**
 TUVẤN GIÁM SÁT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ VÀ THIẾT KẾ

CHỤP HÚT BỤI QUẠT THÔNG GIÓ MÁY TRỘN

CÔNG TY TNHH LIHIT LAB. VIỆT NAM
 BẢN VẼ CHỤP HÚT BỤI QUẠT THÔNG GIÓ MÁY TRỘN